

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

-----

**NGUYỄN CẢNH BẢY**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA,  
THANH TRA THUẾ Ở CỤC THUẾ HÀ TĨNH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH**

**Hà Nội - 2014**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

-----

**NGUYỄN CẢNH BẢY**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA,  
THANH TRA THUẾ Ở CỤC THUẾ HÀ TĨNH**

**Chuyên ngành: Quản lý kinh tế**

**Mã số: 60 34 01**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. ĐINH THỊ THANH VÂN**

**Hà Nội - 2014**

## MỤC LỤC

Danh mục từ viết tắt.....	i
Danh mục bảng biểu.....	ii
Danh mục hình vẽ, sơ đồ, lưu đồ, biểu đồ .....	iii
MỞ ĐẦU.....	2
CHƯƠNG 1: KIỂM TRA, THANH TRA THUẾ CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG.....	8
1.1 Công tác kiểm tra, thanh tra thuế.....	8
1.1.1 Khái niệm về kiểm tra, thanh tra thuế.....	8
1.1.2 Mục đích của kiểm tra, thanh tra thuế.....	11
1.1.3 Nguyên tắc của công tác kiểm tra, thanh tra thuế .....	12
1.1.4. Vai trò của công tác kiểm tra, thanh tra thuế.....	13
1.1.5. Chức năng nhiệm vụ và yêu cầu của công tác kiểm tra, thanh tra thuế ..	14
1.1.6 Một số đặc điểm và tổ chức bộ máy kiểm tra, thanh tra thuế.....	15
1.1.7 Các hình thức và nội dung về kiểm tra, thanh tra thuế.....	16
1.2 Kinh nghiệm thực tiễn về công tác kiểm tra, thanh tra thuế.....	44
1.2.1 Kinh nghiệm một số nước trên thế giới về hiện đại hóa công tác kiểm tra, thanh tra thuế.....	44
1.3 Bài học kinh nghiệm rút ra từ các nước trên thế giới và các tỉnh thành phố trong nước về công tác kiểm tra, thanh tra thuế. ....	51
1.3.1 Về mô hình tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm tra, thanh tra thuế	51
1.3.2 Công tác tuyển chọn và đào tạo cán bộ kiểm tra, thanh tra thuế ...	51
1.3.3 Về công tác xây dựng kế hoạch hàng năm.....	52
1.3.4 Về chiến lược xử lý rủi ro.....	53

Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA Ở CỤC THUẾ HÀ TĨNH.....	55
2.1. Giới thiệu về Cục thuế Hà Tĩnh và khái quát sự phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh .....	55
2.1.1. Giới thiệu về Cục thuế Hà Tĩnh .....	55
2.1.2. Khái quát sự phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ..	59
2.2 Thực trạng công tác kiểm tra, thanh tra thuế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.....	61
2.2.1 Tổ chức công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh .....	61
2.2.2 Quy trình kiểm tra, thanh tra thuế .....	65
2.2.3 Công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra .....	66
2.2.4 Nội dung kiểm tra, thanh tra thuế .....	68
2.2.5 Công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế .....	79
2.2.6. Quản lý lĩnh vực nợ và cưỡng chế nợ thuế. ....	81
2.3 Đánh giá công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh .....	83
2.3.1 Thành tựu .....	84
2.3.2 Những hạn chế.....	86
2.3.3 Các nguyên nhân chủ quan và khách quan tác động đến công tác kiểm tra, thanh tra thuế .....	91
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA Ở CỤC THUẾ HÀ TĨNH .....	95
3.1. Định hướng công tác kiểm tra, thanh tra thuế .....	95
3.1.1. Định hướng công tác kiểm tra, thanh tra thuế toàn quốc.....	95
3.1.2. Định hướng công tác kiểm tra, thanh tra thuế tại Cục thuế Hà Tĩnh ..	97
3.2 Một số giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh .....	98
3.2.1 Công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra thuế .....	98

3.2.2 Đào tạo lực lượng cán bộ kiểm tra, thanh tra thuế .....	99
3.2.3 Tăng cường kỹ năng và các biện pháp nghiệp vụ khi tiến hành kiểm tra, thanh tra tại cơ sở của ĐTNT.....	100
3.2.4 Ứng dụng các phần mềm hỗ trợ cho công tác kiểm tra, thanh tra thuế.	101
3.2.5 Tổ chức tốt công tác xử lý sau kiểm tra, thanh tra .....	101
3.2.6 Tổ chức tốt thanh tra các chuyên đề và tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm.....	101
3.3 Đối với hoạt động quản lý thuế .....	102
3.3.1 Nâng cao chất lượng tuyên truyền, tư vấn hỗ trợ NNT, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền .....	102
3.3.2 Tiếp tục làm tốt cải cách hiện đại hóa hệ thống thuế, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, công khai hóa quy trình nghiệp vụ quản lý của cơ quan thuế theo hướng tạo điều kiện cho NNT.....	103
3.3.3 Thực hiện tốt công tác quản lý đối tượng nộp, đưa hết đối tượng nộp thuế vào diện quản lý của cơ quan thuế.....	103
3.3.4 Tăng cường công tác quản lý nội bộ ngành thuế, xây dựng đội ngũ CBCC có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao ...	104
3.4 Một số kiến nghị .....	105
3.4.1 Kiến nghị với Nhà Nước.....	105
3.4.2 Kiến nghị với Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế. ....	109
3.4.3 Kiến nghị với Cấp ủy chính quyền. ....	109
KẾT LUẬN .....	110
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	112

## DANH MỤC CHỮ VIẾT

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Nguyên nghĩa</b>
1	CNTT	Công nghệ thông tin
2	DN	Doanh nghiệp
3	ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
4	ĐTNT	Đối tượng nộp thuế
5	NSNN	Ngân sách nhà nước
6	QLT	Quản lý thuế
7	SXKD	Sản xuất kinh doanh
8	NNT	Người nộp thuế
9	XNCN	Xã hội chủ nghĩa

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

<b>STT</b>	<b>Bảng</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1	Bảng 2.1	Tốc độ thu ngân sách qua các năm	57
2	Bảng 2.2	Kết quả thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	58
3	Bảng 2.3	Doanh nghiệp đăng ký kinh doanh giai đoạn 2009 - 2013	59
4	Bảng 2.4	Đăng ký và kê khai thuế của các DN giai đoạn 2009 – 2013	69
5	Bảng 2.5	Kết quả Kiểm tra tại trú sở cơ quan thuế từ năm 2010 đến 2013	73
6	Bảng 2.6	Kết quả thanh tra từ năm 2009 đến 2013	75
7	Bảng 2.7	Kết quả kiểm tra từ năm 2009 đến 2013	76
8	Bảng 2.8	Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền	79
9	Bảng 2.9	Kết quả hỗ trợ người nộp thuế	81
10	Bảng 2.10	Tình hình nợ thuế từ năm 2009 đến năm 2013	82
11	Bảng 2.11	Đánh giá công tác kiểm tra, thanh tra từ năm 2009-2013	83

## **DANH MỤC HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ, LƯU ĐỒ, BIỂU ĐỒ**

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1	Hình 1.1	Mô hình tổ chức chức năng thanh tra, kiểm tra thuế	15
2	Lưu đồ 1	Quy trình kiểm tra thuế	21
3	Lưu đồ 2	Quy trình thanh tra thuế	22
4	Sơ đồ 2.1	Hệ thống bộ máy quản lý thuế tỉnh Hà Tĩnh	56
5	Biểu đồ 2.1	Tốc độ thu ngân sách qua các năm	58
6	Biểu đồ 2.2	Doanh nghiệp đăng ký kinh doanh giai đoạn 2009 – 2013	60
7	Sơ đồ 2.2	Tổ chức công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh	61
8	Biểu đồ 2.3	Đăng ký và kê khai thuế của các DN giai đoạn 2009 – 2013	70



## MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết của đề tài

Luật quản lý thuế ra đời có hiệu lực từ 1/7/2007, đã làm thay đổi căn bản cơ chế quản lý thuế trước đây, trao quyền chủ động cho người nộp thuế. Người nộp thuế ‘ Tự khai, tự tính, tự nộp’ nên hiện nay công tác quản lý thuế đang phải đối mặt với những thủ đoạn trốn, lậu thuế bằng những thủ đoạn tinh vi, phức tạp. Trong đó có những thủ đoạn được liên kết ở qui mô lớn để trốn thuế... nhưng chưa được phát hiện, xử lý, truy thu kịp thời vào ngân sách Nhà nước. Chính vì vậy đòi hỏi tăng cường các biện pháp quản lý trong đó thanh tra, kiểm tra là một trong những hoạt động hết sức quan trọng. Thanh tra, kiểm tra thuế không chỉ có những đóng góp đáng kể vào chống thất thu thuế mà còn nhằm đảm bảo công bằng, động viên đối với các chủ thể kinh tế phát huy nguồn lực của mình đẩy mạnh sản xuất, nâng cao năng suất lao động. Thanh tra kiểm tra thuế là nơi cung cấp các căn cứ, các bằng chứng cụ thể phản ánh một cách chân thực, sống động các hoạt động diễn ra trong thực tế, để phục vụ cho việc hoàn thiện, bổ sung các chính sách cho phù hợp. Thực tiễn đã chứng minh trong bất kỳ hoạt động quản lý nào, để đảm bảo cho những mục tiêu đề ra đạt hiệu quả tốt, nhất thiết phải gắn liền công tác thanh tra, kiểm tra. Thông qua hoạt động thanh tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn những hành vi trái pháp luật, giúp cho cơ quan quản lý xem xét tính đúng đắn quyết định quản lý của mình nhằm đạt hiệu quả tốt nhất như mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, công tác kiểm tra, thanh tra thuế vẫn còn có những hạn chế đòi hỏi phải được nghiên cứu nhằm cải tiến, đổi mới và hoàn thiện hơn nữa để đáp ứng yêu cầu thực tiễn đang đặt ra. Vậy, những hạn chế đó đó là gì, nguyên nhân của những hạn chế trên, và làm thế nào để công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh đạt kết quả cao nhất? Câu hỏi đó sẽ được giải quyết trong

luận văn thạc sỹ, với tiêu đề: ***"Hoàn thiện công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh"***

Việc nghiên cứu đề tài **"Hoàn thiện công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh"** có ý nghĩa thiết thực, mang tính thời sự, cấp bách cả về mặt lý luận và thực tiễn, cũng như góp phần thực hiện thành công Nghị Quyết tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII đã đề ra đến năm 2015 thu đạt trên 5.000 tỷ đồng. Trong phạm vi đề tài này, tác giả chủ yếu tập trung nghiên cứu nội dung thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.**

Nghiên cứu về công tác kiểm tra, thanh tra nói chung, công tác kiểm tra, thanh tra thuế nói riêng đến nay có rất nhiều đề tài dưới các góc độ cũng như tại các địa bàn khác nhau. Một số đề tài cụ thể

***"Các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa"*** của Thạc sỹ Thái Ninh giáo viên chính Trường Đại học Nha Trang. Tác giả đã nêu tổng quan và cơ sở lý luận về công tác thanh tra, kiểm tra. Đã nêu các yếu tố gây nên sự thất thu trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đó là việc trốn thuế TNDN. Những thủ thuật lách thuế hay dấu hiệu chuyển giá phổ biến trong các giao dịch có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện qua các hình thức như nâng giá trị tài sản góp vốn; mua giá trị nguyên vật liệu đầu vào của công ty mẹ cao khi sản xuất bán lại với giá thấp dẫn tới công ty con lỗ, công ty mẹ lời... Tác giả đã nêu lên một số hạn chế trong công tác thanh tra đồng thời nêu một số giải pháp tuy nhiên chưa nêu các biện pháp cụ thể và các kỹ năng đối với công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

***" Tăng cường công tác thanh tra thuế ở Việt nam"*** của Tiến sỹ Nguyễn Thị Thanh Hoài bài đăng trên tạp chí tài chính số 5-2013. Tác giả đã nêu ra các nội dung cơ bản của công tác thanh tra đó là thanh tra việc chấp

hành những quy định về đăng ký kê khai nộp thuế, thanh tra việc chấp hành chế độ lưu giữ số liệu, tài liệu kinh doanh nghĩa vụ bắt buộc của đối tượng nộp thuế, thanh tra việc chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của NNT. Đồng thời tác giả đã đề cập một số hạn chế của công tác thanh tra như chưa có quy trình phân loại kiểm tra một cách có hệ thống, khoa học để nhằm phát hiện đối tượng có nhiều khả năng trốn thuế, lậu thuế để tiến hành thanh tra, do vậy hiệu quả của thanh tra thuế chưa thật cao, trình độ của các cán bộ làm công tác thanh tra và việc xử lý sau thanh tra chưa đủ mạnh. Từ đó Tác giả đã nêu ra các giải pháp chung nhất mang tính gợi mở nhằm tăng cường công tác thanh tra.

*" Tổ chức thanh tra thuế thu nhập doanh nghiệp do Cục Thuế Nghệ An thực hiện"*, luận văn thạc sỹ của Nguyễn Thị Thanh Vỹ, Trường Đại học kinh tế Quốc Dân, năm 2011; luận văn đã phân tích và nhận diện những vấn đề còn tồn tại trong tổ chức thanh tra thuế thu nhập doanh nghiệp do Cục Thuế Nghệ An thực hiện, từ lập kế hoạch, xác định các ngành nghề kinh doanh rủi ro về thuế, đặc biệt là tổ chức thanh tra thuế đối với các doanh nghiệp đầu nước ngoài thời gian qua đang còn quá ít. Tác giả cũng đã nêu lên được một số bất cập về mặt chính sách đó là chế độ chính sách về thuế thay đổi thường xuyên, chế tài về xử lý về pháp luật thuế chưa đủ mạnh... Từ đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện nhằm phát huy tác dụng tích cực công tác thanh tra thuế nói chung và thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng góp phần vào sự thành công của công cuộc cải cách thuế trong giai đoạn tiếp theo.

*"Hoàn thiện tổ chức thanh tra thuế đối với các doanh nghiệp lớn ở Việt Nam"*, Luận văn thạc sỹ của Hoàng Thị Thu Hà, Trường Đại học kinh tế Quốc Dân, năm 2007; Đề tài hệ thống hoá và làm rõ hoạt động tổ chức thanh tra đối với các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam. Tác giả cũng đã nêu ra các Nội

dung chương trình cải cách và hiện đại hoá công tác thanh tra thuế đến năm 2010, đồng thời nêu ra những thách thức và yêu cầu đặt ra đối với việc tổ chức công tác thanh tra thuế đối với các doanh nghiệp lớn đó là Thanh tra, kiểm tra đúng đối tượng có rủi ro cao, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật thuế để giáo dục, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật thuế và đảm bảo khách quan, tạo sự công bằng giữa các NNT. Kiểm soát hiệu quả công tác thanh tra thuế, đồng thời phải nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật thuế của NNT giảm phiền NNT nhưng vẫn đảm bảo quản lý thuế hiệu quả. Trên cơ sở đó đề xuất những định hướng và giải pháp để hoàn thiện tổ chức thanh tra thuế đối với các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam.

***“ Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ”*** của tác giả Võ Tiến Dũng đăng trên tạp chí Kinh tế - kỹ thuật Bình Dương tháng 12 năm 2013. Tác giả đã phân tích và nêu được 4 nhân tố ảnh hưởng chính đến hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra thuế đó là: Chính sách pháp luật thuế; chất lượng cuộc kiểm tra thanh tra thuế; các chức năng hỗ trợ quản lý; người nộp thuế. Tác giả phân tích các yếu tố trên cơ sở đặt ra 34 câu hỏi bằng phương pháp đánh giá hệ số độ tin cậy cronbach alpha kết luận thứ tự các nhân tố ảnh hưởng: thứ nhất, chất lượng cuộc kiểm tra thanh tra thuế; thứ hai, chính sách pháp luật thuế; thứ ba, quản lý và phối hợp nhân tố cuối cùng là tuyên truyền và hỗ trợ. Tuy nhiên tác giả chưa đi sâu phân tích các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của cuộc thanh tra, kiểm tra thuế.

Các đề tài trên đã đề cập mức độ nhất định về tính cần thiết khách quan của công tác kiểm tra, thanh tra thuế, đã nêu ra được một số giải pháp. Tuy nhiên đối với địa bàn Hà Tĩnh chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào nghiên cứu một cách có hệ thống về mặt lý luận đối với công tác kiểm tra, thanh tra thuế; cũng như đề xuất phương hướng, giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra đối với người nộp thuế.

### **3. Mục đích nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

- Góp phần làm rõ lý luận về thanh tra, kiểm tra nói chung và trong ngành thuế nói riêng.

- Khẳng định sự cần thiết khách quan của việc tăng cường đổi mới, hoàn thiện thanh tra, kiểm tra thuế ở Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để khẳng định sự cần thiết khách quan phải hoàn thiện công tác kiểm tra, thanh tra thuế luận văn phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phân tích đánh giá thực trạng công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian từ 2009 đến nay; chỉ rõ những hạn chế và các nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra thuế trong thời gian qua.

- Đề xuất các giải pháp để hoàn thiện công tác kiểm tra, thanh tra tại Cục thuế Hà Tĩnh.

### **4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Do khuôn khổ của luận văn có hạn nên tác giả chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản và những vấn đề thực tiễn có liên quan đến công tác kiểm tra, thanh tra người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu.**

Phạm vi không gian: địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Phạm vi thời gian: Từ năm 2009 đến năm 2013

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lê nin. Sử dụng phương pháp khảo sát, thu thập dữ liệu kết hợp với các phương pháp chuyên gia, phân tích, so sánh, để rút ra các kết luận có căn cứ khoa học.

Luận văn cũng kế thừa và sử dụng có chọn lọc một số đề xuất và các số liệu thống kê trong một số công trình nghiên cứu có liên quan của các tác giả đi trước.

Dựa trên các tài liệu, báo cáo tổng kết hàng năm về công tác kiểm tra, thanh tra thuế của Cục thuế Hà Tĩnh và của Tổng cục thuế qua các năm từ năm 2009 đến nay.

## **6. Dự kiến đóng góp của luận văn**

Luận văn đề ra các giải pháp thiết thực phù hợp với thực tiễn công tác thanh tra, kiểm tra thuế ở Hà Tĩnh hiện tại và trong thời gian tới. Tạo cơ sở khoa học cho Cục thuế tỉnh có những định hướng và quyết định trong quản lý thuế mang lại hiệu quả cao. Mặt khác Luận văn cũng là tài liệu tham khảo hữu ích đối với những người quan tâm đến lĩnh vực thuế, chống thất thu thuế nhằm đảm bảo công bằng, động viên đối với các chủ thể kinh tế phát huy nguồn lực của mình đẩy mạnh sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

**7. Kết cấu luận văn:** Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được viết thành 3 chương.

Chương 1: *Kiểm tra, thanh tra thuế, cơ sở lý luận và kinh nghiệm ở một số địa phương*

Chương 2: *Thực trạng công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh*

Chương 3: *Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra ở Cục thuế Hà Tĩnh*

# **CHƯƠNG 1: KIỂM TRA, THANH TRA THUẾ CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG**

## **1.1 Công tác kiểm tra, thanh tra thuế**

### ***1.1.1 Khái niệm về kiểm tra, thanh tra thuế***

Hoạt động quản lý Nhà nước chính là sự tác động có định hướng của chủ thể quản lý (cơ quan thuế) tới các đối tượng quản lý (Đối tượng nộp thuế) nhằm đạt được mục tiêu động viên một phần thu nhập quốc dân vào NSNN. Do vậy kiểm tra, thanh tra thuế chính là một công đoạn và là một yếu tố cấu thành của hoạt động Lãnh đạo quản lý Nhà nước của cơ quan thuế. Hoạt động quản lý của cơ quan thuế bao gồm từ việc xây dựng các mục tiêu kế hoạch trong giai đoạn nhất định đến việc tổ chức để thực hiện các mục tiêu kế hoạch đó và sau cùng là tiến hành kiểm tra, thanh tra thuế, việc thực hiện đó như thế nào để từ đó tác động ngược trở lại từ khâu xác định chủ trương kế hoạch có hợp lý hay không nhằm đảm bảo cho hoạt động của cơ quan thuế đạt được hiệu quả cao.

Kiểm tra, thanh tra thuế là một trong bốn chức năng cơ bản của quản lý thuế theo mô hình chức năng. Bên cạnh việc tôn trọng kết quả tự tính, tự khai tự nộp thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế thực hiện các biện pháp giám sát hiệu quả vừa đảm bảo khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện, vừa đảm bảo phát hiện ngăn ngừa các trường hợp vi phạm pháp luật thuế. Kiểm tra, thanh tra thuế là một biện pháp hữu hiệu nhằm phát hiện ngăn ngừa vi phạm, giúp người nộp thuế nhận thấy luôn có một hệ thống giám sát hiệu quả tồn tại và kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm của họ.

Kiểm tra, thanh tra thuế là hoạt động giám sát của cơ quan thuế đối với các hoạt động, giao dịch liên quan đến phát sinh nghĩa vụ thuế và tình hình thực hiện thủ tục hành chính thuế, chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế, nhằm bảo đảm pháp luật thuế được thực thi nghiêm chỉnh trong đời

sống kinh tế - xã hội.

- Khái niệm về thanh tra thuế

Thanh tra ( tiếng Anh là Inspect) xuất phát từ nguồn gốc La tinh (Inspectare) có nghĩa là “nhìn vào bên trong”, chỉ một sự kiểm tra, xem xét từ bên ngoài đối với hoạt động của một số đối tượng nhất định. Theo Từ điển pháp luật Anh-Việt, thanh tra “là sự kiểm soát, kiểm kê đối với đối tượng bị thanh tra”. Từ điển Luật học (tiếng Đức) giải thích thanh tra “là sự tác động của chủ thể đến đối tượng đã và đang thực hiện thẩm quyền được giao nhằm đạt được mục đích nhất định - sự tác động có tính trực thuộc”. Theo Từ điển tiếng Việt “thanh tra là kiểm soát, xem xét tại chỗ việc làm của địa phương, cơ quan, xí nghiệp”. Với nghĩa này, Thanh tra bao hàm nghĩa kiểm soát nhằm: “ xem xét và phát hiện ngăn chặn những gì trái với quy định”. Thanh tra thường đi kèm với một chủ thể nhất định: “ người làm nhiệm vụ thanh tra”, “đoàn thanh tra của Bộ” và “đặt trong phạm vi quyền hạn của chủ thể nhất định.

Như vậy Thanh tra là một chức năng thiết yếu của quản lý nhà nước, là hoạt động kiểm tra, xem xét việc làm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; thường được thực hiện bởi một cơ quan chuyên trách theo một trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, nhằm kết luận đúng, sai, đánh giá ưu, khuyết điểm, phát huy nhân tố tích cực, phòng ngừa, xử lý các vi phạm, góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước các quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân”

Từ phân tích trên ta có khái niệm thanh tra thuế: là một chức năng thiết yếu trong quản lý thuế, kiểm tra, xem xét việc tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế được cơ quan thuế thực hiện theo trình tự thủ tục do pháp luật quy định nhằm kết luận đúng, sai, đánh giá ưu, khuyết điểm, phát huy nhân tố tích cực, phòng ngừa, xử lý các vi phạm pháp luật về thuế, góp phần hoàn



thiện cơ chế quản lý thuế, chính sách thuế, pháp luật thuế, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, các quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế.

- Khái niệm về kiểm tra thuế:

Theo Từ điển tiếng Việt thì “kiểm tra là xem xét tình hình thực tế để đánh giá, nhận xét”. Xét về chủ thể thì phạm vi chủ thể tiến hành hoạt động kiểm tra đa dạng hơn thanh tra rất nhiều. Chủ thể tiến hành kiểm tra có thể là Nhà nước hoặc cũng có thể là một chủ thể phi nhà nước, chẳng hạn như hoạt động kiểm tra của một tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ...), hoạt động kiểm tra trong nội bộ một doanh nghiệp: kiểm tra của Giám đốc đối với các phòng, ban, kiểm tra của Quản đốc đối với người lao động. Trên một bình diện rộng hơn nữa, kiểm tra có thể là sự xem xét thực tế để đánh giá, nhận xét của bất kỳ một cá nhân nào trong xã hội trong bất cứ hoạt động nào. Theo nghĩa hẹp kiểm tra là hoạt động của chủ thể nhằm tiến hành xem xét, xác minh việc gì đó của đối tượng bị quản lý xem có phù hợp hay không phù hợp trạng thái đã quy định trước. Chủ thể kiểm tra có thể áp dụng một chế tài pháp lý nhất định như áp dụng xử phạt vi phạm hành chính hoặc buộc phải thực hiện một số biện pháp ngăn chặn hành chính. Từ sự phân tích trên, ta có khái niệm kiểm tra thuế là hoạt động xem xét tình hình thực tế của đối tượng được kiểm tra để đánh giá, nhận xét và xử lý của cơ quan thuế đối với việc thực hiện pháp luật thuế của người nộp thuế và công tác quản lý, hành thu, kiểm tra của cán bộ thuế.

Kiểm tra và thanh tra thuế có những điểm giống nhau và khác nhau chủ yếu như sau:

**Giống nhau:**

+ Về mục đích: Phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuế.

+ Về cách thức tiến hành: Xem xét hoạt động thực tế của đối tượng để phân tích, đánh giá, phát hiện và xử lý theo quy định pháp luật về thuế.

+ Về nội dung: đều xem xét doanh thu, chi phí, lợi nhuận.

+ Về phương pháp: đều phải phân tích xác định rủi ro, truy lần lại việc xử lý dữ liệu, tính toán lại và xác minh.

**Khác nhau:**

+ Về đối tượng: Thanh tra áp dụng cho các đối tượng có ngành kinh doanh đa dạng, phạm vi kinh doanh rộng, cơ cấu tổ chức phức tạp, hoặc khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế, hoặc để giải quyết khiếu nại tố cáo hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế các cấp.

+ Về phạm vi nội dung: Thanh tra thường là nội dung rộng, phức tạp, có thể liên quan đến nhiều đối tượng, lĩnh vực khác nhau.

+ Về biện pháp áp dụng: thanh tra được áp dụng các biện pháp mạnh hơn (tạm giữ tang vật, tài liệu; khám nơi cất dấu tang vật, tài liệu – theo quy định của Luật quản lý thuế).

+ Về hình thức tổ chức: Đoàn có thể tổ chức thành các Tổ để đi sâu vào từng nội dung thanh tra.

+ Về thời gian: thanh tra thường là không quá 30 ngày, kiểm tra thường không quá 5 ngày.

**1.1.2 Mục đích của kiểm tra, thanh tra thuế**

Hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế nhằm giúp các đối tượng nộp thuế và cơ quan thuế thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về công tác quản lý thu ngân sách đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của ngành.

Thông qua công tác kiểm tra, thanh tra thuế nhằm đánh giá việc chấp hành các luật thuế của các đối tượng nộp thuế và người thu thuế nhằm phát huy nhân tố tích cực, đấu tranh ngăn ngừa và xử lý những mặt tiêu cực.

Căn cứ vào những kiến nghị của kết quả kiểm tra, thanh tra, cơ quan

thuế các cấp có thể đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện, đưa Luật thuế vào cuộc sống thực tế, đảm bảo sự công bằng trong việc thực hiện luật thuế, đồng thời cải cách được các quy trình quản lý thu thuế ngày càng hợp lý hơn.

Thông qua công tác kiểm tra, thanh tra thuế nhằm hướng dẫn, giúp đỡ đối tượng nộp thuế nắm được nghĩa vụ và quyền hạn của đơn vị khi thực hiện luật thuế; đồng thời nâng cao trách nhiệm của công chức ngành thuế khi thi hành công vụ.

Thông qua công tác thanh tra nội bộ nhằm kịp thời ngăn chặn, phòng ngừa những hành vi tiêu cực, tham nhũng phát sinh, để xây dựng cơ quan thuế trong sạch vững mạnh với đội ngũ cán bộ thuế về phẩm chất đạo đức, giỏi về nghiệp vụ chuyên môn.

### ***1.1.3 Nguyên tắc của công tác kiểm tra, thanh tra thuế***

Ba nguyên tắc cơ bản của công tác kiểm tra, thanh tra thuế đó là

\*Nguyên tắc thứ nhất: mọi hoạt động thanh tra, kiểm tra đều phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra tại ĐTNT phải có quyết định thanh tra, kiểm tra do người có thẩm quyền ban hành.

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra các thanh tra viên cần thực hiện độc lập và nghiêm túc các quyền trong phạm vi pháp luật cho phép.

\* Nguyên tắc thứ hai là đảm bảo chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời khi thanh tra, kiểm tra.

-Tính chính xác, khách quan nhằm để đảm bảo đánh giá đúng thực trạng, tình hình của ĐTNT được thanh tra, kiểm tra, phản ánh đúng sự thật không thiên vị hoặc bóp méo sự việc, giúp cho việc xử lý các sai phạm đúng người, đúng việc, đúng pháp luật.

- Tính công khai thể hiện ở việc phải thông báo đầy đủ nội dung thanh tra, tiếp xúc công khai với đối tượng thanh tra và người có liên quan ở nơi

thanh tra và tùy theo tính chất từng vụ việc mà có thể công khai kết luận thanh tra.

- Tính dân chủ, kịp thời nhằm tránh biểu hiện chủ quan, áp đặt, bất chấp ý kiến người khác, đồng thời giúp cơ quan quản lý nhà nước xử lý kịp thời những phát hiện qua thanh tra, kiểm tra thuế.

\* Nguyên tắc thứ 3 là: Thanh tra, kiểm tra thuế phải thực hiện đúng quy trình, quy phạm do ngành thuế đã quy định đó là nguyên tắc thứ ba.

#### ***1.1.4. Vai trò của công tác kiểm tra, thanh tra thuế***

**- Kiểm tra, thanh tra thuế đã góp phần hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật về thuế**

Hệ thống thuế ở nước ta hiện nay bao gồm nhiều sắc thuế khác nhau. Mỗi sắc thuế điều tiết đến một số đối tượng xã hội nhất định và có những phương pháp quản lý thu khác nhau. Về cơ bản mỗi sắc thuế khi được ban hành đều đã được nghiên cứu kỹ và chuẩn bị chu đáo nhưng do đặc điểm nền kinh tế nước ta đang ở thời kỳ chuyển đổi từ hành chính, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN nên không tránh khỏi những khiếm khuyết, bất cập. Chính vì vậy kiểm tra, thanh tra thuế là nơi cung cấp các căn cứ, các bằng chứng cụ thể phản ánh một cách chân thực, sống động các hoạt động diễn ra trong thực tế, để phục vụ cho việc hoàn thiện, bổ sung các chính sách cho phù hợp.

**- Kiểm tra, thanh tra thuế là phương tiện phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm nảy sinh trong hoạt động quản lý thuế**

Với tư cách là công cụ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, kiểm tra, thanh tra thuế chính là việc xem xét tại chỗ việc làm của các tổ chức, cơ quan và các cá nhân có đúng quy định của chính sách, pháp luật về thuế hay không? Qua đó sử dụng các biện pháp chế tài bằng mệnh lệnh hoặc các quyết định hành chính nhằm ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật của ĐTNТ.

Thực tế cho thấy không có hệ thống pháp luật nào có thể đảm bảo là không khiếm khuyết. Đây chính là nguyên nhân để các đối tượng lợi dụng, cố tình lách luật để trục lợi cá nhân. Kiểm tra, thanh tra thuế phải phát hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực để ngăn ngừa kịp thời.

**- Kiểm tra, thanh tra thuế có vai trò quan trọng trong việc cải cách thủ tục hành chính cả về quy chế và tổ chức thực hiện**

Thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế giúp giảm đến mức tối đa các thủ tục, quy chế không cần thiết gây phiền hà đến nhân dân và doanh nghiệp.

#### ***1.1.5. Chức năng nhiệm vụ và yêu cầu của công tác kiểm tra, thanh tra thuế***

Ngành thuế có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra người nộp thuế. Nhiệm vụ kiểm tra được tiến hành tại cơ quan thuế và/hoặc tiến hành tại trụ sở người nộp thuế. Nhiệm vụ thanh tra thuế được tiến hành tại trụ sở người nộp thuế.

Bộ Tài chính và Tổng cục thuế quy định chức năng nhiệm vụ cho Thanh tra Tổng cục Thuế và Cục thuế địa phương thực hiện cả hai nhiệm vụ Thanh tra và Kiểm tra người nộp thuế; đối với Chi cục thuế trước đây chỉ thực hiện nhiệm vụ Kiểm tra người nộp thuế nay đối với các chi cục cũng được thực hiện chức năng thanh tra thuế.

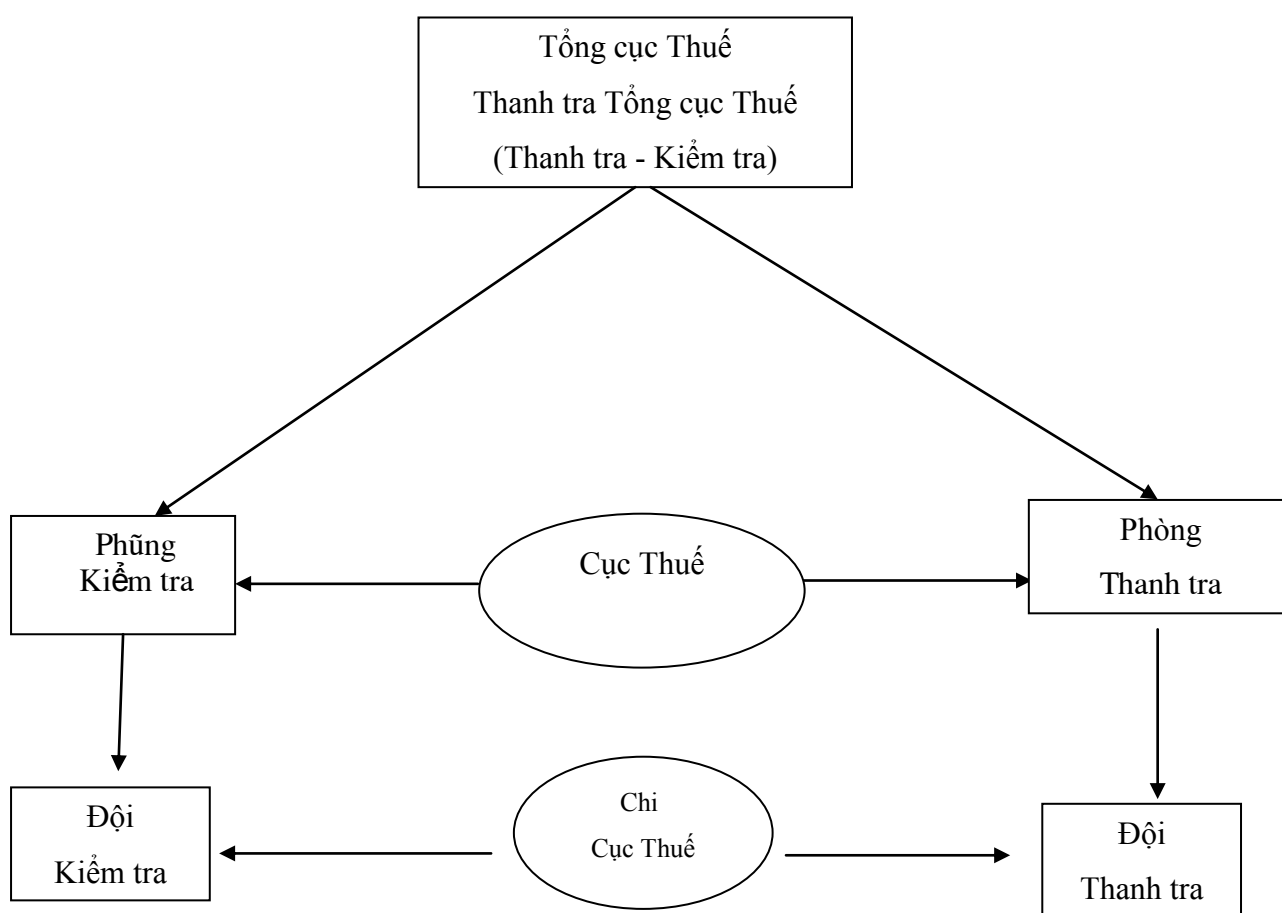
+ Quyết định số 109/2010/QĐ-BTC ngày 14/1/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: *“Thanh tra Tổng cục Thuế là tổ chức thuộc Tổng cục Thuế, thực hiện chức năng thanh tra thuế, kiểm tra thuế đối với người nộp thuế; thanh tra giải quyết tố cáo về hành vi trốn thuế, gian lận thuế của người nộp thuế trong phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục Thuế”*

+ Quyết định số 502 /QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế: *“Phòng Kiểm tra thuế, giúp Cục trưởng Cục Thuế kiểm tra, giám sát kê khai thuế;...*

*Phòng Thanh tra thuế, Giúp Cục trưởng Cục Thuế triển khai thực hiện công tác thanh tra người nộp thuế trong việc chấp hành pháp luật thuế; giải*

quyết tố cáo về hành vi trốn lậu thuế, gian lận thuế liên quan đến người nộp thuế thuộc phạm vi Cục Thuế quản lý”

+ Quyết định số 503/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế: “Chi cục thuế...có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát việc kê khai thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và chấp hành chính sách, pháp luật thuế đối với người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân được uỷ nhiệm thu thuế;...”



**Hình 1.1 Mô hình tổ chức chức năng thanh tra, kiểm tra thuế**

(Nguồn: Tổng cục thuế)

### 1.1.6 Một số đặc điểm và tổ chức bộ máy kiểm tra, thanh tra thuế

- Thanh tra, kiểm tra thuế là một tổ chức thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Tài chính nên mang đặc điểm của Thanh tra Tài chính. Tuy nhiên cũng có

những đặc điểm riêng khác với thanh tra Hải quan, thanh tra giá, thanh tra Kho bạc ... ở chỗ: Thanh tra, kiểm tra thuế rất rộng về đối tượng, phạm vi và lĩnh vực ngành nghề. Tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ của các tổ chức và cá nhân trên mọi lĩnh vực, ngành nghề đều chịu sự điều chỉnh của pháp luật thuế. Đặc điểm này chi phối trình độ chuyên sâu, chuyên nghiệp của cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế; và chi phối phương pháp, kỹ năng, kỹ thuật thanh tra, kiểm tra thuế.

- Thanh tra, kiểm tra thuế là hoạt động thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với người nộp thuế. Đặc điểm này chi phối đạo đức nghề nghiệp, văn hoá ứng xử, tác phong mẫu mực của cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Mặt khác hoạt động thanh tra, kiểm tra người nộp thuế trong cơ chế thị trường vừa phải đối mặt với những cám dỗ, cám bẫy dễ sa ngã; đồng thời phải đối đầu với sức ép, áp lực khác nhau, thậm chí ảnh hưởng đến danh dự và tính mạng của người làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Đây là một đặc điểm ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng, tình cảm, hành vi công vụ của cán bộ thanh tra, kiểm tra thuế; đến hiệu lực hiệu quả của công tác thanh tra kiểm tra người nộp thuế; đến uy tín và danh dự của ngành thuế.

### ***1.1.7 Các hình thức và nội dung về kiểm tra, thanh tra thuế***

#### ***1.1.7.1 Các hình thức về kiểm tra, thanh tra thuế***

- Theo tính kế hoạch: Hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế có hai hình thức đó là kiểm tra, thanh tra thuế theo kế hoạch đã lập và kiểm tra, thanh tra đột xuất do chỉ đạo của cơ quan cấp trên hoặc phát hiện sai phạm cần phải xử lý ngay.

+ Kiểm tra, thanh tra thuế theo chương trình, kế hoạch được tiến hành theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt. Căn cứ vào nguồn lực hiện có, tình hình chấp hành pháp luật thuế trên địa bàn và mục tiêu quản lý thuế, cơ quan thuế xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra trình cấp thẩm quyền

phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra thuế được phê duyệt đó.

+ Kiểm tra, thanh tra thuế đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

- Theo nội dung và phạm vi kiểm tra thanh tra: Theo hình thức này kiểm tra, thanh tra thuế được chia thành hai loại là kiểm tra, thanh tra toàn diện và kiểm tra, thanh tra bộ phận.

+ Kiểm tra, thanh tra toàn diện: là thực hiện kiểm tra, thanh tra toàn bộ công tác quản lý thu của một cơ quan thuế hoặc toàn bộ quá trình kê khai, nộp thuế với tất cả các sắc thuế của người nộp thuế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Kiểm tra, thanh tra thuế bộ phận: hình thức này thường được áp dụng khi kiểm tra, thanh tra một hoặc vài sắc thuế; một hoặc một số kỳ tính thuế hoặc một vài quy trình quản lý.

- Theo địa điểm tiến hành kiểm tra, thanh tra:

+ Kiểm tra, thanh tra tại cơ quan thuế. Với hình thức này cơ quan thuế không đến làm việc tại cơ sở kinh doanh mà tiến hành kiểm tra các hồ sơ liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế tại cơ quan thuế qua hồ sơ kê khai, quyết toán của người nộp thuế. Thông thường hình thức này là bước đầu phục vụ cho hình thức kiểm tra, thanh tra thuế cơ sở kinh doanh.

+ Kiểm tra, thanh tra tại cơ sở kinh doanh: Kiểm tra, thanh tra thuế tại cơ sở là một công cụ chủ yếu trong chương trình kiểm tra, thanh tra của Cơ quan thuế. Thời gian cần thiết để thực hiện công việc này tùy thuộc bản chất của cuộc kiểm tra, thanh tra tuy nhiên đối với kiểm tra không quá 5 ngày làm việc, thanh tra không quá 30 ngày làm việc chưa kể thời gian gia hạn. Kiểm



tra, thanh tra tại cơ sở thường là việc kiểm tra chi tiết nhưng cũng có lúc chỉ là việc kiểm tra một phần sổ sách kế toán thông thường của ĐTNNT ngay tại trụ sở làm việc của ĐTNNT.

#### *1.1.7.2 Nội dung kiểm tra, thanh tra thuế*

Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra, thanh tra thuế, nhóm phân tích phải thực hiện quá trình tập hợp và phân tích rủi ro các thông tin chuyên sâu tại cơ quan thuế, nhằm kiểm tra tính xác thực đối với các hồ sơ khai thuế, báo cáo tài chính, các nghi vấn cần doanh nghiệp cung cấp thêm thông tin hoặc những nội dung nghi ngờ cần tiếp xúc với doanh nghiệp để làm rõ (thông tin chung về doanh nghiệp, tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức hạch toán, liên doanh liên kết, đối tác kinh doanh, hợp đồng mua bán hàng, tăng giảm tài sản, biên bản xác nhận công nợ nội bộ, công nợ người bán, người mua...)

Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu tổng hợp tại trụ sở của NNT được thực hiện tùy theo phạm vi, quy mô, nội dung cuộc thanh tra, kiểm tra. Các nội dung kiểm tra đối chiếu số liệu tổng hợp gồm:

Thứ nhất: kiểm tra việc chấp hành những quy định về đăng ký thuế thông qua hồ sơ đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế. Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là nghĩa vụ của người nộp thuế thông qua công tác kiểm tra, thanh tra nhằm giúp cho cơ quan thuế quản lý chặt chẽ ĐTNNT ngay khi bắt đầu hoạt động; đồng thời đây là tiêu chí quan trọng giúp cho cơ quan chức năng thống kê giám sát chống lợi dụng của ĐTNNT không kinh doanh đăng ký để sử dụng hóa đơn khống nhằm thu lợi bất chính.

Tổng hợp kết quả kiểm tra đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế nhằm đánh giá trên từng địa bàn, trong từng loại ngành nghề có bao nhiêu đơn vị thực tế có hoạt động kinh doanh, chưa hoạt động. Cơ quan thuế phối hợp với cơ quan cấp giấy phép kinh doanh để xử lý đối với các trường đăng ký nhưng

hoạt động hoặc hoặc động kinh doanh nhưng không kê khai đăng ký thuế. Hiện nay giữa cơ quan thuế và cơ quan cấp giấy phép kinh doanh đã thực hiện liên thông nghĩa là số giấy phép kinh doanh cũng chính là mã số thuế của người nộp thuế.

Thông qua hồ sơ cấp phép đối với cơ sở kinh doanh để xem xét số liệu thực tế với số liệu đăng ký với cơ quan chức năng có chính xác không như về đăng ký vốn, địa điểm kinh doanh, ngành nghề kinh doanh, thời gian thực tế kinh doanh... từ đó xác định đúng các khoản chi có phục vụ kinh doanh hay không, xác định đúng tiền lãi vay và phản ánh các nghiệp vụ bán hàng trên hóa đơn so với đăng ký.

Thứ hai: Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ.

Đây là nội dung rất quan trọng để đánh giá người nộp thuế có thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ đối với nhà nước hay không. Việc thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ có liên quan mật thiết đến việc tính thuế, nộp thuế và công tác quản lý của Nhà nước. Nội dung kiểm tra, thanh tra này bao gồm: Kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện Luật kế toán, chuẩn mực kế toán, việc lập và sử dụng hóa đơn chứng từ.

Qua kiểm tra, thanh tra việc chấp hành chế độ kế toán, sổ sách chứng từ, hóa đơn nhằm phát hiện tính trung thực của người nộp thuế trong việc kê khai nộp thuế. Đây là nội dung phức tạp và tốn nhiều thời gian nhất bởi người nộp thuế thường xuyên có biểu hiện về gian lận, trốn thuế để tăng lợi nhuận cho mình bằng nhiều cách như hạch toán sai bản chất, tăng chi phí, dấu doanh thu hoặc kết chuyển các khoản chi phí không đúng.

Thứ ba, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kê khai thuế và nộp thuế.

Kiểm tra đối chiếu tài liệu, hồ sơ gửi cơ quan thuế với thực tế xuất trình của doanh nghiệp: như báo cáo quyết toán tài chính quý, năm; tờ khai

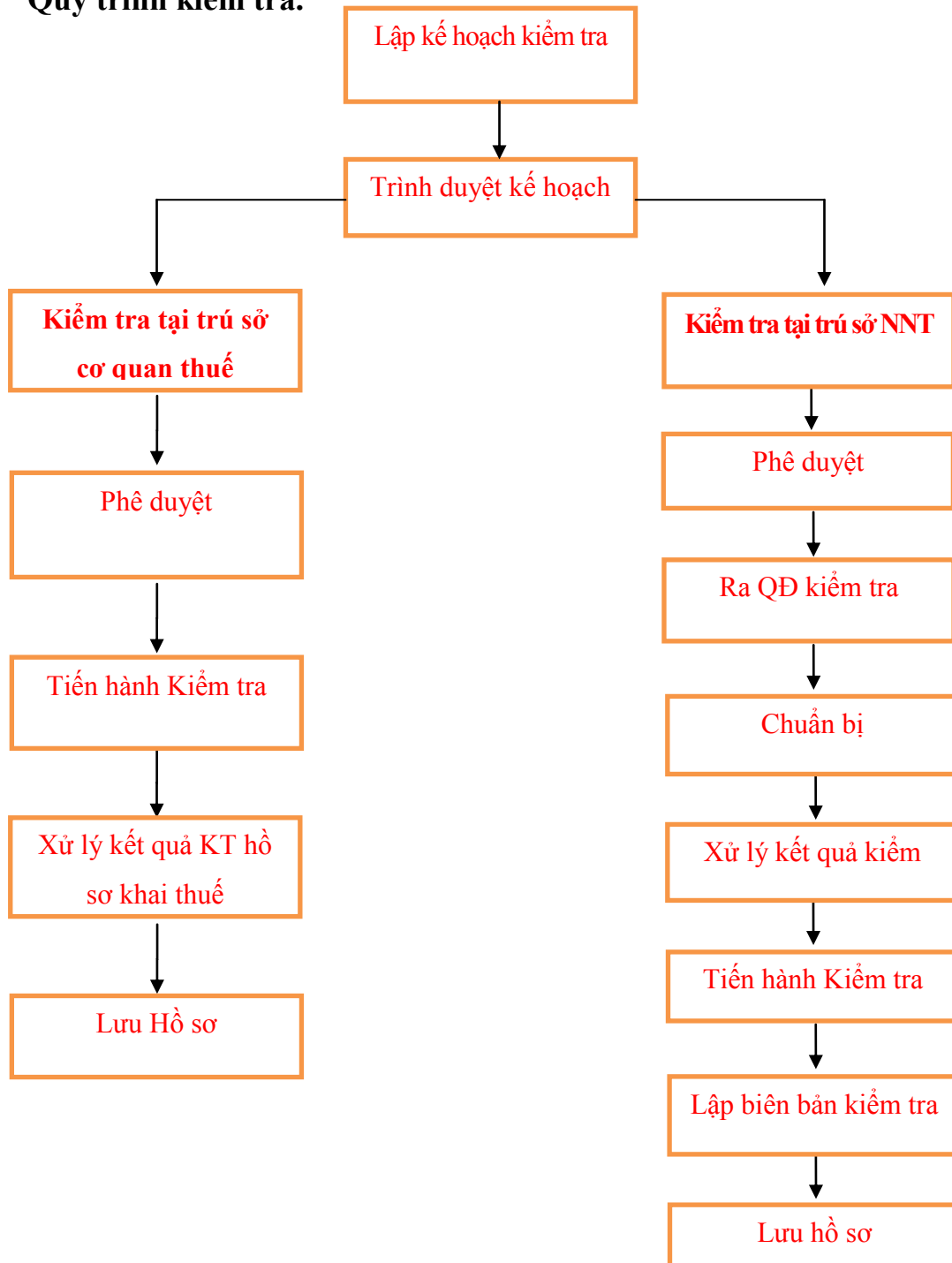
thuế Giá trị gia tăng, thuế TNDN tạm nộp theo quý, tờ khai thuế Thu nhập doanh nghiệp tự quyết toán năm và các tờ khai quyết toán thuế khác liên quan đến nội dung ghi tại quyết định thanh tra, kiểm tra.

Kiểm tra căn cứ tính thuế trên cơ sở kiểm tra sổ sách kế toán, chứng từ hóa đơn và các tài liệu khác nhằm xác định đúng số thuế phải nộp, số thuế đã nộp, số thuế được miễn giảm, số thuế được hoàn trong kỳ. Đối chiếu với số liệu trên tờ khai, bảng kê, quyết toán thuế với số liệu kiểm tra, thanh tra trên sổ sách kế toán và tình hình thực tế của đơn vị để phát hiện các khoản chênh lệch về doanh số cũng như các khoản chi phí bất hợp lý.

#### *1.1.7.3 Quy trình kiểm tra, thanh tra thuế*

Quy trình kiểm tra, thanh tra thuế là các trình tự và các bước công việc cụ thể bắt buộc phải tuân thủ khi thực hiện một quyết định kiểm tra, thanh tra thuế, một chương trình kiểm tra, thanh tra hay một kế hoạch kiểm tra, thanh tra cụ thể. Ngoài công tác lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra hàng năm và công tác báo cáo thực hiện kết quả kiểm tra, thanh tra thì công tác kiểm tra, thanh tra thuế bao gồm các bước lô gích được thể hiện dưới dạng lưu đồ như sau

## Quy trình kiểm tra.



**Lưu đồ 1: Quy trình kiểm tra thuế**

## Quy trình thanh tra

TRÁCH NHIỆM	TRÌNH TỰ CÁC BƯỚC	THỜI GIAN THỰC HIỆN
Phòng thanh tra	Lập kế hoạch thanh tra	Quý IV năm trước
Cục thuế	Trình duyệt kế hoạch thanh tra	31/12/năm trước
Cục thuế	Báo cáo kế hoạch thanh tra	10/01 năm kế hoạch
Phòng thanh tra	Trình duyệt kế hoạch Thực hiện	Trước khi ra quyết định
Đoàn thanh tra	Thành lập Đoàn thanh tra, QĐ thanh tra	
Đoàn thanh tra	Thực hiện thanh tra	30 ngày kể từ ngày công bố quyết định
Đoàn thanh tra	Báo cáo kết quả thanh tra	15 ngày kể từ ngày kết thúc thanh tra
Lãnh đạo Cục thuế	Xử lý kết quả sau thanh tra	15 ngày kể từ ngày nhận được BC TT
Phòng thanh tra	Lưu hồ sơ	
Phòng thanh tra	Theo dõi việc thực hiện Quyết định xử lý	
Lãnh đạo Cục thuế	Báo cáo	

**Lưu đồ 2: Quy trình thanh tra thuế**

#### *1.1.7.4 Các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế*

##### **- Các tiêu chí định lượng**

Các tiêu chí định lượng thể hiện ở kết quả thực tế của nghiệp vụ kiểm tra, thanh tra thuế đã được tiến hành. Đó là kết quả cụ thể của việc thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc kết quả đem lại của các nghiệp vụ kiểm tra, thanh tra thuế. Các tiêu chí này thường gồm:

+ Tình hình thực hiện: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về số đối tượng thanh tra, kiểm tra so với kế hoạch năm; Tỷ lệ hoàn thành về số thời gian so với kế hoạch năm; Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch về số vụ việc khiếu tố giải quyết được so với kế hoạch năm...

+ Tình hình vi phạm pháp luật thuế đã phát hiện qua kiểm tra, thanh tra: Đánh giá tiêu chí này thường dựa vào các chỉ tiêu như: Tỷ lệ vi phạm pháp luật thuế/Tổng số đối tượng thanh tra, kiểm tra; Tổng số tiền truy thu qua kiểm tra, thanh tra; số tiền truy thu bình quân/ đối tượng kiểm tra, thanh tra.

+ Hiệu quả trực tiếp của kiểm tra, thanh tra: Đánh giá tiêu chí này thường dựa vào các chỉ tiêu như: Tỷ lệ giữ nguyên, sửa đổi hoặc huỷ bỏ quyết định truy thu thuế theo biên bản thanh tra, kiểm tra thuế khi giải quyết khiếu nại của đối tượng kiểm tra, thanh tra; Tỷ lệ trường hợp đối tượng kiểm tra, thanh tra chấp nhận hoàn toàn kết luận kiểm tra, thanh tra; Tỷ lệ số thuế truy thu được nộp vào NSNN/tổng số thuế truy thu.

Mặc dù có thể tính toán cụ thể được một số chỉ tiêu đã kể trên, song trên thực tế đa số các chỉ tiêu không thực sự phản ánh rõ hiệu quả kinh tế của công tác kiểm tra, thanh tra. Bên cạnh việc tính toán các chỉ tiêu này trong năm, để đánh giá chính xác hơn tính hiệu quả, cần phải so sánh với các năm trước để đánh giá xu hướng biến động của các chỉ tiêu, có như thế mới thấy rõ những tiến bộ của từng khâu công tác.

### **- Các chỉ tiêu định tính:**

Các chỉ tiêu định tính thường là hệ quả của hoạt động kiểm tra, thanh tra mà không thể hoặc khó tính toán, đo đếm được. Đó thường là những hiệu quả có tính xã hội, chính trị như:

+ Sự chuyển biến về ý thức tuân thủ pháp luật. Tiêu chí này có thể đo lường được thông qua so sánh tỷ lệ tuân thủ pháp luật thuế của đối tượng kiểm tra, thanh tra thuế qua các năm, đặc biệt là những đối tượng đã được kiểm tra, thanh tra (mức độ tái phạm).

+ Tác dụng ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật thuế; tạo sự công bằng giữa các ĐTNT; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Có thể đánh giá tác dụng này thông qua xem xét tỷ lệ đối tượng vi phạm bị xử lý truy thu thuế và xử phạt hành chính thuế.

### **Hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế**

Trong lĩnh vực thuế, hiệu quả của hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế không chỉ xét đơn thuần theo giá trị bằng tiền. Hiệu quả của công tác kiểm tra, thanh tra thuế là hiệu quả thực hiện các chính sách thuế, phát huy các tác dụng vốn có của mỗi loại thuế đối với sản xuất và đời sống xã hội, phục vụ công tác quản lý các đối tượng nộp thuế trong quá trình chấp hành pháp luật về thuế trên cơ sở công tác quản lý thuế đạt được hiệu quả là tối đa với chi phí quản lý ở mức tối thiểu. Hiệu quả hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế phải được xem xét trên các góc độ hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả chính trị.

- Hiệu quả kinh tế: Khai thác đầy đủ kịp thời các khoản thu Luật định về thuế vào Ngân sách nhà nước.

- Hiệu quả xã hội: Công tác thanh tra góp phần thực hiện bình đẳng, công bằng xã hội.

- Hiệu quả chính trị: Là hiệu quả thực hiện các chủ trương, chính sách kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước.

#### *1.1.7.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế*

##### ***Điều kiện kinh tế xã hội và trình độ dân trí.***

Xu thế hội nhập, liên kết kinh tế trong khu vực tiến tới toàn cầu hóa kinh tế là tất yếu khách quan. Theo đó hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, nhằm thu hút đầu tư tự do hóa thương mại trong khu vực và trên toàn thế giới. Song song với sự phát triển của nền kinh tế hệ thống pháp luật cũng sẽ dần được hoàn thiện, hệ thống chính sách thuế và công tác quản lý thuế phải được cải cách và hiện đại hóa theo các chuẩn mực quản lý thuế quốc tế, cơ sở trang thiết bị vật chất kỹ thuật ngày càng được hiện đại, số lượng người nộp thuế không ngừng tăng lên. Tất cả những biến đổi trên đều tác động lớn đến hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra thuế.

Cùng với sự gia tăng về số lượng người nộp thuế sẽ là sự đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp và các hình thức kinh doanh, kèm theo đó là sự phức tạp, tinh vi hơn về thủ đoạn trốn, tránh gian lận thuế của người nộp thuế, gây khó khăn trong việc phát hiện và xử lý kịp thời các gian lận, ẩn lậu thuế, gây thất thu cho NSNN. Do đó là thách thức lớn đối với công tác kiểm tra, thanh tra.

Xã hội ngày càng phát triển, trình độ dân trí được nâng cao, sự hiểu biết về pháp luật thuế cũng như ý thức tuân thủ của người nộp thuế ngày càng được cải thiện, bởi họ hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên cũng vì sự hiểu biết sâu sắc về pháp luật thuế mà khả năng, trốn tránh của người nộp thuế ngày càng tinh vi, phức tạp (nổi lên hiện nay đó là hiện tượng chuyên gia nhằm trốn thuế TNDN) diễn ra trên toàn cầu gây khó khăn rất lớn cho cán bộ kiểm tra, thanh tra thuế.

##### **Mô hình quản lý thuế**

Quản lý thuế là hoạt động tổ chức, điều hành và giám sát của cơ quan thuế nhằm đảm bảo người nộp thuế chấp hành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân



sách Nhà nước theo quy định của pháp luật. Quản lý thuế được thực hiện theo những mô hình nhất định. Mỗi mô hình có những ảnh hưởng khác nhau đến hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra thuế.

*Thứ nhất, mô hình quản lý theo sắc thuế*

Đây là mô hình được tổ chức sớm nhất trong hoạt động quản lý thuế, được áp dụng dựa trên nguyên tắc “sắc thuế”. Theo mô hình này cơ quan thuế được tổ chức thành các bộ phận (Phòng, ban) riêng biệt để chuyên trách quản lý một số sắc thuế cụ thể. Mỗi phòng, ban thực hiện tất cả các chức năng, các nghiệp vụ để quản lý thu đối với một hoặc một vài sắc thuế. Mô hình này thích hợp đối với những nước sử dụng các vấn đề nghiệp vụ cụ thể và quy trình quản lý khác nhau đối với mỗi sắc thuế; thuận lợi và phù hợp với các nước có nền kinh tế đang chuyển đổi, có môi trường tài chính không ổn định. Mô hình quản lý theo sắc thuế đã:

- Tạo điều kiện để chuyên sâu quản lý từng sắc thuế, hiểu rõ phương pháp quản lý sắc thuế một cách hiệu quả nhất, cho phép từng phòng tự phát triển các chương trình chuyên sâu phù hợp nhất theo yêu cầu quản lý của từng sắc thuế.

- Phản ứng kịp thời với những thay đổi của luật thuế hay những biện pháp quản lý đối với từng sắc thuế. Khi một chính sách thuế nào đó có sự bổ sung, sửa đổi hoặc thay đổi qui trình quản lý thì chỉ phải thay đổi trong một phòng quản lý sắc thuế đó hoặc khi có sắc thuế mới phát sinh thì chỉ cần thành lập thêm một phòng mới để quản lý sắc thuế đó, các phòng khác không thay đổi. Tuy nhiên tồn tại của Mô hình này là:

- Chi phí quản lý cao, hiệu suất quản lý thấp vì chức năng quản lý bị chồng chéo giữa các bộ phận. Mỗi bộ phận đều phải thực hiện đầy đủ các chức năng quản lý trong khi có những chức năng có thể chỉ do một bộ phận quản lý hoặc mỗi bộ phận phải có một hệ thống chương trình phần mềm riêng phục vụ quản lý...

- Gây khó khăn trong việc tuân thủ luật thuế của NNT vì dễ hiểu và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế (nghĩa vụ nộp nhiều loại thuế khác nhau), họ phải cần đến sự hỗ trợ của nhiều bộ phận trong cùng một cơ quan thuế. Dẫn đến chi phí tuân thủ pháp luật của NNT và của cơ quan thuế cao.

- Dễ xảy ra sự thông đồng giữa NNT và cán bộ quản lý thuế do mỗi phòng hoạt động độc lập với các phòng khác, làm cho sự kiểm tra, kiểm soát giữa các phòng hoặc không có hoặc kém hiệu quả.

- Bộ máy quản lý chồng chéo. Trong quá trình áp dụng, mô hình quản lý theo sắc thuế vẫn đan xen với quản lý thuế theo chức năng. Chức năng kiểm tra, thanh tra nằm tất cả các phòng trong hệ thống quản lý thuế cấp cơ sở. Mặt khác ở phòng nào cũng có bộ phận nghiệp vụ thực hiện như nhau dẫn đến biên chế quản lý lớn, làm cho chi phí quản lý tăng lên, chi phí tuân thủ cao.

#### *Thứ hai, mô hình quản lý theo chức năng.*

Theo mô hình này, bộ máy quản lý thuế được tổ chức theo các nhóm chức năng, mỗi bộ phận thực hiện một công việc nghiệp vụ cụ thể có liên quan đến tất cả các sắc thuế như: Đăng ký thuế, xử lý tờ khai thuế và kê toán thuế, kiểm tra, thanh tra thuế, thu nợ và cưỡng chế nợ thuế... Bộ phận kiểm tra, thanh tra được tổ chức theo mô hình chuyên môn hóa cao.

Mô hình này tăng hiệu suất quản lý của cán bộ thuế bởi vì do phân công theo chức năng, cán bộ thuế có điều kiện phát triển năng lực chuyên môn, đi sâu nghiên cứu thực hiện một chức năng nhất định nào đó trong quy trình quản lý thu thuế. Giảm lượng cán bộ thuế so với mô hình tổ chức bộ máy theo đối tượng nộp thuế, nâng cao chất lượng công việc.

- Mô hình này tạo thành một hệ thống kiểm tra chéo trong nội bộ tổ chức cơ quan thuế, do đó tránh được các hiện tượng tiêu cực do khép kín quy trình quản lý thu thuế trong một hoặc một nhóm cán bộ thuế và tránh bỏ sót đối tượng nộp thuế.

- Mô hình này cho phép áp dụng có hiệu quả các phương tiện kỹ thuật hiện đại vào công tác quản lý thu thuế, nâng cao trình độ công tác quản lý thu thuế cho phù hợp với trình độ chung của các nước tiên tiến. Tuy nhiên để áp dụng mô hình này cần phải có những điều kiện nhất định về cơ sở vật chất, năng lực trình độ của cán bộ để thu thập thông tin và xử lý thông tin đối với người nộp thuế.

*- Thứ ba, mô hình quản lý theo đối tượng nộp thuế*

Đây là mô hình đang được áp dụng tại một số nước phát triển. Theo mô hình này, ĐTNT được phân loại để quản lý theo nhóm trên cơ sở đặc điểm và mức độ tuân thủ pháp luật thuế của ĐTNT. Mỗi phòng ban trong cơ quan thuế sẽ chịu trách nhiệm quản lý một hoặc một vài nhóm đối tượng cụ thể.

Do có sự chuyên môn hóa theo đối tượng, kết hợp với chuyên môn hóa theo sắc thuế nên thông tin về ĐTNT được tập trung khá đầy đủ tại các Phòng, ban tương ứng và trình độ, năng lực của cán bộ kiểm tra, thanh tra thuế tương đối phù hợp với yêu cầu quản lý nâng cao được hiệu công tác kiểm tra, thanh tra mỗi nhóm ĐTNT. Tuy nhiên mô hình này đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ kiểm tra, thanh tra trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao vì họ phải tiếp xúc và xử lý các vấn đề liên quan đến tất cả các sắc thuế của ĐTNT. Ngoài ra mô hình còn sẽ sinh ra tiêu cực do ĐTNT chịu sự quản lý của phòng riêng biệt.

Trên cơ sở các mô hình quản lý cơ bản này, mỗi quốc gia sẽ lựa chọn mô hình quản lý phù hợp theo đặc điểm chính trị - kinh tế - xã hội và trình độ quản lý của mình, cũng có thể mô hình quản lý thuế kết hợp 2 hoặc cả 3 mô hình như:

Sắc thuế - Chức năng - Qui mô đối tượng;

Chức năng - Qui mô đối tượng - Sắc thuế;

Đối tượng (qui mô, ngành nghề) - Chức năng - Sắc thuế.

Trong 3 hình thức kết hợp trên, hình thức thứ 2 và thứ 3 được áp dụng rộng rãi và có ưu điểm hơn.

## **Cơ chế quản lý thuế**

Từ ngày 01/07/2007 Luật quản lý thuế có hiệu lực thi hành người nộp thuế tự khai, tự nộp. Người nộp thuế căn cứ các quy định của Luật thuế để xác định nghĩa vụ thuế của mình, kê khai chính xác, nộp tờ khai thuế và nộp thuế đúng thời hạn. Cơ quan thuế có trách nhiệm tuyên truyền hỗ trợ, hướng dẫn để người nộp thuế hiểu rõ và tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế, đồng thời thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra thuế để kịp thời phát hiện, xử lý những hành vi gian lận, trốn thuế của NNT và kịp thời nhân rộng những tổ chức cá nhân thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Thực hiện quản lý thuế theo cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế, bộ máy quản lý thuế được tổ chức tập trung theo các chức năng, bao gồm các chức năng chính: Tuyên truyền, hỗ trợ; xử lý tờ khai và kế toán thuế; thu nợ và cưỡng chế nợ thuế và kiểm tra, thanh tra thuế. Trong đó chức năng kiểm tra, thanh tra thuế là chức năng trọng tâm của cơ quan thuế trong cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế.

Cơ chế tự khai, tự nộp thuế đã được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới, đây là cơ chế hành thu tiên tiến đem lại nhiều lợi ích cho cả cơ quan thu thuế và tổ chức, cá nhân nộp thuế. Cơ chế này có những ưu điểm sau:

### **Tiết kiệm thời gian, công sức**

Khi áp dụng cơ chế tự khai, tự nộp thì hàng tháng cán bộ quản lý thu thuế sẽ không phải mất thời gian để tính toán lại số thuế phải nộp của ĐTNT, không phải mất thời gian đi gửi thông báo thuế cho ĐTNT. Trường hợp đối tượng nộp thuế thực hiện nghiêm túc Luật thuế, kê khai và tính toán chính xác số thuế phải nộp thì rõ ràng việc phải tính toán lại của cơ quan thuế là thừa và lãng phí thời gian, công sức. Với số lượng các ĐTNT hiện lên đến gần 100 ngàn doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế hơn 1,4 triệu tổ chức hộ kinh doanh cá thể thì việc không phải tính toán lại số thuế phải nộp sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian và công sức cho cán bộ quản lý thu thuế.

Còn đối với các đối tượng nộp thuế thì với việc cơ chế tự khai, tự nộp sẽ làm giảm được các thủ tục hành chính trong việc thực hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế của mình, do đó cũng sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian và công sức.

### **Tiết kiệm chi phí quản lý hành chính về thuế**

Khi áp dụng cơ chế tự khai, tự nộp thì hàng tháng cơ quan Thuế không phải gửi hàng triệu thông báo thuế nên ngành thuế tiết kiệm được chi phí giấy mực, in ấn, cước phí bưu điện... đem lại một hiệu quả kinh tế không nhỏ, bởi chi phí hành thu càng thấp thì hiệu quả công tác quản lý thuế càng được nâng cao. Ngoài ra, khi thực hiện cơ chế tự khai, tự nộp cơ cấu tổ chức của cơ quan Thuế được tổ chức theo chức năng nên bộ máy quản lý sẽ gọn nhẹ hơn bớt công kênh ,do đó giảm được một phần lớn chi phí quản lý mà hiệu quả quản lý vẫn cao.

### **Nâng cao trách nhiệm pháp lý của đối tượng nộp thuế**

Với cơ chế “ Thông báo thuế ” trách nhiệm pháp lý của ĐTNT đối với tính chính xác của việc tính toán số thuế phải nộp không cao bởi vì số thuế họ phải nộp được xác định theo thông báo của cơ quan Thuế. Vì vậy, có thể có tình trạng các cơ sở kinh doanh tính toán số liệu một cách qua loa, đại khái và nếu cán bộ thuế kiểm tra không kỹ thì có thể dẫn đến sai số thuế phải nộp mà các cơ sở kinh doanh đó không hề có lỗi.Nhưng khi áp dụng cơ chế tự khai, tự nộp thì ĐTNT phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực của số liệu kê khai và cả tính chính xác của việc tính toán số thuế phải nộp. Tức là, ĐTNT được nâng cao trách nhiệm pháp lý trong việc kê khai thuế với Nhà nước, tăng sự tự giác, được chủ động trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình.Hơn nữa, còn thiết lập được niềm tin giữa cơ quan Thuế và người nộp thuế.

### **Tạo tiền đề nâng cao hiệu quả công tác của cơ quan Thuế**

Thực hiện áp dụng cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế cơ quan Thuế có điều kiện để cải tiến cơ cấu tổ chức nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực

hiện có, công tác quản lý thu thuế được tổ chức theo hướng ngày càng hiện đại và chuyên môn hóa. Nhờ việc không mất thời gian tính toán lại số thuế phải nộp của đối tượng nộp thuế và phát hành thông báo thuế mà cán bộ Thuế có điều kiện tập trung thời gian và công sức cho các công việc quản lý khác như: công tác phục vụ, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hiệu và tự giác thực hiện các nghĩa vụ thuế của mình đối với NSNN, công tác thanh tra, kiểm tra, công tác đơn đốc thu nộp và cưỡng chế thuế... Triển khai thực hiện cơ chế này sẽ tạo điều kiện cho ngành thuế đẩy mạnh hiện đại hóa công tác quản lý mà cụ thể là đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ tin học trong công tác quản lý thu thuế. Đó là tiền đề để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế. Tuy nhiên cơ chế tự kê khai, tự nộp có những hạn chế đó là:

Nguy cơ trốn lậu thuế, thất thoát thuế lớn nếu trình độ dân trí thấp và không có biện pháp quản lý thuế phù hợp.

Nếu không có biện pháp quản lý phù hợp, chẳng hạn công tác kiểm tra không kịp thời, việc phổ biến các Luật thuế kém hiệu quả, công tác hướng dẫn các đối tượng nộp thuế không đầy đủ, chu đáo ... Có thể dẫn đến các tình trạng ĐTNT lợi dụng việc không kiểm tra tính toán lại số thu thường kỳ của cơ quan Thuế để cố tình kê khai sai nhằm trốn lậu thuế. Trong trường hợp do hiểu biết các Luật thuế của ĐTNT kém và công tác hướng dẫn của cơ quan Thuế không hiệu quả thì có thể có tình trạng kê khai sai số thuế phải nộp một cách vô ý. Với trình độ dân trí của nước ta còn thấp, ý thức tự giác và tuân thủ pháp luật của người dân chưa cao thì nguy cơ thất thoát thuế là rất lớn.

Đòi hỏi cao về cơ sở vật chất và trình độ quản lý của các cơ quan Nhà Nước. Để áp dụng cơ chế tự kê khai, tự nộp một cách hiệu quả đòi hỏi cơ sở vật chất của ngành thuế phải được hiện đại hóa, đặc biệt là hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho công tác thông tin, liên lạc sao cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu có thể phục vụ nhanh chóng và chính xác. Do đó, cần phải có sự đầu

tư ban đầu rất lớn trong khi NSNN còn hạn hẹp. Mặt khác, trình độ quản lý của các cơ quan hành pháp hiện nay còn thấp, nếu không có sự chuẩn bị kỹ càng có thể xảy ra tình trạng buông lỏng công tác quản lý thuế.

Đổi mới hoạt động thanh tra - dịch vụ tuyên truyền, hỗ trợ và hướng dẫn nhằm đáp ứng yêu cầu của cơ chế tự khai, tự nộp.

Để đáp ứng yêu cầu của việc thực hiện cơ chế tự khai, tự nộp, cơ quan Thuế đã tiến hành cải cách các quy trình quản lý thuế theo hướng hiện đại với sự hỗ trợ lớn của công nghệ thông tin. Các quy trình quản lý thuế được xây dựng phù hợp với bộ máy tổ chức theo mô hình chức năng và thể hiện nguyên tắc quản lý theo rủi ro. Đồng bộ với việc xây dựng các quy trình mới là các việc đẩy mạnh các nghiệp vụ quản lý theo từng chức năng quản lý.

Trong nghiệp vụ hỗ trợ cơ sở kinh doanh cơ quan Thuế chủ động nắm bắt và tổ chức tuyên truyền, hỗ trợ ĐTNT sát với yêu cầu, đặc điểm của từng nhóm ĐTNT với những hình thức phù hợp và chất lượng tốt. Cơ quan Thuế phải biết được nhu cầu của khách hàng của mình, đó là ĐTNT và có trách nhiệm cung cấp được những dịch vụ hỗ trợ đúng với yêu cầu của khách hàng.

Trong nghiệp vụ xử lý tờ khai thuế: cơ quan Thuế theo dõi tờ khai thuế của cơ sở kinh doanh từ tờ khai đầu tiên, qua đó tờ khai điều chỉnh (nếu có) đến tờ khai cuối cùng, các lỗi cơ sở kinh doanh đã mắc. Qua đó, cơ quan Thuế có thể có biện pháp xử lý phù hợp như: hướng dẫn cơ sở kinh doanh để tránh các lỗi đã mắc trong kê khai nếu việc mắc lỗi là do chưa hiểu rõ; hoặc xem xét sửa đổi mẫu tờ khai nếu tờ khai chưa phù hợp; hoặc đó là dấu hiệu để xem xét, lựa chọn các trường hợp thanh tra nếu việc mắc lỗi mang tính lặp đi, lặp lại một cách cố ý ...

Trong nghiệp vụ đôn đốc và thu nợ thuế: cơ quan Thuế đẩy mạnh công tác đôn đốc và thu nợ thuế. Với sự hỗ trợ của các chương trình tin học, cơ quan Thuế theo dõi chặt chẽ các trường hợp chậm nộp tờ khai, chậm nộp

thuế, phát hành các thông báo nhắc nhở, các thông báo phạt đối với các cơ sở kinh doanh không nộp tờ khai, nộp thuế. Cơ quan Thuế theo dõi được số nộp cho số thuế phát sinh và số nộp cho nợ tồn đọng của cơ sở kinh doanh theo từng loại thuế. Qua đó xác định được tính chất của nợ thuế, mức nợ, tuổi nợ của từng món nợ thuế để có biện pháp thu nợ phù hợp theo hướng nhằm giảm cá khoản nợ có mức nợ và tuổi nợ cao.

Trong nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra: cơ quan Thuế tiến hành thanh tra kiểm tra trên cơ sở thu nhập được đủ các thông tin cần thiết về cơ sở kinh doanh( từ tờ khai, báo cáo tài chính và các thông tin từ các nguồn khác) để phân tích, đánh giá xác định theo các tiêu chí đánh giá rủi ro, dự báo những vấn đề nghi ngờ có gian lận trốn thuế nhằm lựa chọn trường hợp, chuẩn bị nội dung, cách thức thanh tra phù hợp.

#### *1.1.7.6 Kỹ năng, kỹ thuật kiểm tra, thanh tra thuế*

Đây là yếu tố cực kỳ quan trọng để cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra đạt mục đích và nội dung đã đề ra. Trước khi bắt đầu thực hiện một cuộc kiểm tra, thanh tra cần thu thập đầy đủ các tài liệu liên quan đến đối tượng cần thanh tra, kiểm tra; thu thập các văn bản quy phạm pháp luật về thuế và về các lĩnh vực khác nhưng có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước. Khi thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra tại trụ sở người nộp thuế. Cán bộ thường phải thực hiện:

##### *Quan sát,*

Cán bộ thanh tra, kiểm tra cần lập kế hoạch và tiến hành quan sát để thu được bằng chứng thanh tra, kiểm tra bằng cách liên hệ giữa thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế với các thông tin kế toán. Thông qua việc quan sát thực tế các hiện tượng như vậy, cán bộ thanh tra, kiểm tra đã có ghi nhận ban đầu về tính hiện hữu của các hiện tượng này. Việc quan sát được thực hiện trên giác độ phân tích tác động của những hiện tượng



này đối với hoạt động kế toán và ảnh hưởng đến công tác thanh tra, kiểm tra.

Ví dụ: cán bộ thanh tra, kiểm tra có thể quan sát hàng tồn kho, nhà xưởng, thiết bị và việc thực hiện các chức năng hoạt động trên thực tế của doanh nghiệp.

#### *Yêu cầu cung cấp thông tin*

Cán bộ thanh tra, kiểm tra phải đặt ra rất nhiều câu hỏi trong quá trình thanh, kiểm tra. Quá trình hỏi-đáp cả dưới dạng văn bản chính thức và trao đổi thông thường. Thông thường, nhân viên doanh nghiệp sẽ giải thích về những chênh lệch trong số liệu kế toán. Tuy nhiên, cán bộ thanh tra, kiểm tra không thể tin tưởng vào những câu trả lời mà không có kèm theo các dẫn chứng xác thực. Cán bộ thanh tra, kiểm tra phải thu thập được những dẫn chứng xác thực nhằm đảm bảo câu trả lời đã hợp lý.

Ví dụ: sử dụng danh mục câu hỏi về kiểm soát nội bộ để thu thông tin về các quy trình kiểm soát do các nhân viên doanh nghiệp mô tả.

#### *Xác nhận*

Là một loại hình yêu cầu cung cấp thông tin mà cán bộ thanh tra, kiểm tra thực hiện bằng cách lấy xác nhận bằng văn bản của các công ty hoặc cá nhân bên ngoài.

Ví dụ: Xác định về mức chiết khấu thanh toán hoặc chiết khấu thương mại của các đơn vị cung cấp hàng hoá cho doanh nghiệp.

#### *Truy lần lại việc xử lý dữ liệu*

Để phát hiện được các sai sót khi xử lý số liệu kế toán, cán bộ thanh tra có thể thực hiện lại một bước xử lý cụ thể nào đó trong quá trình xử lý dữ liệu.

Ví dụ: đối với hệ thống sổ sách kế toán thủ công, cán bộ thanh tra, kiểm tra có thể truy lần các bút toán vào sổ từ sổ chứng từ gốc đến sổ cái tài khoản.

#### *Tính toán lại*

Tính chính xác về số học của các phép tính thực hiện trong quá trình xử lý số liệu có thể được chứng minh bằng cách tính toán lại các kết quả.

Ví dụ: Cán bộ thanh tra, kiểm tra tiền hành tính toán lại số liệu giữa các tiêu chí trên tờ khai thuế tháng hoặc năm.

#### *Xác minh*

Các giao dịch trao đổi thường có liên quan đến sự luân chuyển các chứng từ giữa các bên tham gia giao dịch. Quy trình xác minh sẽ kiểm tra và so sánh các chứng từ này với sổ sách kế toán.

Ví dụ: Tiến hành xác minh nghiệp vụ xuất, nhập, kho hàng hoá trong việc luân chuyển chứng từ ( như hoá đơn, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, lệnh mua, bán hàng hoá... ) giữa người mua và người bán; giữa kế toán, thủ kho, cung tiêu...

#### *Phân tích tỷ suất và xu hướng*

Phân tích tỷ suất và xu hướng là việc tính toán các tỷ suất cơ bản từ báo cáo tài chính và so sánh các tỷ suất này với các tỷ suất của các năm trước đó và tỷ suất bình quân của ngành.

Ví dụ: Tỷ suất lợi nhuận thuần trên doanh thu; tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

Chênh lệch đột biến của các tỷ suất này cho thấy những lĩnh vực cần kiểm tra và phải có được giải thích hợp lý về những chênh lệch đột biến này.

Có thể xác định được xu hướng thông qua việc so sánh các số dư tài khoản theo tháng, hoặc năm.

Ví dụ: Thông qua phân tích số dư theo tháng hoặc năm của Tài khoản Tài sản cố định hữu hình( Tài khoản 211) chi tiết theo từng loại như: Nhà cửa, vật kiến trúc; Máy móc, thiết bị; Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn... cho thấy trong một khoảng thời gian nào đó số dư của Tài khoản này luôn tăng lên hoặc ngược lại có chiều hướng giảm đi; điều này chứng tỏ rằng doanh nghiệp đang có sự đầu tư lớn về tài sản hoặc đang tiến hành thanh lý đổi mới tài sản.

Tất nhiên từ sự phân tích này, cán bộ thanh tra, kiểm tra cũng cần phải có những câu hỏi đối với doanh nghiệp và chỉ khi nào nhận lại được sự lý giải hợp lý của cán bộ kế toán mới thôi.

#### *Kênh thanh tra, kiểm tra*

Khi thu thập bằng chứng về các giao dịch trao đổi, thường phải kết hợp thực hiện ba bước thanh tra, kiểm tra là truy lần lại việc xử lý dữ liệu, tính toán lại và xác minh. Quá trình này được diễn ra theo một kênh bằng chứng để liên kết được lượng lớn chứng từ phản ánh các giao dịch đơn lẻ trong cả năm kinh doanh với các số liệu tổng hợp trong báo cáo tài chính. Đường dẫn liên kết này thường được gọi là kênh thanh tra, kiểm tra. Kênh thanh tra, kiểm tra thường được sử dụng để truy lần các giao dịch (1) từ bút toán vào sổ ban đầu của hệ thống kế toán đến các sổ sách trung gian, khi đó số liệu của các giao dịch chỉ là một phần trong số tổng trong sổ sách kế toán trung gian đó; (2) đến điểm cuối cùng của sổ kế toán sau cùng, tức là khi các số tổng các giao dịch này đã được tổng kết để thể hiện trên báo cáo tài chính. Hướng truy lần có thể được thay đổi tức là cán bộ thanh tra, kiểm tra có thể truy lần từ sổ sách kế toán sau cùng trở lại bước vào sổ đầu tiên hoặc theo chiều ngược lại tức là từ các sổ sách trung gian.

Tiến hành quan sát, tìm hiểu thông tin trực tiếp tại trụ sở người nộp thuế cần thanh tra, kiểm tra

#### *\* Rà soát lại:*

- Các thông tin về ngành nghề của người nộp thuế, lưu ý thông lệ liên quan đến người nộp thuế ( ví dụ: vị trí xã hội của ngành nghề đó thế nào? sản phẩm bán ra có cần điều kiện gì không? Công nghệ của ngành nghề đó hiện nay ra sao? thông lệ của ngành nghề...” lấy ví dụ ngành Điện lực”).

+ Là ngành sản xuất công nghiệp nặng, có vị trí then chốt trong việc phát triển kinh tế, xã hội do vậy mọi biến động về giá và sản lượng đều có ảnh hưởng đến xã hội.

+ Sản phẩm sản xuất ra không có tồn kho do vậy không lưu giữ được.

+ Công nghệ sản xuất hiện nay ở Việt nam chủ yếu là thủy điện và nhiệt điện đòi hỏi phải đầu tư rất lớn.

+ Thông lệ của ngành nghề là muốn tiêu thụ phải có thiết bị truyền dẫn đến người tiêu dùng do vậy tài sản được phân bố ở nhiều tỉnh, thành phố nên để tiêu thụ được điện cần phải có 03 công đoạn là sản xuất - Truyền tải – Tiêu thụ.

- Làm quen các văn bản hướng dẫn liên quan đến lĩnh vực thanh tra, kiểm tra và có thể có tác động trực tiếp đến việc hạch toán thuế trước khi tiến hành thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế ( ví dụ: văn bản hướng dẫn thuế GTGT đối với ngành Điện lực trong việc phân bổ thuế GTGT đầu vào giữa Công điện lực với điện lực các tỉnh, thành phố ...)

- Các thông tin liên quan đến cuộc thanh tra, kiểm tra hoặc kiểm toán trước đó về người nộp thuế, có thể xem xét kết quả cuộc thanh tra, kiểm tra đó diễn ra như thế nào (cơ quan nào tiến hành thanh tra, kiểm tra, thời gian thanh tra, kiểm tra bao nhiêu? Niên độ thanh tra, kiểm tra? Thanh tra, kiểm tra về nội dung gì? kết quả như thế nào? xử lý ra sao?..), ghi lại các thông tin hoặc lĩnh vực đang theo dõi giám sát có thể ảnh hưởng đến cuộc thanh tra, kiểm tra hiện thời.

\* Tiến hành phỏng vấn người có thẩm quyền của người nộp thuế để nắm bắt các vấn đề liên quan đến thanh tra, kiểm tra như:

- Thông tin về doanh nghiệp

+ Loại hình doanh nghiệp là gì? Để phân loại và phân tích theo đặc điểm riêng của từng loại hình.

+ Xác định trụ sở chính, các địa điểm kinh doanh, sơ đồ cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, nơi lưu giữ chứng từ, sổ sách kế toán.

- Thông tin về tài chính kế toán và kinh doanh
- + Thời điểm kết thúc năm tài chính, hình thức và hệ thống sổ sách kế toán được áp dụng
- + Xác định tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh và liệt kê các sản phẩm hoặc dịch vụ chính, các nhà cung cấp(người bán) và các khách hàng chính(người mua).

**Tiến hành thanh tra, kiểm tra tổng hợp về sổ sách kế toán tại trụ sở người nộp thuế**

Đoàn thanh tra, kiểm tra yêu cầu người nộp thuế cung cấp sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính; tờ khai và quyết toán thuế lưu giữ tại người nộp thuế, đối chiếu với các báo cáo đã gửi đến cơ quan thuế để thực hiện kiểm tra sơ bộ về:

- \* Hình thức các báo cáo của đối tượng nộp thuế:
  - Tên và địa chỉ của người nộp thuế.
  - Mã số thuế của người nộp thuế
  - Ngành nghề kinh doanh
  - Dấu và chữ ký của người có thẩm quyền hợp pháp (giám đốc; kế toán trưởng)
- Số lượng các loại báo cáo theo quy định đối với từng loại hình doanh nghiệp.
- Loại báo cáo này là báo cáo riêng của doanh nghiệp, báo cáo tổng hợp hay là báo cáo hợp nhất của công ty mẹ hoặc tập đoàn.
- Ngày, tháng, năm lập và kết thúc kỳ báo cáo
- Đơn vị tiền tệ dùng để lập báo cáo
- \* Kiểm tra, tính toán các thông số phản ánh trên từng báo cáo
- Các chỉ tiêu trên từng loại báo cáo có được điền vào đủ không?

- Việc tính toán về số học đã thực sự khớp đúng giữa các chỉ tiêu trên báo cáo?

\* Kiểm tra mối liên hệ giữa các căn cứ để lập số liệu trên báo cáo tài chính, báo cáo thuế?

- Cột số đầu kỳ của báo cáo kỳ này có được lấy từ số liệu cuối kỳ của báo cáo kỳ trước.

- Số dư hoặc số lũy kế phát sinh của các tài khoản trên sổ cái và sổ kế toán chi tiết phải được kế toán kiểm tra khoá sổ trước khi nhập số liệu vào báo cáo tài chính và báo cáo thuế.

Ví dụ 1: Số dư nợ TK 111 “tiền mặt”; TK 112 “tiền gửi ngân hàng”; TK 113 “tiền đang chuyển” trên sổ cái sau khi được kế toán theo dõi kiểm tra, khoá sổ sẽ là căn cứ để ghi vào mã 111 “tiền”, trên bảng cân đối kế toán.

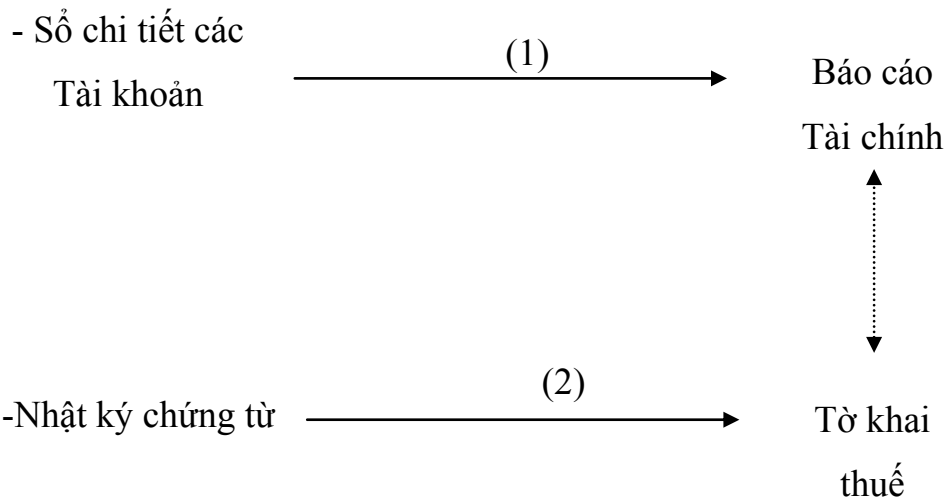
Hoặc để có số liệu đưa vào mã 131 “ phải thu của khách hàng” trên bảng cân đối kế toán; nhằm phản ánh số tiền còn phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh tại thời điểm báo cáo, thì phải căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 “ phải thu của khách hàng” mở theo từng khách hàng trên sổ kế toán chi tiết TK131, vì tổng số dư Có chi tiết tài khoản này lại được phản ánh trên mã số 313 “ người mua trả tiền trước” bên nguồn vốn của bảng cân đối kế toán(tài khoản này vừa có số dư bên nợ, vừa có số dư bên có không thể bù trừ).

Ví dụ 2: Chỉ tiêu “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được căn cứ vào lũy kế số phát sinh bên có TK 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và TK 512 “doanh thu bán hàng nội bộ”.

- Tờ khai tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp có được dựa trên số liệu của báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp không?

→ Thực hiện việc đối chiếu, ghi chép về số học giữa báo cáo tài chính với sổ sách kế toán tổng hợp.

Theo sơ đồ chu trình kế toán dưới đây cho thấy mối quan hệ trong việc lập báo cáo tài chính từ các sổ sách kế toán tổng hợp.



(1) Số liệu được ghi trực tiếp từ sổ chi tiết, nhật ký và số cái vào các báo cáo Tài chính và tờ khai thuế.

(2) Số liệu từ báo cáo Tài chính được đối chiếu với số liệu ghi vào tờ khai thuế (về doanh thu tính thu nhập chịu thuế trên tờ khai tự quyết toán thuế TNDN).

Thực hiện so sánh với kết quả đã phân tích các chỉ tiêu tổng hợp trên báo cáo tài chính và báo cáo thuế.

Tiến hành so sánh với kết quả phân tích đã tiến hành tại cơ quan thuế, tìm ra những biến động bất thường và yêu cầu người nộp thuế giải thích đưa ra các bằng chứng để chứng minh.

- Phân tích ngang báo cáo tài chính là việc so sánh, đối chiếu tình hình biến động cả về số tuyệt đối và số tương đối trên từng chỉ tiêu.

- Phân tích dọc chính là việc sử dụng các tỷ suất, các hệ số thể hiện mối tương quan giữa các chỉ tiêu trong từng báo cáo tài chính và giữa các báo cáo để rút ra kết luận.

*Các chỉ tiêu sử dụng để so sánh phải thống nhất về nội dung phản ánh, về phương pháp tính toán, về thời gian và đơn vị đo lường. Đây chính là điều kiện để so sánh được của chỉ tiêu.*

- So sánh bằng số tuyệt đối để phản ánh quy mô của các hiện tượng, sự vật, hoạt động. Số liệu này cho biết thông tin tăng(+), hoặc giảm(-) của chỉ tiêu nghiên cứu giữa kỳ phân tích so với kỳ gốc được biểu hiện bằng tiền, hiện vật hoặc giờ công...

- So sánh bằng số tương đối phản ánh kết cấu, mối quan hệ, tốc độ phát triển và mức độ phổ biến của chỉ tiêu nghiên cứu. Kết quả so sánh này sẽ cung cấp thông tin về xu hướng biến động của các chỉ tiêu.

- So sánh bằng số bình quân sẽ cho biết thông tin về mức độ mà người nộp thuế đạt được so với mức bình quân chung của tổng thể hoặc của ngành.

\* Phân tích hệ thống chỉ tiêu để đánh giá tình hình tài chính của người nộp thuế

\* Phân tích cơ cấu tài chính của người nộp thuế

Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh

Cán bộ thanh tra, kiểm tra, thực hiện phân tích biến động của các khoản mục trong báo cáo kết quả kinh doanh của người nộp thuế, giữa kỳ phân tích với kỳ gốc để nắm được tình hình kinh doanh và hiệu quả kinh doanh của người nộp thuế.

- So sánh các khoản chi phí( giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác) với doanh thu thuần(doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – các khoản giảm trừ như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế TTĐB, thuế Xuất khẩu...).

**Kỹ thuật kiểm tra, thanh tra thuế.**

*Thực hiện truy lần số liệu trên sổ sách, chứng từ kế toán tại trụ sở người nộp thuế*



\* Thực hiện kiểm tra ngược số liệu từ báo cáo tổng hợp (báo cáo tài chính và báo cáo thuế) → đến sổ sách kế toán(sổ tổng hợp)→ đến Nhật ký chứng từ → sổ chi tiết → và cuối cùng đến chứng từ gốc.

Ví dụ 1: Để kiểm tra về số phát sinh doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu nội bộ của người nộp thuế trong niên độ quyết toán năm thì cần xem xét chỉ tiêu “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” mã số A 1, trên tờ khai tự quyết toán thuế thu nhập năm của người nộp thuế. Muốn xem chỉ tiêu này được phản ánh ra sao thì tiến hành theo các bước sau:

- Thứ nhất: Đối chiếu số liệu ở chỉ tiêu này với số liệu ở chỉ tiêu mã số 01”doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” cột lũy kế từ đầu năm trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của người nộp thuế có khớp đúng không?

- Tiếp theo kiểm tra số liệu ở chỉ tiêu này với lũy kế số phát sinh bên Có của Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” trong năm báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký sổ cái và nhật ký chứng từ số 8.

Để có số liệu ghi vào Nhật ký chứng từ số 8 phần phát sinh bên Có của Tài khoản 511 và Tài khoản 512 thì căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng dùng cho Tài khoản 511 và Tài khoản 512 phần ghi có.

- Các chứng từ gốc bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ phát sinh hàng ngày (hoá đơn bán hàng; phiếu xuất kho) là căn cứ để ghi sổ chi tiết bán hàng. Sổ này được mở theo từng sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ đã bán hoặc đã cung cấp cho khách hàng thanh toán tiền ngay hay chấp nhận thanh toán sau.

\* Thực hiện kiểm tra xuôi theo đúng trình tự hạch toán bắt đầu từ chứng từ gốc → đến bảng kê và bảng phân bổ → đến nhật ký → đến sổ cái → và cuối cùng là các báo cáo tổng hợp.

*Kỹ thuật chọn mẫu trong thanh tra, kiểm tra thuế*

Trong cuộc thanh tra, kiểm tra có rất nhiều chứng từ gốc, nên việc chọn mẫu là một kỹ thuật để hỗ trợ cán bộ thanh tra, kiểm tra.

- Việc chọn mẫu được thực hiện theo nhóm(theo thứ tự thời gian, theo thứ tự số học); hoặc chọn mẫu một cách ngẫu nhiên(cứ 05 hoá đơn thì chọn 01 hoá đơn ); và cuối cùng là áp dụng việc chọn mẫu theo phân tầng( tất cả các khoản chi phí có giá trị từ 100 triệu trở lên).

- Sau khi hoàn thành việc chọn mẫu, cán bộ thanh tra, kiểm tra sẽ phân tích, nếu có sự sai sót thì cần phải phân tích các sai sót đó là vô tình hay cố ý; sai sót có lặp đi lặp lại không? mức độ gian lận của sai sót. Tùy theo mức độ cán bộ thanh tra, kiểm tra có thể mở rộng phạm vi chọn mẫu hoặc tiến hành kiểm tra số liệu chi tiết luôn.

### **Bằng chứng thanh tra, kiểm tra**

Việc thực hiện các bước thanh tra, kiểm tra thực chất chính là để cán bộ thanh tra, kiểm tra thu thập được các bằng chứng thanh tra, kiểm tra, nhằm xác định người nộp thuế đã kê khai thuế đúng hay không? đồng thời là căn cứ để chứng minh số thuế điều chỉnh sau thanh tra, kiểm tra là có cơ sở thuyết phục.

Bằng chứng thanh tra, kiểm tra được hình thành dưới một số dạng sau:  
Dạng văn bản; dạng nói miệng; dạng trực quan

Bằng chứng thanh tra, kiểm tra có thể do:

- Cán bộ thanh tra, kiểm tra tạo ra như: Thông qua việc quan sát người nộp thuế thực hiện quy trình kiểm soát nội bộ để đánh giá xem thực sự có sự kiểm soát nội bộ tại người nộp thuế hay không? Nếu người nộp thuế không thực hiện ở khâu nào đó thì chính khâu đó là bằng chứng thanh tra, kiểm tra.

- Đối tượng nộp thuế cung cấp dưới dạng như: chứng từ gốc; sổ sách và báo cáo kế toán và sự trình bày giải trình bằng miệng hay bằng văn bản.

- Bằng chứng do bên thứ ba cung cấp như hợp đồng hoặc thanh lý hợp đồng của khách hàng ; hoá đơn bán hàng của nhà cung cấp; bảng kê xác nhận các khoản nợ...

Mức độ tin cậy của bằng chứng phụ thuộc vào dạng bằng chứng và nguồn bằng chứng:

- Bằng chứng dạng văn bản có độ tin cậy hơn dạng nói miệng
  - Bằng chứng do cán bộ thanh tra, kiểm tra thu thập có độ tin cậy cao hơn do người nộp thuế cung cấp.
  - Bằng chứng từ bên ngoài có độ tin cậy cao hơn bằng chứng nội bộ,
- Sự phù hợp và đầy đủ của bằng chứng thanh tra, kiểm tra phụ thuộc vào:
- Mục tiêu thanh tra, kiểm tra người nộp thuế được chỉ ra cần quan tâm đến cơ sở dẫn liệu nào của các khoản mục
  - Số lượng các bằng chứng thanh tra, kiểm tra cần có liên quan đến độ tin cậy của bằng chứng.

## **1.2 Kinh nghiệm thực tiễn về công tác kiểm tra, thanh tra thuế**

### ***1.2.1 Kinh nghiệm một số nước trên thế giới về hiện đại hóa công tác kiểm tra, thanh tra thuế***

#### ***1.2.1.1 Kinh nghiệm kiểm tra, thanh tra thuế ở Malaysia***

Công tác kiểm tra, thanh tra thuế có hiệu quả, tại Malaysia tổ chức trung tâm thanh tra - điều tra thuế được phân bổ theo vùng. Các trung tâm không chỉ dừng lại theo chức năng kiểm tra thuế thông thường mà chủ yếu tập trung vào công tác điều tra phát hiện và xử lý các trường hợp trốn lậu thuế có tính chất nghiêm trọng, truy thu thuế vào ngân sách nhà nước. Trung tâm điều tra thanh tra có nhiệm vụ tổ chức, thu thập các thông tin từ nội bộ ngành thuế, người tố giác, người khai báo, báo chí... để phát hiện các trường hợp, các khả năng trốn thuế. Tổ chức công tác điều tra nghiệp vụ trên có sự phối hợp trên toàn quốc hoặc quy mô quốc tế. Tổ chức lưu giữ tài liệu, bằng chứng liên quan đến hành vi trốn thuế. Tổ chức việc kiểm tra, đối chứng để quy phạm hành vi trốn thuế. Khởi tố, truy tố, phạt hành chính, kiến nghị phạt hình sự đối với các hành vi trốn thuế. Bắt giữ tài sản, phong tỏa tài sản, truy thu cho ngân sách

### *1.2.1.2 Kinh nghiệm kiểm tra, thanh tra thuế của Inđônêxia*

Thanh tra, điều tra thuế là một chức năng cơ bản của cơ quan thuế Inđônêxia, nó giữ vai trò quan trọng để đảm bảo quá trình áp dụng thành công cơ chế tự tính, tự khai nộp thuế. Công tác thanh tra, chính sách thanh tra được quy định bởi Cục thanh tra và điều tra thuộc Tổng cục thuế, chỉ được thực hiện sau khi đã thu thập các thông tin và xử lý các dữ liệu về đối tượng nộp thuế để đánh giá mức độ tuân thủ nghĩa vụ thi hành về thuế và sự thi hành của các quy định về thuế.

Công tác thanh tra thuế được thực hiện trên nguyên tắc: Đối tượng nộp thuế không bao giờ bị thanh tra lại trong cùng 01 năm. Nhằm tránh việc thanh tra nhiều lần đối với đối tượng nộp thuế trong cùng năm thì cần phải tiến hành thanh tra đối với mọi loại thuế cùng một lúc. Trường hợp trong năm phải tiến hành thanh tra quá một lần chỉ khi có các lý do như: Đối tượng nộp thuế có hành vi phạm tội hình sự, có chứng cứ mới hoặc chứng cứ chưa bộc lộ có thể làm tăng số thuế phải nộp hoặc có lý do theo chỉ thị của Tổng cục trưởng cục thuế.

Hoạt động thanh tra được tiến hành bởi đội thanh tra trong đó luôn có 01 giám sát viên, 01 đội trưởng và 01 hoặc một số thành viên tùy theo nhiệm vụ công tác.

Thời gian thanh tra tại cơ sở kinh doanh là 02 tháng và có thể kéo dài 08 tháng nếu được Tổng cục trưởng cục thuế cho phép, thanh tra tại trụ sở cơ quan thuế thì thời gian là: 01 tháng, có thể kéo dài 02 tháng.

### *1.2.1.3 Kinh nghiệm kiểm tra, thanh tra thuế ở Hàn Quốc*

Tại Hàn Quốc công tác quản lý thuế được giao cho Cơ quan dịch vụ thuế quốc gia (Tổng cục thuế) Hàn Quốc trực thuộc Bộ tài chính với cơ cấu quản lý thuế của Hàn Quốc bao gồm 3 cấp: *cấp 1*: Các vụ và các phòng chịu sự quản lý trực tiếp của cơ quan thuế vụ quốc gia, *cấp 2*: Cơ quan thuế vùng dưới sự giám sát của cơ quan dịch vụ thuế quốc gia có trách nhiệm trực tiếp

xử lý tính thuế đối với một số đối tượng nộp thuế trong những trường hợp đặc biệt, hướng dẫn và quản lý toàn bộ các hoạt động của cơ quan thuế quận huyện, *cấp 3*: Cơ quan thuế quận huyện.

Công tác thanh tra thuế được xây dựng xuyên suốt từ Tổng cục thuế đến các cơ quan thuế quận huyện. Tại cơ quan thuế vùng đã xây dựng các phòng kiểm tra, thanh tra với chức năng chuyên biệt như sau: Phòng thanh tra và quản lý chịu trách nhiệm về , thu thập, xử lý các phân tích những thông tin liên quan đến việc trốn thuế. Phòng các cán bộ thanh tra chịu trách nhiệm tiến hành thanh tra và xác định thuế. Phòng các cán bộ thanh tra đặc biệt chịu trách nhiệm về phân tích những thông tin liên quan đến việc trốn thuế và điều tra tội phạm.

Ở Hàn Quốc hệ thống tự tính tự nộp thuế đã áp dụng đối với hầu hết các loại thuế. Mỗi đối tượng nộp thuế phải tự nộp tờ khai thuế và trả đủ số thuế đó một cách tự nguyện thì được coi là trung thực nên chính sách cơ bản của Công tác thanh tra ở Hàn Quốc là thanh tra những đối tượng thuế không trung thực thực hiện trên nguyên tắc không thanh tra hai lần đối với đối tượng nộp thuế về cùng một loại thuế của cùng năm tính thuế. Nếu kiểm tra lại đối với cùng đối tượng nộp thuế bằng cách thay đổi loại thuế trong phạm vi của năm mà ngày kết thúc cuộc thanh tra trước cũng thuộc năm đó cũng bị coi là vi phạm .

#### *1.2.1.4 Kinh nghiệm kiểm tra, thanh tra thuế Mỹ*

Hệ thống thuế Mỹ chia thành hai cấp độ là thuế liên bang (thuế trung ương) và thuế bang (thuế địa phương). Chính sách thuế cũng như quản lý thuế liên bang và thuế bang hoàn toàn độc lập, tách biệt. Chính sách thuế liên bang do Quốc hội ban hành. Cục thu nội địa Mỹ chịu trách nhiệm thực thi trong toàn nước Mỹ. Là một cơ quan độc lập trực thuộc Bộ Ngân Khố Mỹ chịu trách nhiệm quản lý các sắc thuế liên bang. Trong công tác quản lý thuế, Cục thu nội địa Mỹ có mục tiêu "lấy ĐTNT là trung tâm".

Công tác thanh tra kiểm tra của Cục thu nội địa được chia làm nhiều cấp độ, trong đó chú trọng tới việc nghiên cứu mô hình, nghiên cứu xu hướng phát triển các ngành công nghiệp cũng như xu hướng gia tăng của đối tượng nộp thuế để lựa chọn công tác thanh tra. Để tiến hành công tác thanh tra kiểm tra có kết quả hàng năm Cục nội địa thực hiện công tác đánh giá rủi ro để lựa chọn đối tượng được thanh tra, kiểm tra. Đây là bước tất yếu cần phải thực hiện để tiến hành công tác kiểm tra, thanh tra và dựa trên các tiêu chí : *Tiêu chí 1*: Đảm bảo tính công bằng. *Tiêu chí 2*: Tính điểm DIF là hệ thống tính điểm dựa trên phương pháp phân tích thống kê sử dụng nhiều biến số có liên quan đến nhau (Ví dụ: thu nhập, quy mô tài sản, và một số đặc tính của tờ khai) để ra các kết quả logic là số thuế phải nộp sẽ dao động trong khoảng bao nhiêu. *Tiêu chí 3*: Chương trình ưu tiên thanh tra để chú trọng vào thanh tra đối với những đối tượng có nhiều nghi ngờ. *Tiêu chí 4*: Kết quả chương trình nghiên cứu quốc gia sau đó đối chiếu với các thông tin lưu trữ về đối tượng nộp thuế để từ đó phân tích và phân loại các nghi vấn để ra các quyết định kiểm tra, thanh tra theo nguồn lực cán bộ hiện có.

Chương trình thanh tra kiểm tra: Là chương trình phổ biến nhất và huy động nhiều cán bộ nhất. Công tác thanh tra kiểm tra được thực hiện dưới hai hình thức: *Thư từ trao đổi* Trong trường hợp vấn đề nghi vấn, cần kiểm tra đơn giản và phạm vi hẹp, có thể đưa ra kết luận trong vài giờ, không cần xem kỹ số sách chứng từ. *Kiểm tra, thanh tra trực tiếp*: Trong trường hợp vấn đề phức tạp, phạm vi kiểm tra rộng, có thể mất vài tuần. Nhằm sử dụng nguồn lực cán bộ có hiệu quả hơn, các cán bộ được huy động kiểm tra, thanh tra trực tiếp phải ở trình độ cao hơn các cán bộ thực hiện kiểm tra qua thư từ trao đổi.

Để hỗ trợ cho công tác thanh tra thuế, tại cục thu nội địa Mỹ còn hình thành ban điều tra hình sự chịu trách nhiệm điều tra các vi phạm về thuế mang tính hình sự, cưỡng chế thuế và điều tra các vụ việc liên quan đến rửa tiền và làm tiền giả, Ban cưỡng chế thu nợ về thuế của các đối tượng nộp thuế.

#### *1.2.1.5 Kinh nghiệm kiểm tra, thanh tra thuế của Anh*

Khi chuyển sang cơ chế TKTN, Luật quy định trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn cơ quan thuế được quyền kiểm tra bất kỳ một đối tượng nộp thuế nào mà không cần phải nêu lý do. Cơ quan thuế phải tiến hành bắt đầu việc thanh tra trong vòng 12 tháng kể từ ngày hết hạn nộp tờ khai. Sau 12 tháng, cơ quan thuế chỉ thanh tra khi có thông tin từ cá nguồn khác về việc cần phải tiến hành thanh tra. Khi nhận được thông báo thanh tra doanh nghiệp không có quyền từ chối thanh tra và phải cung cấp sổ sách tài liệu và trả lời các câu hỏi có liên quan. Cơ quan thuế không được xuống doanh nghiệp yêu cầu doanh nghiệp cung cấp sổ sách tài liệu kế toán mà doanh nghiệp phải có trách nhiệm gửi sổ sách tài liệu lên cơ quan thuế và đến cơ quan thuế giải trình khi có thông báo của cơ quan thuế đến làm việc liên quan tới nội dung thanh tra. Khi doanh nghiệp thấy việc thanh tra kéo dài hoặc gây phiền hà cho doanh nghiệp thì có quyền đề nghị Ủy ban giải quyết khiếu nại xem xét dừng cuộc thanh tra. Khi xem xét nếu thấy đề nghị của doanh nghiệp là hợp lý Ủy ban giải quyết khiếu nại quyết định trong vòng 30 ngày sau cơ quan thuế phải kết thúc thanh tra.

#### *1.2.2 Kinh nghiệm một số tỉnh, thành phố trong nước về công tác kiểm tra, thanh tra thuế*

##### *1.2.2.1 Công tác kiểm tra, thanh tra thuế tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh*

Năm 2012 Cục thuế Hồ Chí Minh đã thực hiện rất thành công mô hình quản lý theo chức năng. Công tác kiểm tra, thanh tra thuế thực hiện theo cơ chế đánh giá rủi đặc biệt là đã thực hiện rất hiệu quả phần mềm đánh giá rủi ro TPR. Đã tập thanh tra theo chuyên đề đạt hiệu quả cao. Việc kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế cũng được quan tâm hơn, với 129.191 hồ sơ được kiểm tra, số thuế phải nộp thêm sau kiểm tra là 217,2 tỷ đồng.

Kết quả kiểm tra tại doanh nghiệp: đã kiểm tra 10.257 lượt, số thuế truy thu và phạt là 2.572,5 tỷ đồng, giảm lỗ là 2.576 tỷ đồng.

Thanh tra đã hoàn thành 1.509 hồ sơ, tổng số truy thu, truy hoàn và phạt là 2.609 tỷ đồng, giảm khấu trừ 75 tỷ đồng, giảm lỗ 2.643 tỷ đồng. Trong năm 2013 và năm 2014 Đã triển khai thanh tra chuyển nhượng vốn, đây là lĩnh vực tương đối phức tạp bởi Đặc điểm chung của các công ty khi thanh tra về chuyển nhượng vốn đều trì hoãn việc cung cấp hồ sơ, giải trình số liệu cũng như cung cấp dữ liệu về chuyển nhượng vốn giữa các thành viên trong công ty. Do đó, các Đoàn thanh tra đã sử dụng nhiều biện pháp, cách thức để đấu tranh, thuyết phục để Công ty cung cấp hồ sơ, giải trình số liệu và cận động các cổ động có chuyển nhượng vốn làm việc với Đoàn thanh tra. Kết quả đến hết tháng 11/2014 đã triển khai thực hiện thanh, kiểm tra 632 trường hợp với tổng số truy thu và phạt là 322 tỷ đồng.

Công tác thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề giúp Cục Thuế khai thác thêm các nguồn thu trong nhiều lĩnh vực chuyên sâu, chuyên ngành,...nhằm giúp các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này chấp hành việc kê khai thuế đúng qui định pháp luật.

#### *1.2.2.2 Công tác kiểm tra, thanh tra thuế tại Cục thuế Nghệ An.*

Tổ chức bộ máy Cục Thuế Nghệ An cơ bản phù hợp xu hướng tổ chức quản lý thể theo mô hình quản lý chức năng kết hợp với mô hình quản lý nhóm người nộp thuế mà Tổng Cục thuế đã và đang thực hiện.

Kết quả công tác kiểm tra, thanh tra của Nghệ An trong những năm qua đã đạt những thành công nhất định. Đó là sự phối hợp kết hợp tốt với các ban ngành trong tỉnh, quan tâm đến nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra. Đặc biệt là thực hiện mô hình kết hợp quản lý theo chức năng với mô hình quản lý nhóm người nộp thuế ( Phân nhỏ trong từng ngành nghề kinh doanh). Bên cạnh đó Cục thuế Nghệ An đã triển



khai các chương trình, biện pháp chống thất thu tại Văn phòng Cục và các Chi cục thuế theo từng mũi cụ thể để kịp thời có các giải pháp trong quản lý đó là chống thất thu thuế trong hoạt động kinh doanh Vận tải trong các doanh nghiệp; hoạt động kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ăn uống, Mát xa, Karaoke; trong lĩnh vực kinh doanh ô tô, xe máy; lĩnh vực khai thác đá, sử dụng vật liệu nổ; tuy nhiên Cục thuế Nghệ an cũng đã đánh giá công tác kiểm tra, thanh tra còn có những hạn chế đó là. *Thứ nhất* tổ chức bộ máy thanh tra chưa tương xứng với khối lượng công việc và vai trò công tác thanh tra. Lực lượng cán bộ thanh tra chuyên trách năm 2014 là 30 người trên tổng số cán bộ công chức là 1.142 cán bộ, chiếm 2,62%. *Thứ hai* việc lập kế hoạch và lựa chọn đối tượng để thanh tra chủ yếu còn mang tính hình thức, dựa vào cảm tính, chưa dựa trên phân tích rủi ro về thuế để lựa chọn nên dẫn đến lựa chọn đối tượng thanh tra chưa phù hợp, chúng ta có thể nhận thấy điều đó qua bảng tổng hợp kết quả thanh tra theo phục lục kèm theo, có những doanh nghiệp qua thanh tra chỉ truy thu số thuế rất nhỏ, điều này chứng tỏ việc đánh giá rủi ro về đối tượng thanh tra này là chưa chính xác. *Thứ ba* trong quá trình thực hiện thanh tra, việc vận dụng nhuần nhuyễn các kỹ năng nhằm xác định tính trọng yếu và rút ngắn thời gian thanh tra còn nhiều hạn chế. *Thứ tư* công tác thanh tra tại các doanh nghiệp FDI chưa được chú trọng. Bên cạnh đó dấu hiệu chuyển đã đang và sẽ xảy ra ở nhiều quốc gia trên thế giới và ở Việt Nam. Chính vì những rủi ro đó mà việc chưa chú trọng thanh tra vào các doanh nghiệp này là một điều hết sức bất cập. *Thứ năm* cơ sở dữ liệu về NNT còn nằm rải rác trên nhiều phần mềm quản lý, không tích hợp được để tập trung về một môi trường nhằm giảm thiểu thời gian tra cứu thông tin của cán bộ thuế. *Thứ sáu* kiến thức và kỹ năng về chế độ kế toán, chính sách tài chính chính sách thuế, nghiệp vụ thanh tra của một số bộ phận công chức thanh tra còn hạn chế đã ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất và chất lượng hoạt động thanh tra.

### **1.3 Bài học kinh nghiệm rút ra từ các nước trên thế giới và các tỉnh thành phố trong nước về công tác kiểm tra, thanh tra thuế.**

#### ***1.3.1 Về mô hình tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm tra, thanh tra thuế***

Hầu hết các nước đều có hệ thống thanh tra thuế được tổ chức theo hệ thống dọc gắn với mô hình tổ chức cơ quan thuế (Malaysia, Indonesia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh...). Hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế được phân cấp theo mô hình tổ chức, chủ yếu được thực hiện ở cấp trung gian (Cục thuế vùng, tỉnh). Tại các quốc gia có tổ chức bộ phận thanh tra cấp trung ương thì chủ yếu là thực hiện công tác chỉ đạo, hỗ trợ thanh tra.

Hoạt động thanh tra nội bộ tại một số quốc gia được tách ra khỏi hoạt động thanh tra và được thành lập tại cấp trung ương như Mỹ, Hàn Quốc, Anh, Singapore.

Hoạt động thanh tra ĐTNT được chuyên môn hoá cao. Các phòng thanh tra tại cơ quan thuế được tổ chức với chức năng chuyên biệt, chỉ thực hiện một giai đoạn của hoạt động thanh tra như: Phòng thanh tra chịu trách nhiệm thu thập, xử lý phân tích rủi ro, lập; Phòng Thanh tra thực hiện thanh tra và xác định thuế. Phòng thanh tra đặc biệt chịu trách nhiệm về phân tích ở những thông tin liên quan đến việc trốn thuế và điều tra tội phạm (Hàn Quốc, Anh). Hầu hết các cơ quan thuế các nước đều có thẩm quyền điều tra trốn thuế và bộ phận điều tra trốn thuế thường được tập trung tại cấp trung ương.

#### ***1.3.2 Công tác tuyển chọn và đào tạo cán bộ kiểm tra, thanh tra thuế***

Các nước đều có yêu cầu cao đối với việc tuyển chọn thanh tra viên. Người được tuyển chọn thường phải đào tạo qua Đại học. Riêng Anh yêu cầu phải có 2 bằng đại học (1 bằng đại học Kinh tế hoặc đại học Thuế và 1 bằng đại học Luật).

Những tiêu chuẩn cơ bản thanh tra viên cần phải có gồm:

- Có kiến thức chuyên sâu về thuế
- Có kiến thức về kế toán theo chuẩn mực trong nước và quốc tế và mối liên

kết giữa các yêu cầu về kế toán tài chính và kế toán cho mục đích thuế.

- Có kỹ năng thanh tra, phân tích kinh tế.
- Có tính nhạy bén, làm việc độc lập và chịu được áp lực công việc.
- Có kiến thức thành thạo về sử dụng máy tính (bao gồm kiến thức cơ bản về hệ điều hành, mô hình lưu trữ dữ liệu, các ứng dụng cơ sở và ứng dụng chuyên ngành sử dụng cho thanh tra).
- Có khả năng giao tiếp ngoại ngữ.

Ngoài việc tuyển chọn các nước còn chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng viên chức thuế. Nhiều trung tâm được đầu tư hiện đại xếp hạng quốc tế hoặc khu vực như Trung tâm đào tạo của Nhật Bản, Malaysia, Pháp...thanh tra viên khi mới được tuyển dụng đều được dự các khoá bồi dưỡng nghiệp vụ và đào tạo cơ bản.

### ***1.3.3 Về công tác xây dựng kế hoạch hàng năm***

Công tác xây dựng hàng năm được tập trung thống nhất theo chỉ đạo cấp trung ương căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ hướng dẫn việc xây dựng tập trung vào đối tượng, ngành, nghề nhất định, phê duyệt điều chỉnh tỷ lệ đối tượng thanh tra giữa ngành nghề. Theo kinh nghiệm của cơ quan thuế Anh thông thường thuế được xây dựng theo cơ cấu.

- + 40% do cơ quan thuế trung ương xây dựng
- + 10% lựa chọn ngẫu nhiên
- + 50% do Cục thuế và Chi cục thuế xây dựng
- \* Về kiểm soát chất lượng thanh tra

Các nước đều xây dựng hệ thống chuẩn mực thanh tra để kiểm soát chất lượng thanh tra. Hệ thống chuẩn mực từng nước có sự khác biệt nhất định nhưng đều bao gồm các nhóm chuẩn mực sau:

- Chuẩn mực 1: Kế hoạch thanh tra
- Chuẩn mực 2: Bằng chứng thanh tra và thu thập bằng chứng thanh tra

- Chuẩn mực 3: Kết luận, kiến nghị thanh tra

- Chuẩn mực 4: Tài liệu làm việc và Báo cáo thanh tra

Theo quy mô và tính chất của từng vụ thanh tra cơ quan thuế có thể thành lập các bộ phận riêng chịu trách nhiệm rà soát kết quả thanh tra theo các chuẩn mực trên trước khi ban hành quyết định cuối cùng hoặc có thể đưa vào quy trình thanh tra nội bộ.

#### ***1.3.4 Về chiến lược xử lý rủi ro***

Các nước đều xây dựng chiến lược xử lý rủi ro theo hướng ưu tiên giải quyết các rủi ro ở mức cao (là những rủi ro không thể chấp nhận được) và giải quyết các rủi ro ở mức thấp tùy theo nguồn lực cho phép (ví dụ: có thể lựa chọn rủi ro ở mức thấp bằng phương pháp ngẫu nhiên để đánh giá khả năng kiểm soát hoặc “tích lũy” các rủi ro này để giải quyết trong tương lai). Phạm vi xem xét, phân tích khi nhận dạng rủi ro bao gồm cả những thông tin được thể hiện ở cấp “vĩ mô” như xu hướng phát triển kinh tế, đặc tính ngành nghề và các tác động của chính sách kinh tế, thương mại và đầu tư.

#### **Ứng dụng công nghệ thông tin trong thanh tra thuế**

Nhóm các nước phát triển có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong thanh tra thuế cao và tại cấp trung ương thường thành lập bộ phận “Thanh tra máy tính” (Thanh tra tin học, thanh tra thuế bằng máy tính). Thanh tra máy tính được thực hiện thông qua hệ thống ứng dụng tin học hỗ trợ công tác thanh tra và quyền truy cập, khai thác, sử dụng hệ thống dữ liệu của ĐTNT để xác định rõ số liệu thực về sổ sách kế toán và các giao dịch điện tử.

#### **Khả năng vận dụng vào hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế tại Việt Nam**

Công tác kiểm tra, thanh tra là một chức năng cơ bản và quan trọng trong công tác quản lý thuế. Kinh nghiệm công tác kiểm tra, thanh tra của các nước nêu trên cho thấy: Dù mô hình tổ chức và cách thức hoạt động có khác nhau nhưng có những điểm chung.

- Mỗi quốc gia đều hết sức chú trọng tới công tác thanh tra, kiểm tra, đều thận trọng trong việc xem xét xác định mục tiêu, đối tượng thanh tra, kiểm tra.

- Các tiêu chí quan trọng của công tác kiểm tra, thanh tra là gìn giữ luật pháp, hướng tới việc xác định đúng nguyên nhân sai phạm tăng thu cho NSNN.

- Hoạt động kiểm tra, thanh tra được phân loại và phân cấp rõ ràng, đảm bảo khép kín và phát huy được tác dụng của tổ chức thanh tra các cấp.

- Công cụ đặc lực phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra là : Khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại, đặc biệt chú trọng tới chiến lược phát huy nhân tố con người trong việc tham gia hoạt động thanh tra, kiểm tra.

- Kết luận kiểm tra, thanh tra được thực thi nghiêm túc bởi hệ thống các cơ quan Nhà nước cùng vào cuộc.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức và cải cách công tác thanh tra thuế tại một số nước trên thế giới, những nội dung có thể vận dụng để thực hiện thành công chương trình cải cách và hiện đại hoá công tác thanh tra thuế ở Việt Nam nói chung và ở Cục thuế Hà Tĩnh nói riêng trong thời gian tới. Đó là:

- Xây dựng mô hình tổ chức thanh tra thuế theo hướng chuyên môn hoá cao. Các tổ chức thanh tra ĐTNT mới được cơ cấu theo hướng chuyên môn sâu, hình thành các bộ phận nhỏ chịu trách nhiệm một hoặc một vài khâu trong quy trình thanh tra. Tập trung cao cho thanh tra chuyên đề để từ đó nhân rộng, tránh thanh tra tràn lan lãng phí công sức mà không hiệu quả.

- Trao chức năng điều tra tội phạm về thuế cho cơ quan thuế

- Chuẩn hoá lực lượng thanh tra cả về số lượng và chất lượng.

- Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phân tích rủi ro một cách khoa học.

- Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ thanh tra.

- Áp dụng các chuẩn mực thanh tra để nâng cao hiệu quả, hiệu lực thanh tra thuế.

## **Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA Ở CỤC THUẾ HÀ TĨNH**

### **2.1. Giới thiệu về Cục thuế Hà Tĩnh và khái quát sự phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

#### **2.1.1. Giới thiệu về Cục thuế Hà Tĩnh**

Cục Thuế Hà Tĩnh được thành lập năm 1991 sau khi tách tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh theo quyết định 308/TC-QĐ-TCCB ngày 27/8/1991 của Bộ tài chính . Ngày đầu mô hình tổ chức của Cục thuế Hà Tĩnh gồm tại văn phòng Cục thuế có 7 phòng chức năng là Phòng kế hoạch, thống kê, kế toán án chỉ; phòng thanh tra xử lý và tố tụng về thuế; Phòng thuế Nông nghiệp; Phòng thuế khu vực kinh tế Ngoài quốc doanh; Phòng tổ chức cán bộ đào tạo và thi đua tuyên truyền; Phòng hành chính quản trị tài vụ. Đến năm 1994 theo yêu cầu công tác quản lý thuế Cục thuế được thành lập thêm 3 phòng: Phòng Ấn chỉ; Phòng thu trước bạ; Phòng hành chính, quản trị. Đưa số phòng lên tổng là 10 phòng

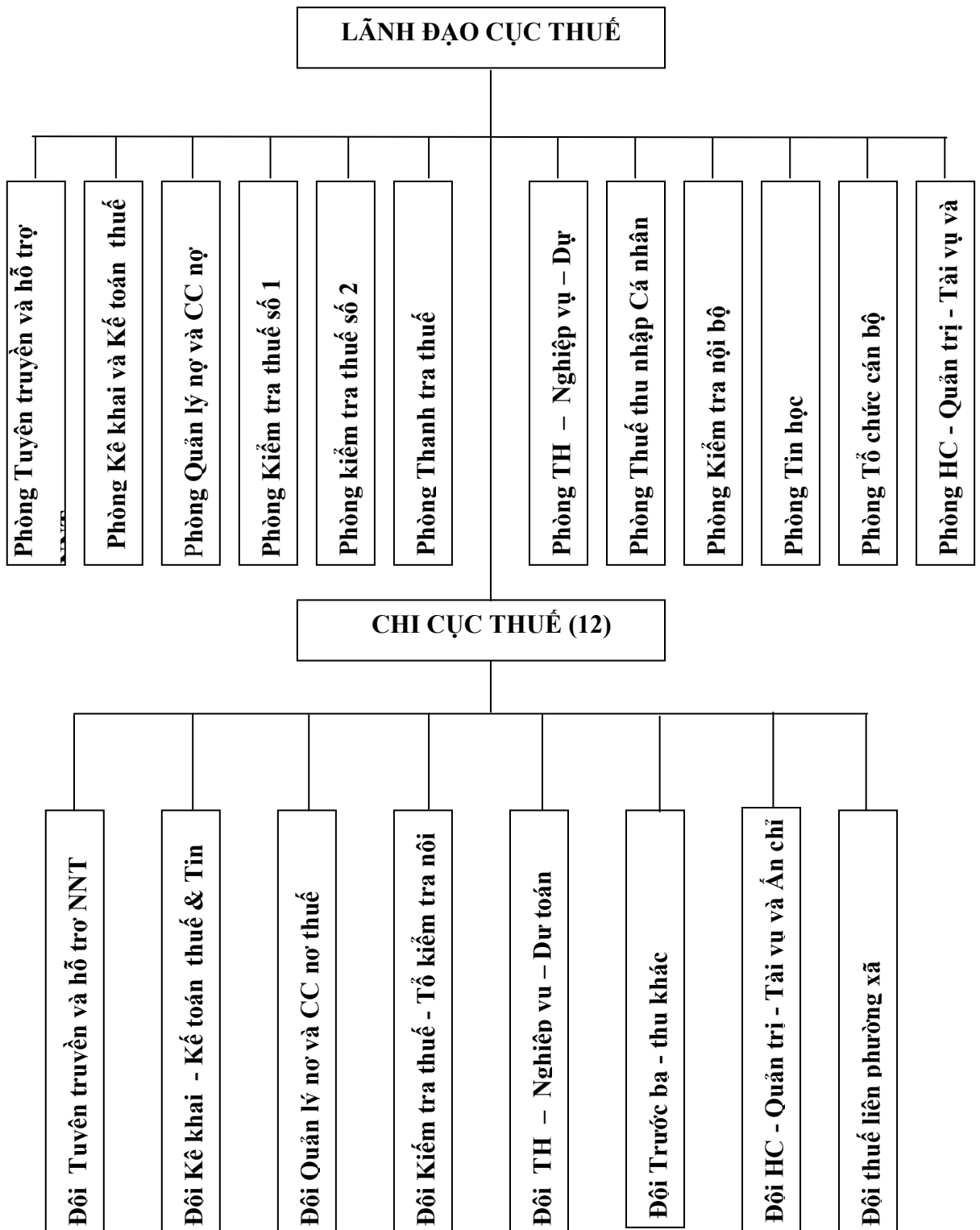
Năm 2014 có 12 phòng chức năng và 12 Chi cục thuế huyện thị xã và thành phố.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Cục gồm có 01 Cục trưởng và 2 Phó Cục trưởng Trong đó:

- Cục trưởng Cục thuế: Chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục Thuế trên địa bàn.

- Phó Cục trưởng: Chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý thuế ở Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh



Sơ đồ 2.1. Hệ thống bộ máy quản lý thuế tỉnh Hà Tĩnh

**Với nhiệm vụ chủ yếu của Cục thuế Hà Tĩnh:** Tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương về lập dự toán thu ngân sách Nhà nước, về công tác quản lý thuế trên địa bàn; tổ chức thực hiện dự toán thu thuế hàng năm; thực hiện các biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế theo quy định của pháp luật và các quy định, quy trình, biện pháp nghiệp vụ của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế; tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích chính sách thuế của Nhà nước; hỗ trợ người nộp thuế trên địa bàn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.

Về thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách: Cục thuế Hà Tĩnh liên tục hoàn thành vượt mức dự toán Pháp lệnh được giao cả về số lượng cũng như chất lượng theo hướng tăng thu đối với các nguồn thu mang tính chất ổn định, các nguồn thu không ổn định có xu hướng giảm dần.

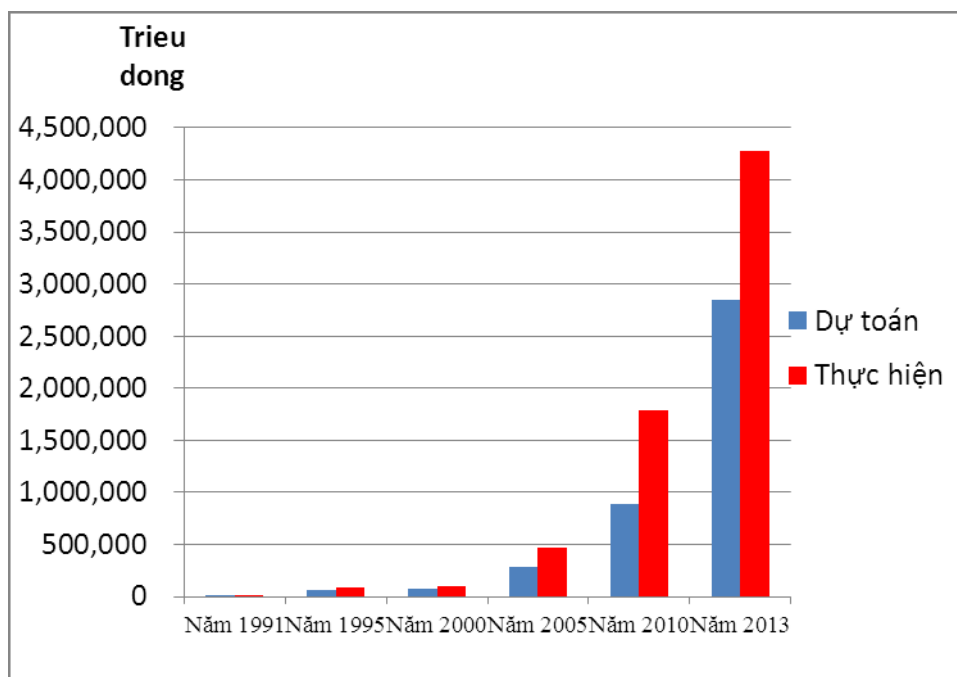
**Bảng 2.1. Tốc độ thu ngân sách qua các năm**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Năm thực hiện kế hoạch	Dự toán	Thực hiện	So với dự toán	So với năm so sánh	số tăng
1991	14,800	18,354	124%		
1995	67,651	86,293	128%	470%	67,939
2000	73,600	96,132	131%	111%	9,839
2005	290,000	465,000	160%	484%	368,868
2010	890,000	1,785,000	201%	384%	1,320,000
2013	2,842,000	4,280,000	151%	240%	2,495,000
Tổng	4,178,051	6,730,779			4,261,646

*(Nguồn: Cục thuế Hà Tĩnh)*





**Biểu đồ 2.1. Tốc độ thu ngân sách qua các năm**

(Nguồn: Cục thuế Hà Tĩnh)

**Bảng 2.2 Kết quả thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
<b>DNNN</b>	171,623	272,108	234,699	396,778
<b>DNĐTNN</b>	75,696	357,532	887,553	1,690,774
<b>NQD</b>	440,183	404,214	509,804	690,335
<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	729,642	614,307	696,954	685,174
<b>Phí + thuế khác</b>	367,994	560,888	726,682	816,939
<b>Tổng</b>	1,785,138	2,209,049	3,055,692	4,280,000

(Nguồn: Cục thuế Hà Tĩnh)

Có thể đánh giá tốc độ thu ngân sách của Hà Tĩnh trong những năm qua tăng rất lớn, từ năm 1991 đến năm 2013 thu tăng 233 lần với số thuế tuyệt đối tăng 4261 tỷ đồng .

Tại bảng 2.2 cho thấy kết quả thu theo loại hình trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2010 đến 2013 tăng 2,4 lần; với số tuyệt đối tăng 2.494,8 tỷ đồng. Trong đó chủ yếu tăng thu từ lĩnh vực đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp là lĩnh vực thu có tính ổn định. Riêng thu tiền sử dụng đất có xu hướng ngày càng giảm.

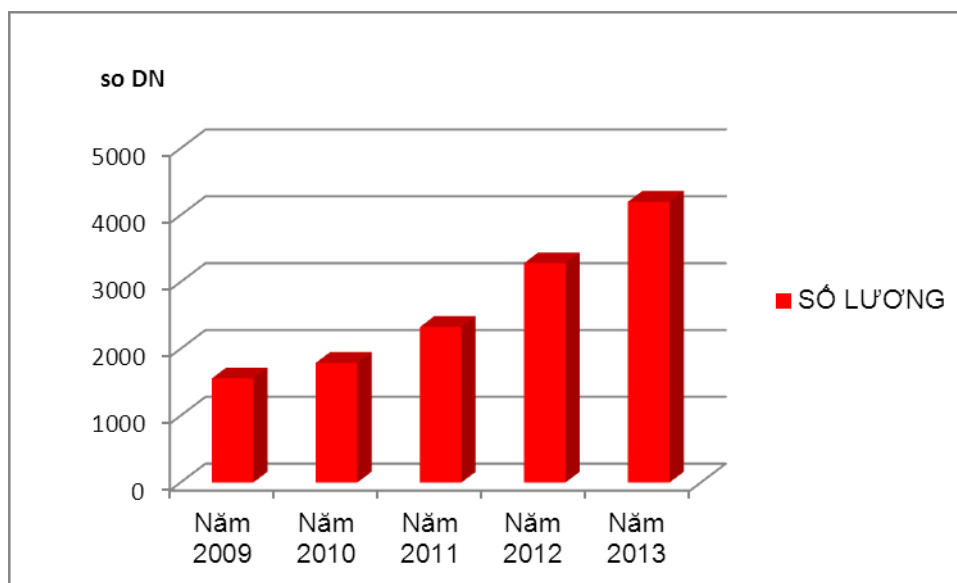
### **2.1.2. Khái quát sự phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Từ khi Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 có hiệu lực thi hành thay thế Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 09/2003/QH11 (năm 2009) đến nay, doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh tăng nhanh cả về số lượng và qui mô. (xem bảng 2.3).

**Bảng 2.3. Doanh nghiệp đăng ký kinh doanh giai đoạn 2009 - 2013**

Chỉ tiêu	Số lượng		Quy mô	
	Số lượng doanh nghiệp ( DN)	% Tăng so với năm trước (%)	Quy mô vốn (Tỷ đồng)	% Tăng so với năm trước (%)
2009	1.557	105	2.321	115
2010	1.790	115	20.274	874
2011	2.327	130	80.157	395
2012	3.281	141	113.447	142
2013	4.200	125	340.870	300

(Nguồn: Cục thuế Hà Tĩnh)



**Biểu đồ 2.2: Doanh nghiệp đăng ký kinh doanh giai đoạn 2009 - 2013**

(Nguồn: Cục thuế Hà Tĩnh)

Qua bảng 2.3 ta có thể dễ dàng nhận thấy, trên địa bàn Hà Tĩnh từ năm 2009 đến năm 2013 số lượng và quy mô doanh nghiệp đã đạt mức tăng trưởng đột biến qua các năm. Đặc biệt là về quy mô vốn, tốc độ tăng trưởng lớn hơn rất nhiều so với tốc độ tăng trưởng về số lượng doanh nghiệp, điều đó chứng tỏ doanh nghiệp đã phát triển về cả lượng và chất, đồng thời qua các năm tốc độ tăng trưởng cũng khá đồng đều, năm sau đều lớn hơn năm trước.

Năm 2009, toàn tỉnh Hà Tĩnh chỉ có 1.557 doanh nghiệp, tổng số vốn kinh doanh khoảng 2.321 tỷ đồng. Nhưng đến 31/12/2013 đã có 4.200 doanh nghiệp, HTX đăng ký kinh doanh với tổng số vốn kinh doanh là 340.870 tỷ đồng. Như vậy, từ năm 2009 đến năm 2013 quy mô vốn của doanh nghiệp đạt mức tăng trưởng 146,8 % và số lượng doanh nghiệp đạt mức tăng trưởng 269,7 %.

Tuy nhiên, trên địa bàn Hà Tĩnh doanh nghiệp phát triển không đồng đều giữa các khu vực, huyện thị trong tỉnh; các doanh nghiệp chủ yếu tập trung ở Thành phố Hà Tĩnh và Huyện Kỳ Anh. Đây là hai trung tâm kinh tế lớn nhất và có tiềm năng nhất của tỉnh Hà Tĩnh hiện nay. Nguồn vốn đầu tư

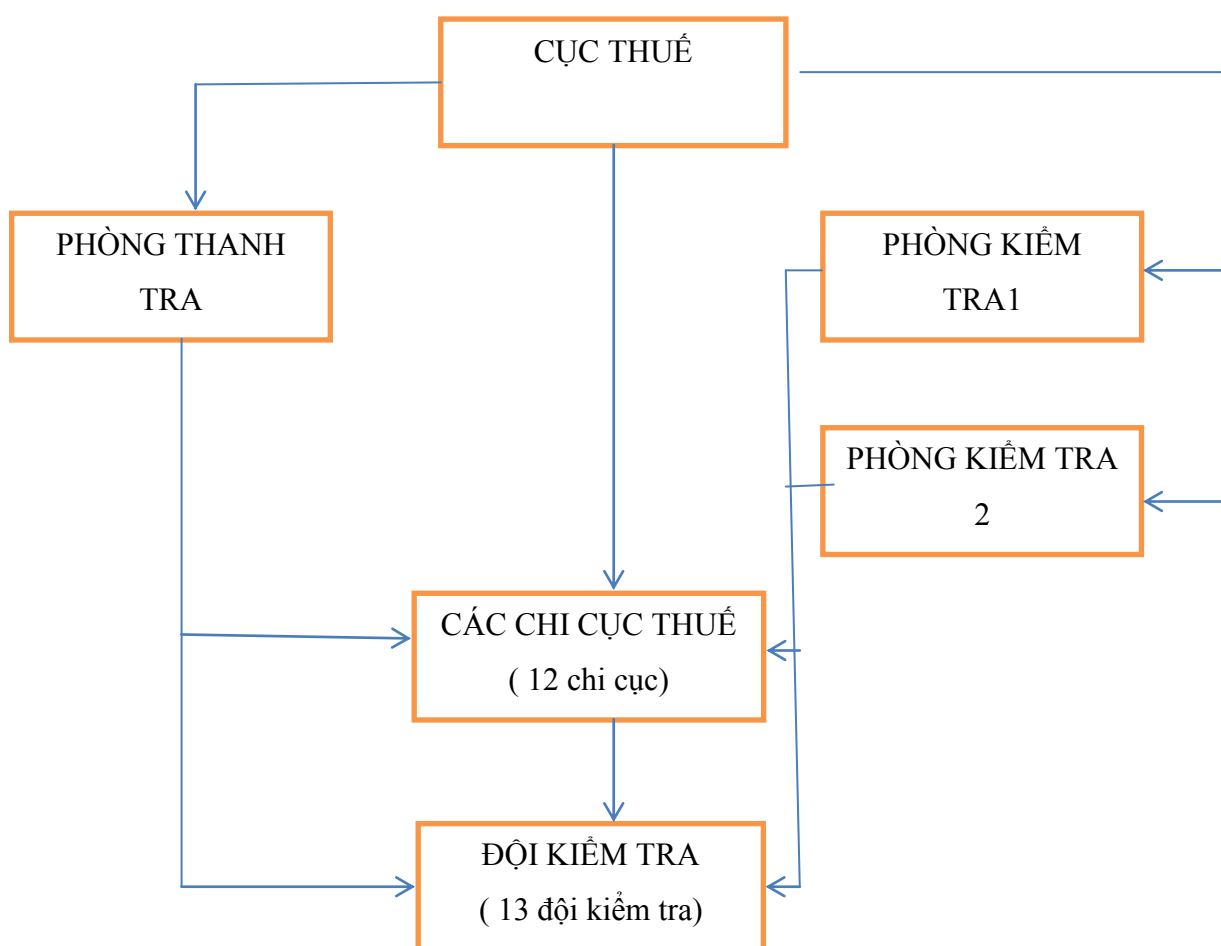
kinh doanh ở hai địa bàn này đã chiếm đến 95,21 % tổng lượng vốn đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh.

## 2.2 Thực trạng công tác kiểm tra, thanh tra thuế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

### 2.2.1 Tổ chức công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh

Cục Thuế Hà Tĩnh được thành lập năm 1991 sau khi tách tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh theo quyết định 308/TC-QĐ-TCCB ngày 27/8/1991 của Bộ Tài chính. Đến năm 2014 có 12 Phòng và 12 Chi cục thuế huyện, thị xã và thành phố.

Tổ chức công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh

(Nguồn: Cục thuế Hà Tĩnh)

### **\*Chức năng, nhiệm vụ phòng Kiểm tra thuế**

Phòng Kiểm tra thuế có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, giám sát kê khai thuế; chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Cục Thuế. Cụ thể:

- Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, giám sát kê khai thuế hàng tháng, quý, năm trên địa bàn quản lý;

- Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công tác kiểm tra, giám sát kê khai thuế đối với các Chi cục Thuế;

- Tổ chức thu thập thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế;

- Khai thác dữ liệu hồ sơ khai thuế hàng tháng của người nộp thuế, thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, so sánh với các dữ liệu thông tin của cơ quan thuế; kiểm tra tính trung thực, chính xác của hồ sơ khai thuế; phát hiện những nghi vấn, bất thường trong kê khai thuế, yêu cầu người nộp thuế giải trình hoặc điều chỉnh kịp thời;

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về thuế tại trụ sở của người nộp thuế, kiểm tra các tổ chức được ủy nhiệm thu thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế;

- Kiểm tra hồ sơ đề nghị hoàn thuế, hồ sơ miễn thuế, giảm thuế thuộc diện kiểm tra trước của người nộp thuế trình Lãnh đạo Cục ra quyết định hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế;

- Ấn định thuế đối với các trường hợp người nộp thuế khai thuế không đủ căn cứ, không đúng thực tế phát sinh mà người nộp thuế không giải trình được.

- Chuyển các trường hợp kê khai thuế có dấu hiệu trốn lậu thuế và các hồ sơ, tài liệu liên quan cho bộ phận thanh tra để tiến hành thanh tra thuế khi có đủ điều kiện tổ chức thanh tra thuế;

- Kiểm tra các trường hợp người nộp thuế sáp nhập, giải thể, phá sản, ngừng kê khai, bỏ trốn, mất tích, chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp, cổ phần hoá doanh nghiệp ...

- Thực hiện công tác kiểm tra, đối chiếu xác minh hoá đơn và trả lời kết quả xác minh hoá đơn theo qui định; xử lý và kiến nghị xử lý vi phạm về quản lý và sử dụng hoá đơn thuế, sai phạm về thuế theo kết quả xác minh hoá đơn thuế; tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng biên lai, ấn chỉ thuế của người nộp thuế và của tổ chức, cá nhân được cơ quan thuế uỷ quyền thu thuế, phí, lệ phí;

- Xử lý và kiến nghị xử lý những trường hợp người nộp thuế có hành vi vi phạm pháp luật về thuế phát hiện được thông qua kiểm tra;

- Cung cấp các thông tin điều chỉnh về nghĩa vụ thuế của người nộp thuế cho bộ phận chức năng có liên quan;

- Nhận dự toán thu ngân sách thuộc các đối tượng Cục Thuế trực tiếp quản lý; trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự toán thu đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế;

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát kê khai thuế trên địa bàn; nghiên cứu đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát kê khai thuế;

- Biên soạn tài liệu và tham gia đào tạo cán bộ, công chức thuế thuộc lĩnh vực được giao;

- Thực hiện việc bảo quản và lưu trữ hồ sơ nghiệp vụ, tài liệu và các văn bản pháp quy của Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng theo quy định;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng Cục Thuế giao.

### **Chức năng, nhiệm vụ phòng Thanh tra thuế**

Giúp Cục trưởng Cục thuế triển khai thực hiện công tác thanh tra người nộp thuế trong việc chấp hành pháp luật thuế; giải quyết tố cáo về hành vi

trốn lậu thuế, gian lận thuế liên quan đến người nộp thuế thuộc phạm vi Cục Thuế quản lý. Cụ thể:

- Xây dựng chương trình, người nộp thuế hàng năm; Tiếp nhận yêu cầu và hồ sơ đề nghị thanh tra người nộp thuế của Phòng Kiểm tra thuế và các Chi cục Thuế chuyên đến;

- Tổ chức thu thập thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thuộc đối tượng thanh tra;

- Tổ chức thực hiện công tác thanh tra thuế theo chương trình của Cục Thuế; thanh tra các trường hợp do phòng Kiểm tra thuế, các Chi cục đề nghị và chuyển hồ sơ; hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế cấp trên và cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo quy định đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thuế phát hiện được khi thanh tra thuế;

- Phối hợp với cơ quan chức năng khác trong việc thanh tra, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép, trốn lậu thuế;

- Lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền khởi tố các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thuế theo quy định;

- Tổ chức hoạt động tiếp dân tại trụ sở cơ quan thuế để nắm bắt, xem xét, giải quyết những thông tin phản ánh về các hành vi vi phạm chính sách, pháp luật thuế của người nộp thuế;

- Thanh tra xác minh, giải quyết các tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật thuế của người nộp thuế; đề xuất ý kiến đối với các hồ sơ tố cáo về thuế không thuộc thẩm quyền của Cục Thuế chuyển cho cơ quan cấp trên và các cơ quan khác có liên quan giải quyết;

- Thực hiện giám định về thuế theo trung cầu giám định của cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương hoặc theo phân công của Tổng cục Thuế;

- Cung cấp thông tin, kết luận sau thanh tra cho các bộ phận chức

năng có liên quan để phối hợp quản lý thuế;

- Tổng hợp, báo cáo, đánh giá chất lượng công tác thanh tra thuế, tổng hợp kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người nộp thuế trong phạm vi toàn Cục thuế; nghiên cứu đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác thanh tra thuế;

- Biên soạn tài liệu và tham gia đào tạo cán bộ, công chức thuế thuộc lĩnh vực được giao;

- Thực hiện việc bảo quản và lưu trữ hồ sơ nghiệp vụ, tài liệu và các văn bản pháp quy của Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng theo quy định;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng Cục thuế giao.

### ***2.2.2 Quy trình kiểm tra, thanh tra thuế***

Thực hiện công cuộc cải cách và hiện đại hóa ngành thuế nói chung và công tác kiểm tra, thanh tra thuế nói riêng. Năm 2004 hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hiện theo quy trình 1322/TCT-HTQT, năm 2005-2006 theo quy trình 1166/QĐ-TCT. Đến năm 2007 Luật quản lý thuế có hiệu lực từ ngày 1/7/2007 đã chi phối quy trình thực hiện kiểm tra, thanh tra thuế năm 2007. Các quy định về kiểm tra, thanh tra thuế của Tổng cục thuế trong giai đoạn này bao gồm công văn 530/TCT-TTr ngày 23/01/2007, Quyết định 528/QĐ-TCT ngày 29.5.2008 và quyết định 460/QĐ-TCT ngày 5/5/2009. Ngày 27/1/2014 Tổng cục thuế đã ban hành Quyết định số 74/QĐ-TCT thay thế quyết định 460/QĐ-TCT ngày 05/05/2009 về quy trình thanh tra thuế.

Qua thực hiện kiểm tra, thanh tra thuế theo cơ chế tự khai tự nộp tại Cục thuế Hà Tĩnh đã có những chuyển biến tích cực so với cơ chế chuyên quản khép kín trước đây, cụ thể:

- Quy định rõ ràng hơn từng bước công việc gắn với trách nhiệm của từng bộ phận, từng người tham gia quy trình đã tạo nên sự chuyên môn hóa



trong công việc và phù hợp với trình độ của từng cán bộ.

- Áp dụng kỹ thuật thu thập thông tin, dữ liệu, phân tích, đánh giá rủi ro để lựa chọn chính xác hơn đối tượng cần kiểm tra, thanh tra thuế, chuẩn bị trước khi tiến hành kiểm tra, thanh tra nhằm đảo bảo việc kiểm tra, thanh tra tại cơ sở kinh doanh mất ít thời gian, nguồn lực nhất và hiệu quả nhất.

- Chuyển đổi từ cơ chế kiểm tra, thanh tra nhằm vào tất cả các ĐTNT sang cơ chế kiểm tra, thanh tra theo mức độ vi phạm về thuế, gian lận về thuế.

- Chuyển từ việc thanh tra theo diện rộng sang thanh tra theo hệ thống tiêu thức lựa chọn đi vào chiều sâu mức độ vi phạm.

- Chuyển từ hoạt động kiểm tra, thanh tra chủ yếu tiến hành tại cơ sở kinh doanh sang kiểm tra, thanh tra chủ yếu tại cơ quan thuế nên đã hạn chế tình trạng gây phiền hà cho ĐTNT so với cơ chế chuyên quản khép kín trước đây.

- Chuyển từ kiểm tra, thanh tra toàn diện sang kiểm tra, thanh tra theo chuyên đề, nội dung vi phạm.

Tuy nhiên thực hiện quy trình tại Cục thuế Hà Tĩnh Lực lượng cán bộ chưa đủ, việc sắp xếp cân đối lực lượng so với yêu cầu đặt ra, trong đó về lực lượng để thực hiện thanh tra chuyên đề còn rất thiếu và yếu. Nội dung thực hiện còn chưa trọng tâm theo kế hoạch phân tích dẫn tới còn kéo dài thời gian theo kế hoạch. Công tác kiểm tra tại các chi cục đạt số lượng còn thấp, số thuế truy thu bình quân trên một đối tượng còn thấp, chưa kể đến đạt mức huy động theo yêu cầu của ngành.

### ***2.2.3 Công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra***

Hàng năm, Tổng cục thuế hướng dẫn cụ thể tới Cục thuế các Tỉnh, Thành phố về công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra thuế theo nội dung và số lượng để các Cục thuế làm căn cứ xây dựng kế hoạch. Tại Cục thuế Hà Tĩnh công tác xây dựng kế hoạch từ đơn giản, hệ thống chỉ tiêu sơ sài, thiếu đánh giá nguồn nhân lực theo cơ chế chuyên quản khép kín trước đây đã

tiến đến một phương pháp xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra khoa học, dựa trên hệ thống các chỉ tiêu đánh giá độ rủi ro, mức độ tuân thủ pháp luật thuế của ĐTNТ. Do vậy đã hạn chế việc kiểm tra, thanh tra ĐTNТ tràn lan do hoạt động thanh tra, kiểm tra ĐTNТ được thực hiện trên cơ sở phân tích các dữ liệu về ĐTNТ trên hệ thống báo cáo tài chính, hồ sơ kê khai thuế và kết hợp các nguồn thông tin khác như thông tin về tính hình chấp hành pháp luật thuế nắm được qua công tác quản lý, tình hình xu thế phát triển ngành kinh tế để lựa chọn chính xác hơn những đối tượng vi phạm pháp luật thuế, cụ thể các tiêu chí để lựa chọn đối tượng để kiểm tra, thanh tra thuế tại Cục thuế Hà Tĩnh.

Tuy nhiên trong thời gian qua công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra thuế còn mang nặng tính hình thức, chủ yếu vẫn dựa trên kinh nghiệm và đánh giá chủ quan của cán bộ đảm nhiệm công tác xây dựng kế hoạch chưa đi sâu phân tích thông tin doanh nghiệp để lập kế hoạch sát đúng với yêu cầu do cơ sở dữ liệu về ĐTNТ chưa đầy đủ, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu, đánh giá rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật.

Mặt khác sự phối hợp giữa bộ phận xử lý dữ liệu, bộ phận quản lý và bộ phận thanh tra chưa chặt chẽ, sự năng động trong việc khai thác thông tin bên ngoài của công chức làm công tác kiểm tra, thanh tra còn hạn chế dẫn đến khả năng đánh giá phân tích xung quanh ĐTNТ chưa cao.

Theo quyết định 2180/QĐ-TCT ngày 27/12/201 Tổng cục thuế giao chỉ tiêu thanh tra và kiểm tra cho các Cục thuế trong năm 2013. Về thanh tra 1,5%, về kiểm tra 15% trên tổng số doanh nghiệp quản lý.

Tại Cục thuế Hà Tĩnh do áp lực về thực hiện số thu không những các phòng kiểm tra thực hiện dự toán thu thì tại phòng thanh tra cũng được giao kế hoạch về số thu. Chính vì vậy công tác xây dựng kế hoạch ban đầu có thể nói nếu không được quan tâm thì có nhiều DN luôn bị kiểm tra, thanh tra vì

các doanh nghiệp này có số thu lớn, trong khi đó lại bỏ sót nhiều đối tượng có thể nói là rủi ro cao nhưng số thu không lớn. Có nhiều doanh nghiệp nhiều năm không được kiểm tra, thanh tra. Bên cạnh đó hiện nay trình độ người nộp thuế về nhận thức về thuế cao hơn, các phần mềm kế toán đã xây dựng hiện nay đã tiệm cận với những hoạt động của các doanh nghiệp kèm theo đó họ đã thuê cán bộ có trình độ kế toán giỏi nên đã xây dựng hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo thuế tương đối hoàn chỉnh nên khi nhập vào phần mềm phân tích rủi ro nhiều khi chưa thật đúng theo thực tế. Ngoài ra trình độ tiếp xúc đối thoại cũng như các kỹ năng thanh tra của các cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra chưa cao.

## **2.2.4 Nội dung kiểm tra, thanh tra thuế**

### **2.2.4.1 Kiểm tra đăng ký thuế**

Với việc thực hiện chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, cạnh tranh lành mạnh để tạo động lực thúc đẩy nền kinh tế. Hiện nay chủ trương của Nhà nước rất thông thoáng trong việc làm thủ tục thành lập doanh nghiệp, những năm gần đây các doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ cả về số lượng lẫn quy mô. Bên cạnh đó không ít doanh nghiệp lợi dụng thông thoáng đó để thành lập nhưng thực chất không hoạt động sản xuất kinh doanh, để bán hóa đơn không gây thất thu cho ngân sách Nhà nước.

Các doanh nghiệp phân bố trên địa bàn không đều chủ yếu tập trung ở thành phố Hà Tĩnh, huyện Kỳ Anh. Riêng tại huyện Vũ Quang là huyện mới thành lập nên số lượng doanh nghiệp không nhiều quy mô kinh doanh cũng đang còn nhỏ lẻ. Các doanh nghiệp tại Hà Tĩnh tuy số lượng ngày càng nhiều nhưng chủ yếu sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, máy móc sản xuất lạc hậu, phần lớn là các doanh nghiệp thương mại, các doanh nghiệp thuộc ngành sản xuất còn

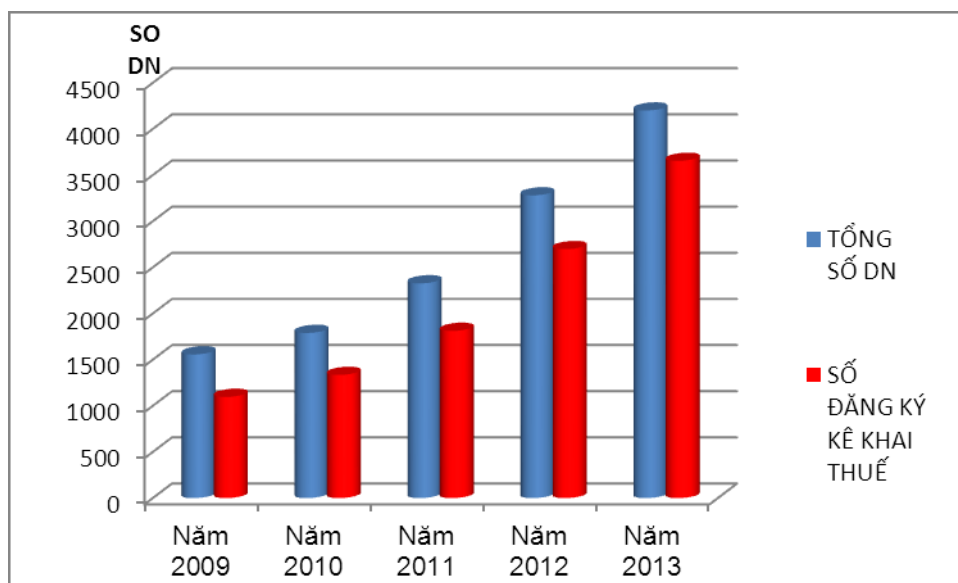
ít. Hiện nay trên địa bàn huyện kỳ anh phát sinh lượng doanh nghiệp ngoài tỉnh đến kinh doanh tương đối nhiều do các doanh nghiệp nội tỉnh chưa đủ khả năng theo yêu cầu của nhà đầu tư (Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp FORMOSA Hà Tĩnh). Thực tế nhiều doanh nghiệp thành lập nhưng không đăng ký kê khai thuế nhận thức điều đó trong những năm qua ngành thuế Hà Tĩnh đã rất tích cực phối hợp với các ngành rà soát, kiểm tra đối chiếu, xem xét lý do các doanh nghiệp không hoạt động làm thủ tục đóng mã số thuế và đề nghị cơ quan cấp phép thu hồi giấy phép thành lập.

**Bảng 2.4: Đăng ký và kê khai thuế của các DN giai đoạn 2009 – 2013**

<b>Chỉ tiêu</b> <b>Năm</b>	<b>Số doanh nghiệp</b> <b>trên địa bàn</b>	<b>Số doanh nghiệp</b> <b>đăng ký và kê khai</b> <b>thuế</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
2009	1.557	1.097	70
2010	1.790	1.335	75
2011	2.327	1.812	78
2012	3.281	2.698	82
2013	4.200	3.654	87

*(Nguồn: Cục thuế Hà Tĩnh)*

Qua bảng trên nhận thấy vẫn còn nhiều doanh nghiệp thành lập nhưng không đăng ký kê khai thuế. Tuy tỷ lệ đăng ký kê khai thuế đã tăng dần theo năm nhưng số chưa đăng ký còn chiếm tỷ lệ cao. Năm 2013 đã có tới 546 DN không hoạt động, hoặc hoạt động cầm chừng, điều này ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn.



**Biểu đồ 2.3: Đăng ký và kê khai thuế của các DN giai đoạn 2009 – 2013**

(Nguồn: Cục thuế Hà Tĩnh)

Qua kiểm tra thực tế nổi lên phần nhiều các doanh nghiệp đăng ký nhưng không kê khai hoặc có kê khai nhưng không phát sinh doanh số. Tại địa bàn huyện Kỳ anh hiện có 541 doanh nghiệp thì ngành thương mại là 195 chiếm 36%; các ngành nghề khác 100; có 192 doanh nghiệp kê khai không phát sinh thuế trong đó có 54 doanh nghiệp tạm ngừng, nghỉ bỏ kinh doanh.

#### 2.2.4.2 Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành chế độ kế toán hóa đơn chứng từ

Số liệu trên sổ sách kế toán của DN sẽ phản ánh thực trạng tình hình kinh doanh, hiệu quả kinh doanh của DN trong từng thời kỳ. Do đó, việc ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán phải trung thực, đúng với tình hình kinh doanh thực tế của doanh nghiệp.

Nhìn chung việc tổ chức hệ thống kế toán trong các DN đều tuân thủ theo quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực kế toán. Các DN đều dựa trên cơ sở của hệ thống chế độ kế toán và đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị để áp dụng chế độ kế toán phù hợp. Tùy theo quy mô hoạt động và số vốn kinh doanh mà DN lựa chọn hình thức kế toán theo Quyết định

48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2016 đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ; Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2016 quy định chế độ kế toán đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện chế độ kế toán, các DN vẫn còn một số tồn tại cơ bản như sau: Nội dung ghi chép không đầy đủ trên sổ sách hoặc ghi chép không đúng thực tế biểu hiện trên sổ quỹ tiền mặt số dư tiền âm, hoặc không thống nhất số dư cuối kỳ so với số dư đầu kỳ của kỳ tiếp theo rất khó khăn cho công tác kiểm tra, thanh tra thuế.

Thực tế hiện nay hầu như đối với các doanh nghiệp NQD chưa lập được danh mục các chứng từ cần thiết cũng như thiết lập cho mình một trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý, các DN còn vi phạm những quy định mang tính bắt buộc của chế độ chứng từ kế toán như: Lập chứng từ không theo biểu mẫu quy định; có nhiều loại chứng từ viết tay, không đảm bảo tính pháp lý, không phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; không đầy đủ chữ ký kiểm soát cũng như không đầy đủ và chính xác về số lượng và giá trị như tại Công ty CP xây lắp và dịch vụ Việt Tiệp Mã số thuế: 3000318831.

Hiện nay ngoài các sai phạm thông thường các doanh nghiệp đã đầu tư kê các phương tiện cơ sở vật chất, cán bộ có trình độ về kế toán và các nghiệp vụ chuyên môn để hạch toán kế toán giảm số thuế phải nộp nhưng khi phát hiện không phải là trốn thuế.

Tạo mới là việc tận dụng các ưu đãi, lợi ích về thuế từ việc tạo ra các chi nhánh, công ty con, ví dụ thành lập mới tại địa bàn có mức thuế suất thấp. Chuyển đổi là việc thay đổi cơ chế hoạt động, thay đổi bản chất giao dịch để tài sản và thu nhập được tạo ra chịu mức thuế suất thấp hơn nếu không thực hiện chuyển đổi; Hạch toán chậm để dịch thời gian chuyển giá trị chịu thuế sang kỳ tính thuế có lợi hơn.

Trong hệ thống chứng từ kế toán, hóa đơn là chứng từ kế toán bắt buộc và là yếu tố quyết định trực tiếp đến nghĩa vụ của người nộp thuế, do

đó hóa đơn có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cơ quan quản lý, cơ sở kinh doanh cũng như đối với người tiêu dùng. Thực tế chỉ thấy, tại một số đơn vị có hiện tượng vi phạm chế độ sử dụng hóa đơn bán hàng như lợi dụng người mua không lấy hóa đơn để bán hàng không xuất hóa đơn, để ngoài sổ sách như công ty TNHH thương mại Vận tải Bình Nguyên Mã số thuế: 3000984133.

#### 2.2.4.3 Kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp thuế.

##### **\* Kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế**

Thực hiện kiểm tra, thanh tra theo cơ chế tự khai tự nộp đã giảm bớt các tài liệu mà doanh nghiệp phải cung cấp khi thực hiện thanh tra, kiểm tra do đã thực hiện phân tích hồ sơ khai thuế, báo cáo tài chính lưu tại cơ quan thuế và nắm bắt thông tin về doanh nghiệp tại cơ quan Thuế, từ đó xác định phạm vi cần kiểm tra, thanh tra thuế. Hiệu quả thanh tra, kiểm tra thuế được nâng cao. Việc kiểm tra tại bàn đã được ngành thuế triển khai bắt buộc. Tất cả các hồ sơ kê khai của người nộp thuế đều phải được kiểm tra tại bàn (tại cơ quan thuế). Các cán bộ được giao thực hiện kiểm tra đối chiếu nội dung kê khai trong hồ sơ khai thuế với cơ sở dữ liệu của NNT cùng ngành nghề. Qua quá trình kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế cho thấy các sai phạm chủ yếu trong việc kê khai là:

Thứ nhất, sai sót trên mẫu tờ khai

+Đối với tờ khai thuế GTGT không điền đầy đủ các chỉ tiêu trên mẫu tờ khai, bảng kê hàng hóa bán ra không kê đúng thứ tự số hóa đơn đã sử dụng, đồng thời kê khai trùng nhiều lần cho một hóa đơn cụ thể như trường của Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng. Mã số thuế: 3000 413193. Ghi thiếu chỉ tiêu, nhầm lẫn giữa các dòng làm sai lệch nội dung tờ khai.

+ Hồ sơ khai thuế TNDN. Hồ sơ không thuộc diện ưu đãi thuế nhưng vẫn tính miễn và giảm.

Thứ hai, thời điểm kê khai thuế. Nhiều trường hợp kê khai không đúng với thời điểm các khoản thuế phát sinh như Hóa đơn đầu vào kê khai chậm nhằm cân đối với lượng bán ra, do lượng bán lẻ không kê khai doanh số bán ra nên không kê tránh bất cân đối về thuế và về kho xảy ra tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Việt Hải Mã số thuế 3000.541.847

**Bảng 2.5: Kết quả Kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế từ năm 2010 đến 2013**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2013</b>
<b>1</b>	<b>Số hồ sơ kiểm tra phải điều chỉnh</b>	169	314	215	57
<b>2</b>	<b>Số thuế điều chỉnh</b>	16.58	2.6	1.57	0.25

*(Nguồn: Cục thuế Hà Tĩnh)*

Qua bảng trên nhận thấy về kê khai của người nộp thuế sai sót giảm đi, số thuế cần điều chỉnh cũng giảm đi rõ rệt. Người nộp thuế đã tuân thủ việc kê khai thuế, điều đó chứng tỏ công tác tuyên truyền của cơ quan thuế đã có hiệu quả, người nộp thuế đã có ý thức hơn nhiều.

Để tạo điều kiện cho người nộp thuế trong quá trình kê khai thuế, Cục Thuế Hà Tĩnh đã tổ chức triển khai ứng dụng Hỗ trợ kê khai thuế bằng công nghệ mã vạch hai chiều, hiện nay 100% các doanh nghiệp đã thực hiện kê khai thuế theo công nghệ này.

Đồng thời, để tránh phiền hà cho doanh nghiệp, Cục thuế Hà Tĩnh đã triển khai thành công hình thức kê khai thuế qua mạng và nhận được sự đồng



tình cao của doanh nghiệp. Hiện nay, 80% doanh nghiệp do Văn phòng Cục thuế quản lý và doanh nghiệp do chi cục thuế Thành Phố Hà Tĩnh đã tiến hành kê khai qua mạng và trong thời gian tới Cục thuế Hà Tĩnh sẽ triển khai hình thức kê khai qua mạng đối với tất cả các chi cục thuế trên địa bàn Tỉnh. Đây là một trong những kênh giúp cho công tác kiểm tra, thanh tra khai thác thông tin và phân tích các số liệu liên quan.

### **\*Kiểm tra, thanh tra tại trụ sở người nộp thuế**

Thực hiện kiểm tra, thanh tra thuế theo cơ chế tự khai tự nộp, hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở NNT trên cơ sở thu thập và phân tích thông tin, lựa chọn các đơn vị có dấu hiệu gian lận thuế để tiến hành kiểm tra, vừa không gây phiền hà cho các doanh nghiệp có vi phạm, vừa tránh lãng phí nguồn lực của cơ quan thuế.

Thời gian tiến hành một cuộc thanh tra tại đơn vị cũng đã được rút ngắn bởi công tác thanh tra đã tiến hành bước phân tích sâu hồ sơ doanh nghiệp tại cơ quan thuế. Khi tiến hành thanh tra, tập trung vào các dấu hiệu nghi vấn, tránh tình trạng kiểm tra, thanh tra dàn trải, gây mất thời gian cho đối tượng thanh tra. Đồng thời, việc áp dụng các công cụ hỗ trợ cho công tác thanh tra như công cụ tra cứu hoá đơn của các doanh nghiệp bỏ trốn, các phần mềm phân tích tài chính doanh nghiệp, các chương trình Excel tính toán số liệu đã rút ngắn thời gian kiểm tra, thanh tra tại cơ sở kinh doanh xuống đáng kể

**Bảng 2.6: Kết quả thanh tra từ năm 2009 đến 2013.**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Năm	Số DN được thanh tra	Số thuế truy thu qua thanh tra				Số tiền phạt		số thuế truy thu bình quân/1 đơn vị
		Tổng số	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Các loại thuế khác	Về hành vi kê khai sai	Về các hành vi phạm hành chính khác	
<b>2009</b>	38	5.2	2.38	0.8	1.454	0.46	0.106	0.137
<b>2010</b>	38	5.3	2.87	1.2	0.53	0.46	0.24	0.139
<b>2011</b>	55	6.5	3.008	1.9	0.782	0.21	0.6	0.118
<b>2012</b>	58	12	3.83	4.8	2.27	0.3	0.8	0.207
<b>2013</b>	58	13.2	3.45	6.64	1.44	1.15	0.52	0.228
<b>Tổng cộng</b>	<b>247</b>	<b>42.2</b>	<b>15.538</b>	<b>15.34</b>	<b>6.476</b>	<b>2.58</b>	<b>2.266</b>	0.171

( Nguồn: Cục Thuế Hà Tĩnh)

Từ Bảng 2.6 ta thấy, qua 5 năm Cục Thuế Hà Tĩnh đã thực hiện 247 cuộc thanh tra với tổng số thuế truy thu 42,2 tỷ đồng, trong đó năm 2013 số thuế truy thu sau thanh tra tăng lên so năm 2009 là 2,5 lần. Tỷ lệ truy bình quân năm 2013 tăng hẳn so với các năm. Trong 5 năm qua, với số lượng cán bộ không nhiều (01 phòng thanh tra với 10 cán bộ) nhưng kết quả thực hiện cho thấy cán bộ thanh tra ngày càng vững vàng hơn trong chuyên môn cũng như xử lý kết quả. Các cuộc thanh tra trước khi ban hành Quyết định thanh tra đều được phân tích mức độ rủi ro, các mâu thuẫn trên tờ khai, quyết toán thuế. Do công tác chuẩn bị tốt nên đã khắc phục được tình trạng xác định nhầm đối tượng thanh tra, góp phần nâng cao hiệu quả thanh tra. Các cuộc thanh tra được

tiến hành theo đúng quy trình, mục đích là thông qua thanh tra phát hiện và truy thu số thuế gian lận, khai sai và kịp thời chỉ ra các hành vi sai phạm, đề ra biện pháp để uốn nắn, khắc phục những thiếu sót cho người nộp thuế.

**Bảng 2.7: Kết quả kiểm tra từ năm 2009 đến 2013**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Năm	Số DN được kiểm tra	Số thuế truy thu qua kiểm tra				Số tiền phạt		Số thuế truy thu bình quân/1 đơn vị
		Tổng số	Thuế GTGT	Thuế TNDN	Các loại thuế khác	Về hành vi kê khai sai	Về các hành vi vi phạm hành chính khác	
<b>2009</b>	305	10.36	3.49	5.4	0.51	0.8	0.16	0.0340
<b>2010</b>	327	20.6	10.91	4.59	2.7	1.82	0.58	0.0630
<b>2011</b>	530	33.9	14.59	8.88	5.13	2.86	2.44	0.0640
<b>2012</b>	812	47.8	11.96	23.39	5.75	4.11	2.59	0.0589
<b>2013</b>	698	95.9	50.72	22.6	6.08	7.94	8.56	0.1374
<b>Tổng cộng</b>	<b>2672</b>	<b>208.56</b>	<b>91.67</b>	<b>64.86</b>	<b>14.09</b>	<b>9.59</b>	<b>14.33</b>	<b>0.0781</b>

*(Nguồn: Cục Thuế Hà Tĩnh)*

Tại biểu 2.7 thể hiện mức độ quan tâm đến công tác kiểm tra số DN được kiểm tra tăng lên theo từng năm. Đặc biệt tăng vọt trong năm 2012. Số thuế truy tăng lên theo từng năm, năm cao nhất là năm 2013 số đối tượng hơn gấp đôi năm 2009 nhưng số thuế truy thu tăng hơn 9 lần. Điều đó chứng tỏ công tác xử lý số liệu, lập kế hoạch kiểm tra sát đúng thực tế, xác định đúng các rủi ro cao về thuế.

Tại Hà Tĩnh qua kiểm tra, thanh tra nổi lên các sai phạm của người nộp thuế chủ yếu

- Không xuất hóa đơn và kê khai doanh thu không đúng thực tế phát sinh thường xảy ra tại các Doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; dịch vụ vận tải; hoạt động xây dựng cơ bản (nhà dân và đơn vị xây dựng vĩnh viễn); vật liệu xây dựng; chế biến lâm sản; thủy hải sản; điện tử, điện lạnh; hàng trang trí nội thất...

- Kê khai doanh thu thấp hơn thực tế thanh toán, nhất là các trường hợp cung cấp hàng hóa dịch vụ cho các cá nhân, hộ gia đình (Vì các đối tượng này sử dụng tiền mặt và không cần lấy hoá đơn) thường xảy ra tại các Doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; xe gắn máy; vật liệu xây dựng ...

- Nhượng bán, trao đổi vật tư không ghi nhận doanh thu mà chỉ hạch toán thay đổi cơ cấu tài sản lưu động bằng các bút toán nhập, xuất, thu, chi hoặc công nợ phải thu, phải trả; bán phế liệu không xuất hóa đơn, không ghi nhận doanh thu hoặc hạch toán giảm chi phí sản xuất.

- Một số Doanh nghiệp thương mại thường không phân bổ chi phí thu mua cho hàng tồn kho mà tính hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- Các đơn vị sản xuất thường xây dựng định mức vật tư cho một đơn vị sản phẩm cao hơn thực tế làm tăng chi phí nguyên vật liệu, hoặc không xây dựng định mức vật tư làm khó khăn cho công tác kiểm tra xác định của cơ quan thuế.

- Về khấu hao tài sản cố định: Đưa vào chi phí khoản trích khấu hao các tài sản không dùng cho sản xuất kinh doanh, hoặc trích khấu hao cao hơn quy định; hoặc tài sản của cá nhân không phải là tài sản của Doanh nghiệp.

- Chi phí tiền lương theo hợp đồng lao động và thực tế chi trả cho người lao động khó kiểm tra xác định, không loại trừ trường hợp Doanh nghiệp chi trả thấp hơn hợp đồng lao động nhưng hạch toán chi phí tiền lương theo hợp đồng lao động.

- Kê khai khoản chi phí khuyến mại, quảng cáo vượt tỷ lệ quy định, hoặc đưa vào loại tài khoản loại 6 để giấu khoản chi vượt này.

- Một số Doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH mà các thành viên có quan hệ gia đình với nhau thường đưa các khoản chi phí tiếp khách riêng, chi phí phục vụ cho nhu cầu cá nhân (có hóa đơn) vào chi phí của công ty.

- Chia nhỏ các khoản chi phí không có chứng từ thành nhiều khoản chi trong cùng một ngày.

- Một số trường hợp Doanh nghiệp kê khai cao khoản chi mua đất của người dân (trước khi làm thủ tục thuê đất) trên hợp đồng để được lợi khi phân bổ khoản chi này theo thời hạn thuê đất.

- Giá trị công trình xây lắp hoàn thành, thực tế hiện nay thường xảy ra chất lượng vật tư mua thực tế kém hơn trong dự toán, hoặc mua khác chủng loại nhằm hưởng chênh lệch trong giá vật tư.

- Kê khai không chi phí vận chuyển...lập chứng từ không chi phí nhân công, nhất là chứng từ thuê khoán lao động phổ thông tại hiện trường hợp thức hoá phần chênh lệch giữa số thực chi thuê khoán và số được chi trả nhân công trong bảng quyết toán giá trị công trình.

- Có những công trình đã được chủ đầu tư nghiệm thu thanh quyết toán nhưng chưa thanh toán tiền ( Nhà thầu ) nên các Doanh nghiệp không kê khai tính thuế; một số công trình có giá trị xây lắp bổ sung, phát sinh sau khi lập dự toán Doanh nghiệp chỉ kê khai giá trị hợp đồng chính còn phần bổ sung, phát sinh không kê khai thuế .

- Lợi dụng một số mặt chính sách của Nhà nước và công tác quản lý chưa đồng bộ nên một số Doanh nghiệp kê khai không các chi phí phát sinh ngoài dự toán, vượt so với định mức thiết kế kỹ thuật, với giá trị lớn nhằm khấu trừ thuế GTGT đầu vào và tăng chi phí, làm giảm thu nhập chịu thuế, giảm thuế TNDN phải nộp.

### 2.2.5 Công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế, ngành thuế Hà Tĩnh luôn đặt nhiệm vụ tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế lên hàng đầu. Việc đa dạng hoá hình thức và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, hỗ trợ về thuế sẽ có tác dụng nâng cao được tính tự giác và tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế, nhờ đó góp phần tăng thu NSNN.

Công tác tuyên truyền tập trung vào việc tuyên truyền kịp thời Luật quản lý thuế; những nội dung mới, những sửa đổi bổ sung của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách ưu đãi, giảm thuế, giãn thuế, tạm hoàn thuế..., đảm bảo cho người nộp thuế thực hiện kịp thời, đúng quy định; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan: Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, các cơ quan thông tấn, báo chí để đưa tin tuyên truyền rộng rãi về nội dung thay đổi của chính sách thuế; đưa trang trang thông tin điện tử (Website) của Cục thuế Hà Tĩnh lên Internet và tích hợp vào trang thông tin của Tỉnh Hà Tĩnh.

**Bảng 2.8: Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền**

Năm	Tập huấn		Đối thoại		Số bài báo
	Số lớp	Số lượt người	Số cuộc	Số người	
2009	51	4.980	14	966	54
2010	75	6.700	26	2.028	89
2011	82	9.547	32	2.927	90
2012	94	11.530	45	3.787	175
2013	102	12.320	55	3.912	118

(Nguồn: Cục Thuế Hà Tĩnh)

Qua Bảng 2.8 ta thấy từ năm 2009 đến 2013 công tác tuyên truyền chính sách thuế ngày càng được tăng lên cả số lượng và chất lượng. Cụ thể là số lớp tập huấn tăng đều qua các năm, từ chỗ năm 2009 Cục thuế đã tổ chức

được 51 lớp, với số lượt người được tham dự là 4.980 người thì đến năm 2013 số lớp tập huấn đã tăng hơn gấp đôi 102 lớp và số lượt người được tham gia lớp tập huấn lên đến 12.320 người. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền Cục Thuế Hà Tĩnh luôn cố gắng đổi mới về phương pháp và nội dung bằng cách tổ chức nhiều hơn các cuộc đối thoại để nắm bắt được nhiều hơn tâm tư, nguyện vọng của người nộp thuế. Số cuộc đối thoại đã được tăng lên gần 4 lần từ năm 2009 đến năm 2013 (năm 2009 là 14 cuộc thì đến năm 2013 là 55 cuộc) với số người nộp thuế được tham gia đối thoại tăng gấp 4 lần (từ 966 lượt người lên 3.912 lượt người). Bên cạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người nộp thuế thì công tác hỗ trợ người nộp thuế cũng được Cục thuế Hà Tĩnh hết sức quan tâm. Công tác hỗ trợ người nộp thuế được thực hiện bằng việc triển khai các giải pháp hỗ trợ người nộp thuế trong việc tiếp cận các chính sách thuế bằng nhiều hình thức như: tổ chức đường dây nóng, tiếp xúc trực tiếp, hướng dẫn, trả lời, đối thoại, tập huấn, phổ biến chính sách, giải đáp vướng mắc...của người nộp thuế trong quá trình kê khai, nộp thuế một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; công khai các thủ tục giảm, giãn, hoàn thuế tại bộ phận “Một cửa” Văn phòng Cục thuế và 12 Chi cục Thuế các huyện, thành, thị xã; thường xuyên phối hợp với các ngành tổ chức các cuộc đối thoại với doanh nghiệp để nắm bắt và giải đáp, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc về pháp luật thuế cho người nộp thuế.

Về hỗ trợ người nộp thuế được ngành luôn nhắc nhở. Xem người nộp thuế là bạn đồng hành nên công tác đã và đang làm rất tốt. kết quả

**Bảng 2.9 Kết quả hỗ trợ người nộp thuế***Đơn vị tính: Lược*

<b>Năm</b>	<b>Trả lời trực tiếp tại CQT</b>	<b>Trả lời qua điện thoại</b>	<b>Trả lời bằng văn bản</b>
2009	1.564	958	67
2010	2.235	1.498	68
2011	2.738	2.084	104
2012	2.825	2.424	134
2013	2905	3901	324

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2009, 2010, 2011, 2013)*

Xét về chất lượng, công tác hỗ trợ người nộp thuế đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ, hầu như những thắc mắc và khiếu nại của người nộp thuế đều đã được giải đáp và hỗ trợ kịp thời nên đã tạo được lòng tin đối với người nộp thuế. Chính vì vậy, hầu hết người nộp thuế khi có vướng mắc sau khi được hỗ trợ đều cảm thấy hài lòng và chấp hành nghiêm túc Pháp luật thuế.

#### **2.2.6. Quản lý lĩnh vực nợ và cưỡng chế nợ thuế.**

Từ ngày 01/7/2007 Luật Quản lý thuế có hiệu lực thi hành, đồng thời ngành thuế chuyển sang mô hình quản lý theo chức năng, hệ thống quản lý nợ thuế chuyên trách được thành lập, công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế được chỉ đạo triệt để và tiến hành quyết liệt, đúng quy định của pháp luật.

Lãnh đạo Cục thuế đã chỉ đạo thực hiện kiên quyết các biện pháp cưỡng chế, thu hồi nợ đọng đối với các khoản nợ khó đòi, chây ỳ; đôn đốc và kịp thời thu những khoản nợ mới phát sinh; tập trung xử lý nợ thuế đối với các trường hợp nghỉ, bỏ kinh doanh, giải thể, phá sản...

Hiện nay, Cục thuế Hà Tĩnh đã triển khai thành công và đưa vào sử dụng ứng dụng Quản lý nợ thuế đối với các doanh nghiệp cho Văn phòng Cục



và 12 chi cục. Đây là một việc làm rất thiết thực, giúp nâng cao hiệu quả quản lý nợ thuế vì nó đảm bảo tính chính xác về mặt số liệu, cũng như đảm bảo tính công bằng, khách quan khi tính các khoản tiền phạt nộp chậm khi các doanh nghiệp chậm nộp tiền thuế.

**Bảng 2.10: Tình hình nợ thuế từ năm 2009 đến năm 2013**

*ĐV tính: Triệu đồng*

TT	NĂM	TỔNG SỐ THUẾ ĐÃ THU	TỔNG THUẾ NỢ	PHÂN LOẠI			TỶ LỆ NỢ
				NỢ KHÓ THU	NỢ CHỜ XỬ LÝ	NỢ CÓ KHẢ NĂNG THU	
1	2009	1,141,332	63,036	3,188	7,142	52,706	5.5%
2	2010	1,785,138	70,358	3,722	7,476	59,160	3.9%
3	2011	2,209,049	108,239	31,653	6,211	70,375	4.9%
4	2012	3,055,692	174,976	24,355	13,321	137,300	5.7%
5	2013	4,280,000	250,715	44,516	6,882	199,317	5.9%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12,471,211</b>	<b>667,324</b>	<b>107,434</b>	<b>41,032</b>	<b>518,858</b>	5.4%

*(Nguồn: Cục Thuế Hà Tĩnh)*

Qua phân tích bảng 2.10 ta thấy, tổng số nợ thuế trong toàn tỉnh từ năm 2009 đến năm 2013 năm sau đều cao hơn năm trước. Cụ thể năm 2009: 63,036 tỷ; năm 2013: 250,715 tỷ như vậy kể từ năm 2009 đến năm 2013 số nợ thuế các loại đã tăng lên gần 4 lần. Tuy nhiên tỷ lệ nợ so với số thu xoay quanh ở tỷ

lệ 5%. Điều đó chứng tỏ công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đã có nhiều cố gắng để không làm tăng tỷ lệ nợ theo chỉ tiêu phân đầu của toàn ngành. Trong đó số tiền phải truy sau kiểm tra, thanh tra đã thực hiện tương đối nghiêm túc.

### 2.3 Đánh giá công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh

Quản lý thuế nói chung và công tác kiểm tra, thanh tra thuế nói riêng là công việc hết sức phức tạp, liên quan đến nhiều ngành nhiều cấp, ảnh hưởng trực tiếp đến Người nộp thuế và thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận xã hội. Trên mặt trận này không kém phần quyết liệt. Để thu được một đồng thuế vào NSNN là cả quá trình đấu tranh vất vả của đội ngũ những người làm công tác thuế. Chính vì vậy Hà Tĩnh trong những năm qua kết quả thu luôn luôn hoàn thành kế hoạch được giao với số thu tăng rất lớn, từ năm 1991 đến năm 2013 thu tăng 233 lần với số thuế tuyệt đối tăng 4261 tỷ đồng.

**Bảng 2.11: Đánh giá công tác kiểm tra, thanh tra từ năm 2009-2013**

NĂM	Tổng số DN	KẾ HOẠCH, SỐ TRUY THU SAU TT		THỰC HIỆN SỐ NỘP VÀO NS			TỶ LỆ			
		Số lượng DN	số tiền truy thu ( tỷ đồng)	Số lượng	Số Vi phạm	số tiền đã nộp thu	Số DN thanh tra/Tổng DN	Số lượng so KH	số vi phạm	số nộp
2009	1.557	343	15.56	343	328	14.5	22.0%	100%	96%	93.2%
2010	1.790	363	25.9	365	350	24.1	20.4%	101%	96%	93.1%
2011	2.327	413	40.4	585	576	38.1	25.1%	142%	98%	94.3%
2012	3.281	561	59.8	870	860	56.2	26.5%	155%	99%	94.0%
2013	4.200	508	109.1	756	747	106	18.0%	149%	99%	97.2%
Cộng	13.155	2.188	250.76	2.919	2.861	238.9				

(Nguồn: Cục thuế Hà Tĩnh)

Về thực hiện kế hoạch số lượng: Thời gian qua công tác kiểm tra, thanh tra tại Cục thuế Hà Tĩnh đạt chỉ tiêu Tổng cục giao. Năm sau luôn cao hơn năm trước, tỷ lệ thuận với số thuế truy thu sau kiểm tra, thanh tra và số thu toàn ngành. Điều đó chứng tỏ hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra.

Qua bảng 2.11 Tỷ lệ thực hiện nộp vào NSNN sau thanh tra càng ngày tăng lên mặc dầu số thuế truy thu năm sau cao hơn năm trước rất nhiều. Số truy thu sau thanh tra năm 2013 tăng 2,5 so với năm 2009; số truy sau kiểm tra năm 2013 tăng trên 9 lần so với năm 2009. Số doanh nghiệp sau kiểm tra vi phạm tỷ lệ tăng cao hơn điều đó chứng tỏ hiệu quả của công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra. Tỷ lệ số tiền truy/ tổng số thu tăng lên năm 2010 chiếm 1,45%, năm 2011 chiếm 1,825; năm 2012 chiếm 1,95%; năm 2013 chiếm 2,5% . Tỷ lệ đối tượng kiểm tra, thanh tra chấp nhận hoàn toàn kết luận kiểm tra, thanh tra là 100%.

### **2.3.1 Thành tựu**

Thời gian qua cùng với những thành tựu đạt được về kinh tế - xã hội của tỉnh, công tác thu ngân sách trên địa bàn đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh nhà. Một trong những yếu tố thành công đó chính là đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, những năm qua công tác kiểm tra, thanh tra được chú trọng cả về số lượng và chất lượng; Thanh tra, kiểm tra thuế được thực hiện theo kế hoạch đầu năm và theo số liệu phân tích đánh giá kê khai thuế hàng tháng của DN, các doanh nghiệp có qui mô kinh doanh lớn, các ngành nghề kinh doanh phức tạp, doanh nghiệp âm thuế kéo dài, kinh doanh thua lỗ và thanh tra, kiểm tra thuế doanh nghiệp có số thuế được miễn, giảm, giãn, hoàn thuế v.v... Trên cơ sở kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế đã được phê duyệt, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ các Chi cục Thuế, các phòng thanh tra, kiểm tra đã triển khai nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ và các đoàn thanh

tra, kiểm tra. Đã đề ra nhiều biện pháp thực hiện có hiệu quả vừa giảm bớt thời gian thanh tra, kiểm tra, nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra tại các DN; mặt khác xử lý nghiêm túc các trường hợp vi phạm chính sách thuế và phòng ngừa có hiệu quả các hành vi vi phạm. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra trong 5 năm từ 2009 đến 2013 đã truy thu và xử phạt số tiền 250,76 tỷ đồng yêu cầu các đơn vị sau kiểm tra, thanh tra khắc phục ngay các tồn tại, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện chính sách thuế của đối tượng nộp thuế và quản lý của ngành thuế.

Thực hiện quản lý thuế theo mô hình chức năng gắn với cơ chế tự khai, tự nộp, công tác kiểm tra, thanh tra thuế đã dần hoàn thiện, đó là kiểm tra, thanh tra thuế dựa trên kết quả phân tích, đánh giá, phân loại đối với từng cơ sở doanh nghiệp về mức độ thực hiện chính sách, chọn lọc để kiểm tra, thanh tra thuế đúng đối tượng, không tràn lan và không gây phiền hà cho các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt pháp luật thuế.

Thường xuyên quán triệt cho cán bộ thể hiện được vai trò trách nhiệm, nâng cao nhận thức về ý thức kỷ luật, chuyên môn, nghiệp vụ công tác kiểm tra, thanh tra thuế. Cán bộ công chức thể hiện tốt tinh thần trách nhiệm, nâng cao đạo đức, phẩm chất, tác phong của cán bộ kiểm tra, thanh tra thuế.

Thực hiện công tác phối hợp tốt với các cơ quan chức năng như công an, quản lý thị trường, thanh tra tỉnh trong công tác kiểm tra, thanh tra thuế các doanh nghiệp trốn thuế, mua, bán sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, gian lận thương mại.

Nhờ đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra thuế xử lý các vi phạm về thuế đã góp phần răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm, gian lận về thuế; trước tiên là ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng thành lập “doanh nghiệp ma” để kinh doanh hóa đơn bất hợp pháp, kê khai khống một phần hoặc toàn bộ tiền hoàn thuế GTGT để chiếm đoạt tiền hoàn thuế của NSNN. Góp phần

làm cho việc thực thi các luật và chính sách thuế đạt kết quả tốt hơn.

Qua hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế đã góp phần tạo lập công bằng về nghĩa vụ thuế, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Cùng với các biện pháp tuyên truyền hỗ trợ, công tác kiểm tra, thanh tra thuế góp phần nâng cao dân tính tuân thủ tự giác trong việc chấp hành các chính sách thuế của người nộp thuế

### **2.3.2 Những hạn chế**

Về tổ chức bộ máy: Công tác tổ chức đã có nhiều thay đổi nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, cụ thể là:

- Cơ quan thuế chưa được giao chức năng khởi tố điều tra các vụ án vi phạm pháp luật về thuế mà đều phải chuyển qua cơ quan Công an. Cơ quan công an lực lượng rất mỏng, không có hệ thống thông tin về thuế, thiếu chuyên môn về quản lý thuế, do đó điều tra rất chậm và kết quả rất hạn chế.

- Việc phân bổ nhân lực còn nhiều điểm chưa hợp lý, cán bộ tại các bộ phận thực hiện các chức năng quản lý thuế chính còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng trước yêu cầu quản lý thuế mới. Đặc biệt số lượng thanh tra, kiểm tra trong toàn ngành chưa tương xứng chưa đáp ứng yêu cầu.

Về công tác xây dựng kế hoạch.

Chuyển đổi từ việc kiểm tra, thanh tra theo diện rộng sang kiểm tra, thanh tra theo hệ thống tiêu thức lựa chọn, đi vào chiều sâu của mức độ vi phạm. Nhưng trên thực tế, đối tượng kiểm tra, thanh tra theo cơ chế mới chủ yếu được định đoạt bởi việc phân tích thông tin về đối tượng nộp thuế và các thông tin liên quan khác. Vấn đề đặt ra là độ chính xác của các thông tin mà cơ quan thuế có, độ tin cậy của những thông tin đầu vào này được đảm bảo đến đâu, từ nguồn nào? chính thức hay không chính thức? Hiệu quả và độ chính xác của việc phân tích thông tin này có lẽ chủ yếu vẫn dựa vào kinh

nghiệm của những người làm công tác quản lý.

Thực trạng công tác xây dựng kế hoạch và lập danh sách các đối tượng được kiểm tra, thanh tra thuế được thực hiện từ đầu năm có những hạn chế sau:

- Cơ sở dữ liệu về ĐTNT chưa đầy đủ, không đáp ứng được yêu cầu để áp dụng kỹ thuật xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu, đánh giá rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật...theo hướng dẫn của Tổng cục thuế.

- Phương pháp thanh tra, kiểm tra còn nhằm vào tất cả các cơ sở kinh doanh, không dựa trên cơ sở đánh giá mức độ vi phạm, mức độ gian lận của người nộp thuế để lập kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra đúng đối tượng thanh tra, kiểm tra ngay từ đầu. Vì thế nhiều trường hợp không có hành vi gian lận cũng tổ chức thanh tra, kiểm tra, vừa gây phiền hà cho các cơ sở kinh doanh, vừa lãng phí nguồn nhân lực, tốn kém cho cơ quan thuế.

- Công việc thanh tra, kiểm tra hoàn toàn bằng thủ công, không tập trung vào các khâu gian lận; không ứng dụng được tin học vào thanh tra, kiểm tra thuế, do đó các cuộc thanh tra, kiểm tra thường kéo dài và kết quả rất hạn chế.

### **VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA THUẾ TẠI CƠ SỞ NNT.**

Công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế tại trụ sở người nộp thuế đã được chú trọng nhưng chất lượng chưa cao. Triển khai công tác kiểm tra, thanh tra tại trụ sở còn chậm, chưa thực sự tập hợp các tài liệu dữ liệu trước khi tiến hành kiểm tra, thanh tra dẫn đến kéo dài thời gian, không tận dụng hết thời gian khai thác các thông tin bên ngoài từ đối tượng. Một điểm nữa để thời gian kiểm tra, thanh tra tại cơ sở còn bị kéo dài do việc kiểm tra, thanh tra toàn bộ các nội dung liên quan đến nghĩa vụ thuế, thời gian thu thập tài liệu nhất là các tài liệu đối với các đối tác nước ngoài, thời gian xác minh hoá đơn còn kéo dài... Với trường hợp ĐTNT có sử dụng hoá

đơn của công ty bỏ trốn, công tác xác minh hoá đơn mới chỉ mang tính hình thức về việc kê khai, còn không nắm rõ được bản chất của hoạt động mua bán có thực hay không. Thiếu cơ sở pháp lý để tiến hành xử lý vi phạm do quan điểm và hướng dẫn của Tổng cục thuế chưa được cụ thể.

### **Về công tác phối hợp với các cơ quan ban ngành có liên quan**

#### **\* Đối với cơ quan thuế**

- Bộ phận đầu mối: mặc dù theo quy chế bộ phận đầu mối giao cho thanh tra các cấp, tuy nhiên tại một số Chi cục việc thực hiện chức năng của đầu mối chưa rõ ràng. Tại cấp Chi cục thuế một số công văn phối hợp về thẳng bộ phận quản lý doanh nghiệp, ấn chỉ. Khi cần đôn đốc nhắc nhở bộ phận đầu mối tại văn phòng cục phải liên hệ đến từng cán bộ chi cục... Như vậy công tác phối hợp bị phân tán, rất khó khăn, chậm trễ trong công tác tổng hợp và cung cấp cho cơ quan Công an, Hải quan, Tòa án.

- Tại một số phòng tại văn phòng cục thuế cũng chưa có bộ phận đầu mối về công tác này, do đó việc xử lý vi phạm hành chính (cơ quan điều tra chuyển đến) nhiều lúc chưa thống nhất trong các quyết định xử lý; việc cung cấp tài liệu diễn ra theo từng (phòng) khối, không thống nhất về cách thức bàn giao.

- Phối hợp giữa các đơn vị trong nội bộ: Tồn tại trong khâu này là việc bàn giao hồ sơ quản lý giữa các đơn vị trong ngành chưa tốt, dẫn đến dễ thất lạc hoặc bàn giao thiếu, trả lời xác minh hoá đơn không kịp thời gây khó khăn trong việc cung cấp tài liệu khi có yêu cầu từ phía cơ quan điều tra.

#### **\* Đối với cơ quan cơ quan điều tra**

- Việc hồi âm trả lời các kết quả xác minh điều tra sau khi đã nhận được tài liệu từ cơ quan thuế của cơ quan điều tra còn hạn chế dẫn đến tình trạng cơ quan thuế đặt vấn đề nghi vấn doanh nghiệp vi phạm bị kéo dài.

- Còn có trường hợp cơ quan điều tra yêu cầu cơ quan thuế cung cấp thông tin, hồ sơ doanh nghiệp chung chung, dàn trải (cung cấp hồ sơ từ khi

thành lập đến nay; cung cấp tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế..) hoặc hồ sơ đã được cung cấp cho cơ quan điều tra nhưng giữa các cấp, các bộ phận vẫn yêu cầu cơ quan thuế cung cấp, dẫn đến cung cấp trùng lặp làm ảnh hưởng đến thời gian và nhân lực của cơ quan thuế. Cũng có trường hợp cơ quan Công An yêu cầu cơ quan thuế cung cấp hồ sơ nhưng không liên hệ lại để bàn giao. Các trường hợp yêu cầu xác minh hoá đơn không cung cấp đủ thông tin để xác định nguồn dữ liệu hoặc cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp cần xác minh (mã số thuế, ký hiệu, xê ri hoá đơn).

- Công tác phối hợp điều tra, xử lý các Doanh nghiệp bỏ trốn chưa thật triệt để, chưa xác định rõ hành vi bỏ trốn mang theo hoá đơn không kê khai để kết luận đối với các đơn vị sử dụng.

#### **Sự phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan điều tra:**

- Đối với các Chi cục thuế, Công an các huyện, thị chưa chủ động đẩy mạnh công tác phối hợp trao đổi thông tin, phối hợp giải quyết vụ việc, phối hợp giải quyết theo chuyên đề, phối hợp trong công tác xây dựng lực lượng và tổ chức giao ban định kỳ.

- Công tác thu hồi tiền thuế trốn lậu, công tác phối hợp đôn đốc các cá nhân, doanh nghiệp còn nợ đọng thuế chưa được quan tâm đúng mức.

- Trong phối hợp thực hiện có nơi, có chỗ còn chưa xác định rõ trách nhiệm của từng Cơ quan, Cơ quan thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp thực hiện tính, xác định số thuế gian lận...

#### **Về cơ sở dữ liệu và thông tin về ĐTNT tại cơ quan thuế**

Quá trình thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra chưa kế thừa những số liệu đã phân tích tại bàn của các năm trước, chưa xuyên suốt được cái cũ với các cái mới. Về xây dựng dữ liệu Mặc dù công tác xây dựng đã được chú trọng và quan tâm. Nhưng trên thực tế, nội dung và các chỉ tiêu về ĐTNT trên danh bạ quản lý của cơ quan thuế còn hết sức sơ sài. Chức năng cập nhật



danh bạ của ĐTNT hiện nay giao cho các phòng quản lý trực tiếp cập nhật. Do hạn chế về trình độ máy tính, chưa ý thức hết được vai trò quan trọng của cơ sở dữ liệu về ĐTNT nên còn tình trạng thông tin cập nhật, nội dung không được cập nhật đầy đủ và thường xuyên khi có sự thay đổi từ phía ĐTNT. Các chỉ tiêu được sử dụng vào công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra nhiều lúc không được cập nhật dẫn đến hiệu quả của việc phân tích không được ứng dụng trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

Bên cạnh đó để đáp ứng được yêu cầu quản lý ngày càng cao, các chỉ tiêu đánh giá rủi ro ngày càng phức tạp, cơ quan thuế còn cần rất nhiều các thông tin khác mang tính đặc thù hoặc có liên quan đến bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh. Tuy nhiên, ĐTNT còn rất dè dặt khi cung cấp những thông tin mà cơ quan thuế yêu cầu. Phần bị sợ lộ bí mật nghề nghiệp, phần vì chưa thấy có gì đảm bảo rằng những thông tin đó không bị lạm dụng có ảnh hưởng đến triển vọng phát triển của doanh nghiệp. Thực tế này có thể được hiểu được là do thiếu các qui định mang tính pháp lý để điều chỉnh các mối quan hệ tranh chấp phát sinh giữa cơ quan thuế và ĐTNT. Thực tế đó dẫn tới tình trạng doanh nghiệp tìm mọi cách để giữ thông tin, còn cơ quan thuế thì tìm mọi cách khai thác các thông tin không chính thức. Vì vậy, vấn đề đặt ra hiện nay là tính chính xác và mức độ tin cậy mà cơ quan thuế có được như thế nào.

Việc thực hiện thành công phương pháp đánh giá rủi ro phụ thuộc tới 70% vào cơ sở dữ liệu, chính vì vậy một cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác mới mang lại kết quả phân tích đúng. Kế hoạch kiểm tra, thanh tra xây dựng có tính chính xác cao nhằm đảm bảo rằng những đối tượng không chấp hành tốt các nghĩa vụ và qui định cụ thể về pháp luật thuế sẽ bị thanh tra, kiểm tra theo qui định. Và những đối tượng chấp hành tốt sẽ được tạo điều kiện để thực hiện nghĩa vụ thuế, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh diễn ra thông suốt và bình đẳng. Theo Luật quản lý thuế được ban hành đã đặt ra yêu

câu cơ quan quản lý thuế phải xây dựng hệ thống thông tin về người nộp thuế. Hệ thống thông tin này một mặt được thu thập từ người nộp thuế, mặt khác được thu thập từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Do đó, cần quy định cụ thể nhiệm vụ này cho các cán bộ quản lý thuế về trách nhiệm sử dụng thông tin về ĐTNT và nguyên tắc bảo mật được đề cao hàng đầu.

### ***2.3.3 Các nguyên nhân chủ quan và khách quan tác động đến công tác kiểm tra, thanh tra thuế***

#### ***2.3.3.1 Nguyên nhân khách quan***

Về cơ chế chính sách. Trong những năm qua nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn chuyển đổi theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà Nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì thế mà các chính sách thường xuyên bổ sung thay đổi hoặc ban hành cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Hơn nữa hiện nay cơ chế của Nhà Nước mở rộng thông thoáng cho các doanh nghiệp, hạn chế đến mức tối đa chi phí về thời gian dành cho thuế phải xuống đến mức trần trong khu vực. Hiện nay theo thống kê của ngân hàng thế giới về thời gian dành cho làm các thủ tục về thuế còn rất cao 872 giờ/năm trong đó có thời gian dành cho bảo hiểm 300 giờ còn lại là dành cho thuế 572 giờ.

Nội dung các sắc thuế còn phức tạp, hệ thống chính sách thuế vẫn còn lồng ghép nhiều chính sách xã hội, còn nhiều mức miễn, giảm thuế gây khó khăn trong quá trình kiểm tra, thanh tra thuế, cũng như dễ phát sinh tiêu cực thông đồng giữa cán bộ thanh tra với người nộp thuế.

Chức năng và quyền hạn của kiểm tra, thanh tra thuế còn bó hẹp chưa trở thành công cụ có hiệu lực để chống thất thu ngân sách vẫn đe ngăn chặn các hành vi vi phạm về thuế. Chức năng điều tra các hành vi trốn thuế, gian lận tiền thuế chưa được quy định là một chức năng của cơ quan thuế. Để tăng cường tính pháp lý việc thực hiện nghĩa vụ thuế của ĐTNT khi thực hiện cơ

chế tự khai, tự nộp thuế đòi hỏi phải tăng thêm quyền cho cơ quan thuế. Ví dụ quyền điều tra thuế chẳng hạn mục đích nhằm phát hiện nhanh chính xác để kịp thời ngăn chặn các hành vi trốn thuế, chiếm đoạt tiền thuế. Có quyền này cơ quan thuế rất chủ động về mặt thời gian cũng như phương pháp. Hiện nay điều tra vi phạm phải chuyển sang cho cơ quan công an. Chuyển được một vụ cũng mất rất nhiều thời gian hơn nữa lực lượng công an khó khăn trong việc điều tra do thiếu thông tin về ĐTNNT, thiếu chuyên môn chuyên sâu về thuế ; khi chuyển từ cơ quan thuế sang cơ quan điều tra, việc tiếp cận tài liệu, sổ sách kế toán và các hồ sơ khác có liên quan đến hành vi trốn thuế của doanh nghiệp lại phải bắt đầu từ đầu, cho dù đã có kết quả sơ bộ sau quá trình kiểm tra, thanh tra của cơ quan thuế. Do vậy công tác điều tra ĐTNNT vi phạm về thuế tiến hành chậm, hiệu quả chưa cao.

Về tình trạng sử dụng tiền mặt trong thanh toán vẫn còn phổ biến là thói quen tiêu dung của người dân dẫn đến nhiều tiêu cực trong thanh toán như mua hàng không lấy hóa đơn, hóa đơn ghi không, khai tang chi phí... gây khó khăn cho công tác quản lý thuế.

Về thống ứng dụng quản lý thuế giữa các cấp chưa đồng bộ giữa Văn phòng Cục thuế với các Chi cục. Chưa khai thác hết dữ liệu ngay trong tỉnh chứ chưa nói sang ra các tỉnh bạn.

Về ý thức chấp hành của một số bộ phận không nhỏ Doanh nghiệp và người dân chưa có ý thức chấp hành luật, tuân thủ luật một cách tự nguyện dẫn đến tình trạng vi phạm Pháp luật nói chung, Luật thuế nói riêng.

#### *2.3.3.2 Nguyên nhân chủ quan*

Một là hệ thống thủ tục còn lớn, quy trình thủ tục còn chủ yếu dựa vào phương pháp thủ công truyền thống, bên cạnh đó còn có một số cán bộ công chức tinh thần trách nhiệm chưa cao, chưa đồng hành với người nộp thuế dẫn đến thiếu hợp tác thiện chí của người nộp thuế với cơ quan thuế.

Hai là, việc chuyển đổi từ cơ chế quản lý cũ sang cơ chế quản lý mới (tự khai, tự nộp) đòi hỏi thay đổi phương thức quản lý, trình độ quản lý và sự chuẩn bị về nhiều mặt như tái cấu trúc lại tổ chức, thay đổi quy trình nghiệp vụ, kỹ năng quản lý... nhưng trên thực tế vẫn còn một nhóm cán bộ không sẵn sàng, thậm chí cản trở do vấn đề về xung đột lợi ích cá nhân hoặc tư tưởng bảo thủ, không chịu trau dồi kiến thức, ngại thay đổi thói quen làm việc... Một bộ phận công chức thuế (chủ yếu tập trung cấp Chi cục) không theo kịp yêu cầu cải cách hiện đại hoá, năng lực trình độ yếu nhưng không tự nguyện thôi việc; một số ít cán bộ không chịu rèn luyện, vi phạm đạo đức công chức thuế, ảnh hưởng đến hình ảnh ngành thuế.

Ba là, hệ thống quy trình nghiệp vụ còn đồ sộ, phức tạp, các thao tác chủ yếu thủ công, năng suất lao động thấp làm mất nhiều nguồn lực của ngành thuế. Hệ thống công nghệ thông tin hiện tại còn nhiều hạn chế như các ứng dụng quản lý thuế thiếu tính tích hợp cả về quy trình, công nghệ và khả năng tự động hoá do quá trình phát triển nhiều giai đoạn, hệ thống cơ sở dữ liệu phân tán tại cơ quan thuế các cấp.

Bốn là, Năng lực, trình độ của cán bộ thuế còn hạn chế và phương pháp làm việc chưa khoa học, hiện đại, thiếu tính chuyên nghiệp là cản trở lớn nhất đối với khả năng cải thiện hiệu quả hoạt động của ngành thuế. Sự cạnh tranh của khu vực khu vực tư nhân, khu vực đầu tư nước ngoài thu hút nguồn lực có chất lượng từ ngành thuế chuyển sang, đồng thời với chính sách quản lý nhân lực của ngành còn nhiều bất cập sẽ tiếp tục hạn chế khả năng nâng cao năng lực của ngành thuế. Việc đào tạo cán bộ thuế còn thiếu chiến lược dài hạn để hình thành đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, có kỹ năng quản lý tiên tiến và có trình độ chuyên môn hoá cao dẫn đến quá trình đào tạo manh mún, kém hiệu quả.

Số công chức hiện đang bố trí và sử dụng tại Chi cục thuế đã lớn tuổi, không đủ sức khoẻ và kết quả công tác không đáp ứng được yêu cầu thực hiện

Luật Quản lý thuế do năng lực, trình độ (số này chủ yếu đã là bộ đội, thanh niên xung phong đang được bố trí sử dụng tại cấp Chi cục thuế, có công lao trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước không có khả năng cập nhật, đào tạo bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ)

Một số cán bộ lãnh đạo còn yếu về kiến thức quản lý kinh tế, quản lý vĩ mô do đó cách chỉ đạo điều hành công tác quản lý thuế chưa đạt hiệu quả cao.

Vẫn còn tồn tại một bộ phận cán bộ quản lý, giải quyết công việc theo kinh nghiệm mang tính chất công quyền, chưa thực sự tận tụy, công tâm, khách quan giữa quyền lợi nhà nước với quyền lợi của người nộp thuế. Chưa trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy của người nộp thuế.

Năm là, cơ cấu tổ chức hiện tại chưa phát huy hết những lợi ích của mô hình tổ chức mới và còn những hạn chế như: lượng phân bổ số lượng cán bộ vào các chức năng chưa phù hợp; thiếu sự gắn kết, tập trung trong việc tổ chức hoạt động quản lý thuế giữa các cấp; vai trò của Cục Thuế trong việc giám sát và quản lý hoạt động của cơ quan thuế cấp chi cục còn hạn chế; và thiếu nguồn nhân lực là chuyên gia hầu hết trong các lĩnh vực quản lý thuế.

Sáu là, các chức năng của cơ quan quản lý thuế như: thanh tra, kiểm tra, thu nợ và cưỡng chế còn nhiều hạn chế, hiệu lực, hiệu quả chưa cao do thiếu cơ sở dữ liệu thông tin về người nộp thuế, các kỹ thuật, biện pháp thanh tra, kiểm tra còn yếu, kế hoạch, chương trình thanh tra, kiểm tra còn thiếu tập trung vào nhóm người nộp thuế, lĩnh vực, địa bàn có rủi ro cao, đội ngũ cán bộ thanh tra chưa đảm bảo yêu cầu cả số lượng và chất lượng; hiệu lực cưỡng chế còn thấp do thiếu sự phối hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương.

## **Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA Ở CỤC THUẾ HÀ TĨNH**

### **3.1. Định hướng công tác kiểm tra, thanh tra thuế**

#### ***3.1.1. Định hướng công tác kiểm tra, thanh tra thuế toàn quốc***

##### **Chuyển sang cơ chế thanh tra, kiểm tra theo mức độ rủi ro về thuế**

Chuyển hẳn từ cơ chế thanh tra, kiểm tra nhằm vào tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện hành sang cơ chế thanh tra, kiểm tra theo mức độ các vi phạm về thuế, có gian lận thuế mới thanh tra, kiểm tra, không có gian lận thì không thanh tra, kiểm tra. Sau đây gọi là thanh tra, kiểm tra theo mức độ rủi ro về thuế nhằm không gây phiền hà, cản trở công việc kinh doanh của người nộp thuế, không làm tốn kém về nguồn lực, các chi phí không cần thiết cho cơ quan thuế. Theo các mô hình sau:

- Chuyển đổi từ việc thanh tra, kiểm tra theo diện rộng sang thanh tra, kiểm tra theo hệ thống tiêu thức lựa chọn, đi vào chiều sâu theo mức độ vi phạm.
- Chuyển hoạt động thanh tra, kiểm tra chủ yếu tiến hành tại cơ sở kinh doanh sang thanh tra, kiểm tra chủ yếu tiến hành tại cơ quan thu
- Chuyển từ thanh tra kiểm tra toàn diện sang thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề và nội dung vi phạm.

Xây dựng và áp dụng mô hình tuân thủ của người nộp thuế vào công tác thanh tra, kiểm tra thuế

Trên cơ sở phân loại Người nộp thuế theo hành vi tuân thủ, thực hiện phân tích, đánh giá lựa chọn đối tượng thanh tra, kiểm tra thuế áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro và lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm.

##### **Áp dụng công nghệ tin học vào công tác thanh tra, kiểm tra thuế.**

Hiện nay trên toàn quốc đã áp dụng tin học vào công tác kiểm tra, thanh tra thuế đó là đã sử dụng phần TPR về phân tích rủi ro trong việc lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

### **Xây dựng và triển khai thực hiện các kỹ năng thanh tra, kiểm tra thuế**

Được thực hiện đối với từng trường hợp (thu thập thông tin, đánh giá rủi ro, lập hồ sơ thanh tra, kiểm tra, lập chứng cứ, đánh giá sau thanh tra...).

- Xây dựng và triển khai thực hiện kỹ năng phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp trong thanh tra, kiểm tra thuế

- Xây dựng và triển khai thực hiện kỹ năng sử dụng thông tin kinh tế ngành trong thanh tra, kiểm tra thuế

### **Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các ngành có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế**

- Phối hợp với Hải quan, Bộ Tài chính và các cơ quan khác của Chính phủ trong việc chia sẻ các thông tin, tình hình về sản xuất kinh doanh Người nộp thuế

- Phối hợp Công an, Tòa án, Viện kiểm sát...xây dựng chương trình phối hợp điều tra các trường hợp trốn thuế, gian lận thuế

### **Phát triển các chương trình thanh tra, kiểm tra đặc biệt theo chuyên ngành và theo từng lĩnh vực**

- Xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp thanh tra, kiểm tra đối với các đối tượng sử dụng các giao dịch điện tử theo quy định của Luật giao dịch điện tử

- Xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp thanh tra, kiểm tra chống chuyển giá đối với các công ty đa quốc gia và các giao dịch quốc tế

- Xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp thanh tra, kiểm tra đối với các người nộp thuế lớn

### **Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các ngành có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế**

- Phối hợp với Hải quan, Bộ Tài chính và các cơ quan khác của Chính phủ trong việc chia sẻ các thông tin, tình hình về sản xuất kinh doanh Người nộp thuế

- Phối hợp Công an, Toà án, Viện kiểm sát...xây dựng chương trình phối hợp điều tra các trường hợp trốn thuế, gian lận thuế

### **Xây dựng quy trình nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra thuế**

- Xây dựng quy trình thanh tra, kiểm tra trong cơ chế tự khai, tự nộp sử dụng kỹ thuật đánh giá rủi ro theo các nguyên tắc của Luật quản lý thuế:

+ Thực hiện trên cơ sở phân tích thông tin, dữ liệu liên quan đến người nộp thuế, đánh giá việc chấp hành pháp luật của người nộp thuế, xác minh và thu thập chứng cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế;

+ Không cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là người nộp thuế;

+ Tuân thủ quy định của Luật quản lý thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Xây dựng các qui trình thanh tra, kiểm tra đối với các đối tượng đặc biệt: thanh tra, kiểm tra trên máy tính, thanh tra, kiểm tra chống chuyên giá, thanh tra, kiểm tra các giao dịch thương mại điện tử.

### **Xây dựng các sổ tay nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra người nộp thuế**

Thực hiện xây dựng chuyên sâu theo từng loại kinh doanh đặc thù, theo ngành nghề kinh tế chủ yếu: Xây dựng, Điện lực, Than, Ngân hàng, Bảo hiểm, Dầu khí, Xăng dầu, Bưu điện, Ôtô...

#### ***3.1.2. Định hướng công tác kiểm tra, thanh tra thuế tại Cục thuế Hà Tĩnh***

Trước hết phải hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý thuế từ công tác quản lý, bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ, công nghệ thông tin.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực điều hành để thực hiện các nội dung theo định hướng toàn quốc đó là:

Tập hợp thông tin, đánh giá rủi ro lựa chọn các ngành, đơn vị có rủi ro cao theo hệ thống tiêu thức đánh giá của Tổng cục thuế để lập kế hoạch kiểm tra, thanh thuế hàng năm.



Ứng dụng phần mềm tin học phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra thuế: ứng dụng phần mềm báo cáo tài chính doanh nghiệp và ứng dụng phần mềm báo cáo kết quả kiểm tra, thanh tra.

Thực hiện kiểm tra, thanh tra theo quy trình mới của Tổng cục thuế trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích đánh giá để lựa chọn các đơn vị có thất thu, gian lận thuế cao để đưa vào kế hoạch kiểm tra, thanh tra; trước khi kiểm tra, thanh tra phải chuẩn bị tốt các thông tin về đối tượng kiểm tra, thanh tra.

Tổ chức tập hợp, phân tích thông tin thanh tra theo ngành và sắc thuế để tổng kết, xây dựng tài liệu tập huấn thanh tra chuyên sâu ngành, lĩnh vực và sắc thuế cho cán bộ thanh tra, kiểm tra ở ngành thuế Hà Tĩnh.

Tăng cường thanh tra nội bộ đối với việc thực hiện các qui trình nghiệp vụ gắn liền với công tác phòng, chống tham nhũng, qua đó phát hiện và xử lý ngay những vi phạm chưa đúng quy định của ngành, vừa góp phần chấn chỉnh đội ngũ cán bộ, vừa phát hiện tăng thu cho NSNN.

Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các ngành có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế

- Phối hợp với Hải quan, Kho Bạc Nhà Nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Và các sở ban ngành trong tỉnh về chia sẻ các thông tin, tình hình về sản xuất kinh doanh Người nộp thuế

- Phối hợp Công an, Tòa án, Viện kiểm sát...xây dựng chương trình phối hợp điều tra các trường hợp trốn thuế, gian lận thuế

Phát triển các chương trình thanh tra, kiểm tra đặc biệt theo chuyên ngành và theo từng lĩnh vực

## **3.2 Một số giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh**

### ***3.2.1 Công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra thuế***

Hiện tại hoạt động kiểm tra thuế thực hiện theo quyết định số

528/QĐ-CT ngày 29/5/2008 và hoạt động thanh tra thuế thực hiện theo quy trình 74/QĐ-TCT thay thế quy trình 460/QĐ-TCT ngày 05/5/2009 của Tổng cục thuế. Để công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra thuế hiệu quả, xác định đúng đối tượng cần kiểm tra, thanh tra thuế, tác giả kiến nghị các vấn đề sau:

- Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá rủi ro của quy trình kiểm tra, thanh tra thuế, Cục thuế Hà Tĩnh xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá rủi ro về thuế và các thang điểm tương ứng với từng loại rủi ro, tổng hợp kết quả đánh giá rủi ro và xếp loại rủi ro từ cao xuống thấp. Căn cứ vào nguồn lực cán bộ kiểm tra, thanh tra thuế sẽ chọn những ĐTNT để kiểm tra, thanh tra thuế theo mức độ rủi ro thuế từ cao đến thấp.

- Ứng dụng tin học vào việc phân tích, chọn ĐTNT để kiểm tra, thanh tra thuế: Để công tác lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra thuế khoa học hơn, không tốn nhiều thời gian cho việc phân tích hồ sơ. Cục thuế Hà Tĩnh nghiên cứu và xây dựng phần mềm hỗ trợ cho việc phân tích và lựa chọn ĐTNT để kiểm tra, thanh tra thuế theo các tiêu chí đánh giá rủi ro và có chấm điểm theo mức độ rủi ro từ cao đến thấp.

### ***3.2.2 Đào tạo lực lượng cán bộ kiểm tra, thanh tra thuế***

Về lực lượng cán bộ kiểm tra, thanh tra cần phải thường xuyên đào tạo và đào tạo lại, nâng cao năng lực cán bộ kiểm tra, thanh tra, chú trọng đào tạo theo từng kỹ năng chuyên sâu, kiến thức kế toán doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính và khả năng sử dụng ứng dụng tin học, ngoại ngữ trong việc phân tích, khai thác thông tin và quản lý kiểm tra, thanh tra thuế. Ngoài ra, Cục thuế Hà Tĩnh tăng cường công tác giáo dục cán bộ công chức quản lý thuế nói chung và cán bộ công chức làm công tác kiểm tra, thanh tra thuế nói riêng có phẩm chất đạo đức tốt, tránh gây phiền hà cho NNT.

### ***3.2.3 Tăng cường kỹ năng và các biện pháp nghiệp vụ khi tiến hành kiểm tra, thanh tra tại cơ sở của ĐTNT***

Bất kể quy trình kiểm tra, thanh tra nào cũng cần một số tiêu chí để duy trì đúng hướng, đảm bảo tính hợp lý, thống nhất và dễ hiểu. Những tiêu chí chủ yếu cần phải quan tâm

- Đánh giá rủi ro: Rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát và rủi ro phát hiện
- Chất lượng làm việc của tài liệu (các ghi chép khi thực hiện thanh tra các ghi nhận số liệu và biên bản chi tiết)
- Trọng yếu: Tầm quan trọng của các điều chỉnh hoặc kết luận thanh tra.

Ngoài việc thực hiện đúng các bước trình tự theo quy trình, cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra thuế cần phải hiểu rõ bản chất, các giai đoạn cần thiết phải thực hiện khi tiến hành kiểm tra, thanh tra tại cơ sở. Các giai đoạn cần thiết của một cuộc thanh tra như sau:

Chuẩn bị thanh tra:

Cán bộ kiểm tra, thanh tra phải đảm bảo nắm được sơ bộ về ĐTNT trong kế hoạch kiểm tra, thanh tra như quy mô, ngành nghề, quy trình sản xuất... và chính sách pháp luật có tác động đến ĐTNT đó.

Tập hợp thông tin:

Bằng hình thức phỏng vấn và thăm quan cơ sở, cán bộ kiểm tra, thanh tra thu thập thông tin mới và cập nhật những dữ liệu đã có về hoạt động và hệ thống kế toán của ĐTNT.

Đánh giá hệ thống kế toán của đơn vị về độ tin cậy trong việc tuân thủ pháp luật thuế:

Cán bộ kiểm tra, thanh tra cần phân tích kỹ lưỡng hệ thống kế toán của đơn vị, những thế mạnh và những điểm yếu.

Kiểm tra: Dựa vào thông tin thu thập được trong 3 bước đầu, cán bộ kiểm tra, thanh tra sẽ đưa ra những hình thức kiểm tra để xác định mức tuân

thủ. Sau khi phân tích kết quả, cán bộ kiểm tra, thanh tra có thể tiếp tục mở rộng hình thức kiểm tra đó hoặc thực hiện các hình thức kiểm tra khác.

Hoàn thành kiểm tra, thanh tra:

Khi quyết định kết thúc kiểm tra, thanh tra, cán bộ kiểm tra, thanh tra phỏng vấn ĐTNT lần sau cùng, sau đó hoàn thành và gửi những báo cáo cần thiết cho ĐTNT và các đơn vị trong cơ quan thuế.

### ***3.2.4 Ứng dụng các phần mềm hỗ trợ cho công tác kiểm tra, thanh tra thuế***

- Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế và đảm bảo phân tích sơ bộ tất cả hồ sơ khai thuế theo quy trình kiểm tra thuế phục vụ cho hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế, không gây phiền hà cho người nộp thuế đối với công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của cán bộ thuế, hỗ trợ cho cán bộ thuế tránh được những rủi ro khi hành công vụ, Cục thuế Hà Tĩnh sớm ứng dụng phần mềm hỗ trợ phân tích rủi ro TPR và đã xây dựng lập kế hoạch bằng phần mềm tự xây dựng trên cơ sở các chỉ tiêu đánh giá khác riêng so với chỉ tiêu toàn ngành.

### ***3.2.5 Tổ chức tốt công tác xử lý sau kiểm tra, thanh tra***

Hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế chỉ thực sự hiệu quả khi các quyết định xử lý sau kiểm tra, thanh tra thuế được thực hiện kịp thời và đầy đủ. Vì vậy, Cục thuế Hà Tĩnh cần tổ chức tốt công tác theo dõi, đôn đốc đối tượng kiểm tra, thanh tra thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định xử lý sau kiểm tra, thanh tra thuế. Những trường hợp cố tình không thực hiện quyết định xử lý, Cục thuế Hà Tĩnh cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan tổ chức cưỡng chế thực hiện các quyết định xử lý khi cần thiết đảm bảo pháp luật thuế được thực hiện nghiêm minh.

### ***3.2.6 Tổ chức tốt thanh tra chuyên đề và tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm.***

Xác định thanh tra chuyên đề có tác dụng rất lớn nhằm mở rộng và phổ biến đến tại các Chi cục. thời gian qua Hà Tĩnh đã tập trung phân tích thu

thập tài liệu, phối hợp với các ngành thực hiện chuyên đề thanh tra đối với các tổ chức cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn. Việc tập trung thanh tra theo các chuyên đề vừa qua đạt hiệu quả cao, việc xử lý được toàn diện, thống nhất trong cả Ngành không bỏ sót nguồn thu đặc biệt là đối với những ngành nghề đang được dư luận quan tâm

### **3.3 Đối với hoạt động quản lý thuế**

#### ***3.3.1 Nâng cao chất lượng tuyên truyền, tư vấn hỗ trợ NNT, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền***

Trong những năm qua gần đây công tác tuyên truyền, tư vấn chính sách, pháp luật thuế cho NNT luôn được chú trọng và đã đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần tăng thu cho NS, giảm thiểu các trường hợp vi phạm chính sách thuế do thiếu hiểu biết, từng bước đưa chính sách thuế đi vào cuộc sống và nâng cao tính tuân thủ pháp luật về thuế của NNT. Tuy nhiên trên thực tế nhận thức của người dân về chính sách vẫn còn hạn chế về nhiều mặt, vì vậy để người nộp thuế tự nguyện, tự giác thực hiện chính sách thuế cần thực hiện tốt các nội dung sau đây:

- Đổi mới phương thức, phát triển đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền. Chú trọng tuyên truyền có tính giáo dục, thuyết phục để người nộp thuế ý thức đầy đủ, trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa tuyên truyền, hỗ trợ NNT. Triển khai rộng rãi công tác tuyên truyền phổ biến về thuế qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức Đảng, đoàn thể, chính quyền các cấp, cộng đồng dân cư cả về chiều rộng và chiều sâu.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kịp thời chính sách thuế cho NNT, nhất là đối tượng nộp thuế mới ra kinh doanh. Tuyên dương kịp thời thành tích các

tổ chức, cá nhân chấp hành tốt nghĩa vụ thuế, đối thoại với NNT để giải đáp kịp thời những vướng mắc trong việc thực hiện chính sách thuế.

- Tiếp tục triển khai hệ thống hỗ trợ, hướng dẫn người nộp thuế qua thư điện tử, trang thông tin điện tử của ngành thuế để người dân dễ dàng tìm hiểu chính sách thuế, các thủ tục về thuế và các nội dung khác có liên quan.

- Phát triển các dịch vụ, hỗ trợ NNT thông qua cơ chế hợp tác với hệ thống các ngân hàng thương mại. Cơ quan thuế tiếp tục duy trì cơ chế phối hợp thu với KBNN, các Ngân hàng thương mại để tạo điều kiện cho NNT thuận lợi kê khai thuế, nộp tiền vào NSNN.

***3.3.2 Tiếp tục làm tốt cải cách hiện đại hóa hệ thống thuế, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, công khai hóa quy trình nghiệp vụ quản lý của cơ quan thuế theo hướng tạo điều kiện cho NNT***

***3.3.3 Thực hiện tốt công tác quản lý đối tượng nộp, đưa hết đối tượng nộp thuế vào diện quản lý của cơ quan thuế***

- Quản lý chặt chẽ đối tượng nộp thuế sẽ tránh được tình trạng thất thu thuế do không bao quát hết số lượng NNT, đồng thời đảm bảo sự đóng góp công bằng về thuế giữa NNT. Vì vậy cơ quan thuế phối hợp với chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành có liên quan điều tra, thống kê cấp giấy phép kinh doanh, cấp mã số thuế và thực tế hoạt động SXKD trên địa bàn, Nhất là hoạt động SXKD của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể ngoài quốc doanh để đưa hết các cơ sở hoạt động SXKD vào quản lý và thực hiện khai thuế, nộp thuế đúng, đầy đủ, kịp thời vào NSNN .

- Thường xuyên theo dõi sát tình hình sản xuất kinh doanh của NNT. Phân loại đối tượng nộp thuế theo loại hình, lĩnh vực, quy mô, địa bàn hoạt động SXKD và hình thức quản lý thuế để chống thất thu về đối tượng và tiền thuế.

- Tăng cường quản lý đối tượng nộp thuế mới ra kinh doanh, các tổ chức, cá nhân chuyển đi, chuyển đến, nghỉ bỏ kinh doanh. Kiểm tra thực tế

các DN, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép kinh doanh, cấp mã số thuế nhưng không hoạt động, hoặc có hoạt động nhưng không kê khai thuế. Thực hiện thu hồi Giấy phép kinh doanh, mã số thuế, hoá đơn đối với tổ chức, cá nhân không hoạt động sản xuất kinh doanh; xử lý nghiêm túc các trường hợp SXKD nhưng không đăng ký thuế, nộp thuế vào NSNN.

### ***3.3.4 Tăng cường công tác quản lý nội bộ ngành thuế, xây dựng đội ngũ CBCC có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao***

Để tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ, cần phải tiến triển khai các giải pháp cụ thể là:

Kiện toàn tổ chức bộ máy kiểm tra nội bộ tại các Chi cục; điều động nguồn lực từ các Chi cục để tiến hành kiểm tra chéo giữa các đơn vị;

Thời gian thực hiện kiểm tra chéo là Quý I hàng năm. Thời gian thực hiện là 30 ngày/1cuộc thanh tra/1Chi cục (quy định tại Luật Thanh tra), ngoài thời gian này các Chi cục tự tổ chức kiểm tra. Bởi vì, vào đầu năm đơn thư khiếu tố phát sinh ít, thời gian này chưa cần thiết thanh tra kiểm tra NNT để gây tâm lý không tốt cho NNT.

Lựa chọn nội dung chuyên đề cần thanh tra phù hợp: Căn cứ vào số liệu lịch sử được lưu giữ các năm trước và thông tin thu thập từ các Phòng chức năng để xác định nội dung chuyên đề cần thanh tra. Cần tập trung các chuyên đề có rủi ro cao như: Thu, nộp thuế vào Ngân sách; chế độ miễn, giảm thuế thông qua chính sách ưu đãi đầu tư; quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; phúc tra kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở NNT.

Lập kế hoạch, đề cương thanh tra: Từ tháng 11 hàng năm, sau khi có định hướng chỉ đạo của Tổng cục Thuế, Phòng Kiểm tra nội bộ chủ động lập kế hoạch. Dự kiến chuyên đề thanh tra, số lượng đơn vị thanh tra. Các Trưởng đoàn lập đề cương thanh tra theo nội dung từng cuộc thanh tra tại Chi cục do mình làm trưởng đoàn. Tập huấn cho các thành viên đoàn thanh tra: Căn cứ nội

dung chuyên đề thanh tra và đề cương được Lãnh đạo Cục phê duyệt Phòng Kiểm tra nội bộ tổ chức tập huấn chung cho cán bộ tham gia đợt thanh tra. Thời gian tổ chức chậm nhất là trước 05 ngày công bố quyết định thanh tra.

Tổ chức triển khai thanh tra -Tổng kết cuộc thanh tra: Sau khi tập huấn nghiệp vụ, dự thảo quyết định thành lập các Đoàn thanh tra số lượng từ 3 đến 4 đồng chí, bố trí xen kẽ cán bộ của các Chi cục. Các đoàn phân công thu thập tài liệu, nghiên cứu kỹ các văn bản chế độ chính sách, pháp luật thuế, quy trình quản lý và văn bản liên quan đến nội dung thanh tra. Các Trưởng đoàn thống nhất lập các biểu mẫu để các đơn vị được thanh tra cung cấp số liệu theo yêu cầu nội dung cuộc thanh tra. Sau khi hoàn thành việc thanh tra (Biên bản thanh tra được ký tại đơn vị), Trưởng phòng Kiểm tra nội bộ tổng hợp kết quả thanh tra chung tại các đơn vị báo cáo Lãnh đạo Cục. Lãnh đạo Cục kết luận thanh tra tại Hội nghị được tổ chức ở Văn phòng Cục. Thành phần gồm: ở Chi cục gồm Lãnh đạo Chi cục; các Tổ, Đội trưởng liên quan nội dung thanh tra; ở Cục gồm: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Tổng hợp dự toán, các Đoàn Thanh tra. Thông báo kết quả thanh tra đến các đơn vị trong toàn ngành để cùng rút kinh nghiệm chung, chấn chỉnh những thiếu sót, sai phạm. Thực hiện kiến nghị và xử lý sau thanh tra phải được theo dõi chặt chẽ, có báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra. Phòng Kiểm tra nội bộ phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ xem xét đề nghị Hội đồng kỷ luật xử lý những tập thể, cá nhân có sai phạm, gắn với công tác thi đua, khen thưởng hàng năm.

### **3.4 Một số kiến nghị**

#### ***3.4.1 Kiến nghị với Nhà Nước***

Hoàn thiện hệ thống pháp luật một cách đồng bộ, tránh sự chồng chéo và bất cập, tạo điều kiện hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế cụ thể.



- Xây dựng hệ thống chính sách đảm bảo tính thống nhất, đơn giản, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện. Đặc biệt hạn chế đem các chính sách vào trong Luật quá trình thực hiện nảy sinh nhiều tiêu cực. Thực tế hiện nay hệ thống chính sách thuế của nước ta còn phức tạp và liên tục thay đổi, làm cho người nộp thuế khó hiểu và không nắm bắt kịp thời với những thay đổi do đó, khó tự giác chấp hành. Nhiều Luật khi áp dụng các hiệu còn không thống nhất kể cả người nộp thuế lẫn cán bộ thuế. Vì lẽ đó tạo kẽ hở để người nộp thuế trốn tránh thuế, đồng thời tăng chi phí hành thu và chi phí tuân thủ dẫn đến gây thất thu thuế và đã gây tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

- Tờ khai phải được thiết kế đơn giản, dễ hiểu để tạo thuận lợi cho người nộp thuế tự kê khai dễ dàng. Tăng cường về cơ sở vật chất để tạo mọi điều kiện cho người nộp thuế kê khai và nộp thuế điện tử, vừa là tiết kiệm thời gian cho người nộp thuế hơn nữa để cơ quan thuế tập hợp được dễ dàng các dữ liệu phục vụ cho việc quản lý và xử lý số liệu kê khai mang tính xuyên suốt.

- Đề nghị bổ sung thêm chức năng điều tra hành chính về thuế để tăng thẩm quyền cho cơ quan thuế trong thực thi nhiệm vụ chống các hành vi tội phạm về thuế; Trong điều kiện hiện nay số các vi phạm về thuế tăng lên, hành vi trốn thuế ngày càng tinh vi hơn đòi hỏi cơ quan thuế cần có quyền lực đủ mạnh để thực thi nhiệm vụ.

- Thực hiện đồng bộ cơ chế chính sách quản lý kinh tế: Quản lý đất đai, thanh toán không dùng tiền mặt, quản lý đăng ký kinh doanh, quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh . . .

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật kế toán, Luật kiểm toán, Luật thanh tra, Luật khiếu nại, tố cáo.. tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế.

Tổ chức hệ thống Thanh tra thuế theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp.

Mục đích của kiểm tra, thanh tra là phát hiện kịp thời những vi phạm trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế để nhắc nhở, giáo dục ngăn chặn, xử lý đối với những trường hợp cố ý gian lận nhằm nâng cao tính tuân thủ của người nộp thuế. Để hoạt động thanh tra, kiểm tra đạt hiệu quả cao, cần phải tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra theo hướng chuyên sâu chuyên nghiệp. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế khác với hoạt động thanh tra chấp hành pháp luật nói chung ở chỗ thanh tra, kiểm tra thuế mang tính chuyên môn, nghiệp vụ rất cao, những người làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế không chỉ cần nắm vững các quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra nói chung mà còn phải là người thông thạo các sắc thuế, giỏi về quản lý thuế, nắm vững các quy định về chế độ kế toán, kiểm toán. Bởi vậy cần tổ chức lại hệ thống thanh tra, kiểm tra thuế theo hướng:

- Hệ thống thanh tra, kiểm tra cần được tổ chức, biên chế riêng ở tất cả các cấp cơ quan thuế từ trung ương đến địa phương, ở mỗi cấp cơ quan thuế bộ phận thanh tra được tổ chức phù hợp với yêu cầu quản lý, các bộ phận này có thể được thay đổi nhiệm vụ tùy theo mục tiêu quản lý trong từng thời kỳ nhất định. Chẳng hạn, ở cấp trung ương, bộ phận thanh tra có nhiệm vụ lập và chỉ đạo công tác thanh tra, tại các cơ quan thuế địa phương có nhiệm vụ trực tiếp thanh tra những NNT thuộc phạm vi quản lý của mình. Tại Tổng cục Thuế và Cục thuế, cơ quan thanh tra tổ chức hoạt động theo nhóm ngành kinh tế (công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ...) tạo điều kiện thuận lợi cho các thanh tra viên chủ động tìm hiểu, thu thập thông tin về nhóm ngành kinh tế mình phụ trách để vận dụng khi phân tích rủi ro, phân tích kinh tế ngành... Đồng thời thành lập bộ phận Thanh tra NNT lớn tại Cơ quan Tổng cục Thuế để thực hiện việc thanh tra thuế đối với NNT

lớn như các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty hoạt động đa lĩnh vực, đa quốc gia .

Xây dựng cơ cấu tổ chức thanh tra, kiểm tra thuế theo hướng chuyên môn hoá như vậy sẽ tạo điều kiện cho cán bộ thanh tra có điều kiện nâng cao trình độ chuyên sâu về nghiệp vụ, giảm bớt sự chông chéo trong hoạt động, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra.

- Tăng cường lực lượng thanh tra viên thuế, đảm bảo lực lượng thanh tra thuế chiếm tối thiểu 30% tổng số công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ thuế. Cơ cấu này phải được triển khai áp dụng đồng bộ ở cả 3 cấp, nhưng ưu tiên phát triển lực lượng thanh tra thuế tại các Cục thuế.

-Khuyến khích các hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn tài chính, kế toán, tư vấn thuế, đại lý thuế.

Như đã phân tích ở trên hệ thống pháp luật thuế chưa ổn định hay thay đổi. Chính vì vậy các hoạt động về tuyên truyền, tư vấn tài chính, tư vấn thuế, đại lý thuế là rất quan trọng. Thông qua đây đã giúp cho cơ quan thuế rất lớn về mặt tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các Luật thuế. Hỗ trợ người nộp thuế nâng cao kiến thức về thuế và tạo điều kiện cho Người nộp thuế chấp hành tốt pháp luật thuế cũng như pháp luật tài chính, kế toán nói chung, góp phần ngăn ngừa tình trạng gian lận, trốn thuế, nợ đọng thuế làm giảm các vụ khiếu kiện, tranh chấp về thuế giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế.

Tổ chức tư vấn thuế là kênh thông tin cung cấp cho cơ quan thuế các vướng mắc về phát sinh trong quá trình sản xuất,kinh doanh của các Doanh nghiệp. Phát hiện những bất cập về chính sách thuế trong quá trình thực hiện giúp cho cơ quan thuế kịp thời phản ánh để có sự điều chỉnh sửa đổi cho phù hợp.

Tuy nhiên hiện nay trong Luật quản lý thuế đã có đề cập về điều kiện ,quy chế nhưng quy định chưa thật rõ ràng.

### **3.4.2 Kiến nghị với Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế.**

- Đề nghị Tổng cục thuế hạn chế ban hành các quy trình, nếu ban hành phải đơn giản một số không cần thiết làm tăng thời gian nhưng không đem lại hiệu quả. Thể chế hướng dẫn nên nghiên cứu đưa vào sổ tay nghiệp vụ.

- Tăng cường đào tạo đội ngũ các bộ công chức đặc biệt là cán bộ thanh tra, kiểm tra. Hiện nay đội ngũ này có trình độ trên đại học còn chiếm tỷ lệ quá khiêm tốn. Có chính sách thu hút nhân tài từ mọi miền để làm nòng cốt nhân rộng ra.

- Hàng năm tạo quỹ về tài năng và các sáng kiến mới có hiệu quả trong công tác quản lý thuế đặc biệt là công tác kiểm tra, thanh tra.

### **3.4.3 Kiến nghị với Cấp ủy chính quyền.**

- Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh ổn định, có chính sách thu hút đầu tư từ nhiều nguồn để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tăng thu nhập cho các tầng lớp dân cư, qua đó tạo nguồn thu bền vững và ổn định cho ngân sách địa phương.

- Chỉ đạo các Ban, Ngành phối kết hợp cơ quan thuế trong công tác quản lý thu thuế nhằm tạo sức mạnh tổng hợp trong công tác thu ngân sách.

- Chỉ đạo các Ban, Ngành triển đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý; xây dựng và ban hành quy chế khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung giữa các Ban, ngành nhằm phục vụ tốt cho việc cung cấp thông tin về người nộp thuế. Hỗ trợ về cơ sở vật chất trang thiết bị thêm giúp người nộp thuế trên địa bàn đều kê khai thuế và nộp thuế điện tử.

- Chỉ đạo và trực tiếp kiểm tra, giám sát việc chấp hành nghĩa vụ thuế của các đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh trên địa bàn thông qua thành lập các Đoàn chống thất thu. Chỉ đạo các cấp các ngành thực hiện có hiệu quả đề án nâng cao hiệu quả quản lý, chống thất thu ngân sách từ thuế, phí trên địa bàn Hà Tĩnh đến năm 2015 và các năm tiếp theo.

## KẾT LUẬN

Trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quản lý thu thuế, thực hiện chiến lược phát triển ngành thuế ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020, Tổng kết 7 năm thực hiện Luật Quản lý Thuế Người nộp thuế ‘Tự khai, tự tính, tự nộp’ hiện nay công tác quản lý thuế đang phải đối mặt với những thủ đoạn trốn, lậu thuế bằng những thủ đoạn tinh vi, phức tạp. Trong đó có những thủ đoạn được liên kết ở qui mô lớn để trốn thuế... nhưng chưa được phát hiện, xử lý, truy thu kịp thời vào ngân sách Nhà nước.

Nghiên cứu và đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế trong điều kiện thực hiện Luật Quản lý thuế ở Việt Nam nói chung và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng là vấn đề hết sức cần thiết nhằm chống thất thu ngân sách, tạo công bằng xã hội, động viên các chủ thể kinh tế phát huy nguồn lực của mình đẩy mạnh sản xuất nâng cao năng suất lao động.

Trong luận văn: “ Hoàn thiện công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh” Với những nội dung phân tích ở từng chương, luận văn đã đạt được những kết quả sau chủ yếu sau:

1. Luận văn nghiên cứu một số vấn đề lý luận cơ bản về kiểm tra, thanh tra; kinh nghiệm thực tế kiểm tra, thanh tra thuế của một số nước trên thế giới và nghiên cứu hoạt động thanh tra tại một tỉnh để nghiên cứu thực trạng công tác kiểm tra, thanh tra thuế hiện nay ở Việt nam một cách đúng đắn và khoa học.

2. Qua phân tích, đánh giá thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh, luận văn đã chỉ rõ những kết quả chủ yếu, những tồn tại, hạn chế trong hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh hiện nay.

3. Về định hướng hoàn thiện và các giải pháp để hoàn thiện hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế, luận văn đã đưa ra mục tiêu, yêu cầu cơ bản của chiến lược phát triển ngành thuế giai đoạn 2011-2020 trong đó tập trung các yếu tố,

nguồn lực để hiện đại hoá kiểm tra, thanh tra thuế đến năm 2020 và những yêu cầu cơ bản cần phải đáp ứng nhằm hoàn thiện hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế. Luận văn đã tập trung nghiên cứu, phân tích và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm tra, thanh tra thuế ở Cục thuế Hà Tĩnh..

Do điều kiện và thời gian nghiên cứu hạn hẹp, mặc dù tác giả đã có nhiều cố gắng song luận văn không tránh khỏi những sai sót nhất định. Tác giả mong muốn nhận được nhiều ý kiến đóng góp, phê bình để đề tài hoàn thiện hơn.

Tác giả mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học, các đồng nghiệp để bản luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2011), *Quyết định số 2162/QĐ-BTC ngày 08/9/2011 về việc phê duyệt kế hoạch cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2015 và các đề án triển khai thực hiện chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020.*
2. Bộ Tài chính (2005), *Nhập môn thuế đại cương và lý thuyết thuế*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Bộ Tài chính (2007), *Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 về việc hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế về việc đăng ký thuế.*
4. Bộ Tài chính (2011), *Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.*
5. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.*
6. Chính phủ (2013), *Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế.*
7. Chính phủ (2013), *Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng.*
8. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2008), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB. Tài Chính.
9. Cục thuế Hà Tĩnh (2009), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2009.*

10. Cục thuế Hà Tĩnh (2010), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2010*.
11. Cục thuế Hà Tĩnh (2011), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2011*.
12. Cục thuế Hà Tĩnh (2012), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2012*.
13. Cục thuế Hà Tĩnh (2013), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2013*.
14. Cục thuế Hà Tĩnh (2013), *Báo cáo sơ kết công tác thuế 6 tháng đầu năm 2014*.
15. Cục thuế Hà Tĩnh (2009), *Báo cáo công tác kiểm tra, thanh tra năm 2009*.
16. Cục thuế Hà Tĩnh (2010), *Báo cáo công tác kiểm tra, thanh tra 2010*.
17. Cục thuế Hà Tĩnh (2011), *Báo cáo công tác kiểm tra, thanh tra 2011*.
18. Cục thuế Hà Tĩnh (2012), *Báo cáo công tác kiểm tra, thanh tra 2012*.
19. Cục thuế Hà Tĩnh (2013), *Báo cáo công tác kiểm tra, thanh tra 2013*.
20. Cục thuế Hà Tĩnh (2013), *Báo cáo công tác kiểm tra, thanh tra 6 tháng đầu năm 2014*.
21. Cục thuế Hà Tĩnh (2010), *Kỷ yếu Cục thuế Hà Tĩnh*.
22. Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh, *quy trình thanh tra thuế, kiểm tra thuế được xây dựng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008*
23. Võ Tiến Dũng(2013) “Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Kinh tế - kỹ thuật Bình Dương tháng 12 năm 2013*.
24. Hoàng Thị Thu Hà(2007) *Hoàn thiện tổ chức thanh tra thuế đối với các doanh nghiệp lớn ở Việt Nam, Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*.
25. Nguyễn Thị Thanh Hoài(2013) “ Tăng cường công tác thanh tra thuế ở Việt Nam” *Tạp chí Tài chính số 5 -2013*.
26. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2010) *Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010*;
27. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2006), *Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006*;



28. Glen Schmit, chuyên gia đào tạo người Canada ( 2005), *Chương trình đào tạo thanh tra theo cơ chế tự khai, tự nộp*.
29. Tài liệu thanh tra thuế Tổng cục thuế Nhật Bản (2008), *phục vụ hội thảo thanh tra thuế JICA*.
30. Tổng cục thuế (2009), *Quyết định số 460/QĐ-TCT ngày 5/5/2009 về việc ban hành quy trình thanh tra thuế*.
31. Tổng cục thuế (2009), *Quyết định số 528 /QĐ-TCT ngày 29/5/2008 về việc ban hành quy trình kiểm tra thuế*.
32. Tổng cục thuế (2010), *Quyết định số 502 /QĐ-TCT ngày 9/3/2010 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các phòng thuộc Cục thuế*.
33. Tổng cục thuế (2006), *Tài liệu hướng dẫn tuyên truyền chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2005-2010*.
34. Tổng cục thuế, *Tài liệu tập huấn chương trình cải cách hiện đại hóa ngành thuế đến năm 2010*.
35. Tổng cục thuế ( 2010), *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức kế toán nâng cao cho công chức thuế*.
36. Tổng cục thuế (2009), *Quyết định số 74 /QĐ-TCT ngày 27/1/2014 về việc ban hành quy trình thanh tra thuế*.
37. Tổng cục thuế (2010), *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức kế toán cho công chức thuế*, NXB. Chính trị - Hành chính.
38. Tổng cục thuế (2011), *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức kế toán nâng cao cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế*, NXB. Chính trị - Hành chính.
39. Thủ tướng chính phủ (2013), *Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/05/2011 về việc Phê duyệt “Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020”*.
40. Tổng cục Thuế (2010), *Chiến lược hoàn thiện hệ thống chính sách thuế giai đoạn 2011-2020*.

41. Trường bồi dưỡng cán bộ Tài chính Bộ Tài chính(2010), Một số vấn đề kinh tế tài chính Việt nam 2009-2010, NXB Tài chính.
42. UBND tỉnh Hà Tĩnh(2012), *Đề án nâng cao hiệu quả quản lý, chống thất thu ngân sách từ thuế, phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2015 và các năm tiếp theo.*
43. Nguyễn Thị Thanh Vỹ (2011) Tổ chức thanh tra thuế TNDN do Cục thuế Nghệ An thực hiện, Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.